

ACTIVE PARTICIPATION TOOLS:

A HANDBOOK FOR CIVIC ENGAGEMENT FACILITATORS



<https://creativecommons.org/licenses/by-sa/4.0/>

CREATORS:

Joanna Kurowska-Pysz, Karolina Mucha-Kuś, Lubomira Trojan - WSB University, Poland
Magdalena Weinle, Lizett Samaniego - Hochschule der Medien, Germany
Gražina Čiuladienė, Gintarė Žemaitaitienė, Jolanta Pivorienė - Mykolas Romeris University, Lithuania

IN COOPERATION WITH:

Le Quang Son, Ho Long Ngoc, Le Thi Hong Oanh - The University of Danang, Vietnam
Dario Marmo, Sara Barbieri - LAMA Cooperative Society - Social Enterprise, Italy
Emira Brkić Karninčić, Nenad Antolović - Rijeka Development Agency Porin, Croatia



Co-funded by the European Union. Views and opinions expressed are however those of the author(s) only and do not necessarily reflect those of the European Union or Fundacja Rozwoju Systemu Edukacji. Neither the European Union nor the granting authority can be held responsible for them.

Mykolas Romeris University, Lithuania
WSB University, Poland
Hochschule der Medien, Germany

The University of Danang, Vietnam
LAMA Cooperative Society - Social Enterprise, Italy
Rijeka Development Agency Porin, Croatia

TABLE OF CONTENTS

Introduction	4
Selected tools supporting the implementation of participatory projects	15
Storytelling	25
Stakeholders Map	30
Spatial Mapping	35
Persona	39
Diagnostic Survey	44
Observations	50
Challenges and Opportunities	54
Charrette	58
Ideation Methods	62
Prototyping	68
Summary	72
Annexes	78



LỜI GIỚI THIỆU:

Các xã hội hiện đại ngày càng đề cao tầm quan trọng của việc tham gia tích cực của người dân và các bên liên quan vào các quy trình ra quyết định. Trong một kỷ nguyên mà sự bất bình đẳng ngày càng sâu sắc, các cuộc khủng hoảng toàn cầu, và khoảng cách ngày càng lớn tạo ra các không gian cho đối thoại và hợp tác trở nên hết sức cần thiết. Sự tham gia của công dân đã trở thành một trong những trụ cột chính của quản lý công hiện đại và đời sống xã hội. Sự tham gia hiệu quả giúp các hành động cởi mở hơn, toàn diện hơn, và hiệu quả hơn trong nhiều lĩnh vực của đời sống, bao gồm quy hoạch không gian, tái thiết các khu vực đô thị xuống cấp và tăng cường các mối quan hệ xã hội trong kỷ nguyên hậu COVID.

Không chỉ chính quyền địa phương và các tổ chức phi chính phủ, mà cả các tổ chức giáo dục đại học, trường học, và các tổ chức văn hóa cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc kiến tạo các cộng đồng địa phương vững mạnh, nơi các giải pháp được hình thành thông qua hợp tác" để giải quyết tốt nhất các nhu cầu thực tế của cộng đồng. Đại diện của các tổ chức này ngày nay không chỉ là những người tham gia vào quy trình này, mà còn là những tác nhân thúc đẩy tự nhiên. Thường là trong môi trường giáo dục, những ý tưởng, thực hành, và năng lực mới cần thiết cho việc xây dựng một xã hội dựa trên việc ra quyết định chung, sự đồng cảm, và trách nhiệm được khai sinh..

Với niềm tin vào tầm quan trọng của việc giáo

dục và chuẩn bị cho sinh viên và thanh thiếu niên trở thành những thành viên tích cực của các quy trình tham gia, chúng tôi đã triển khai dự án Các Cơ Sở Giáo Dục Đại Học Là Tác Nhân Đổi Mới Phát Triển Bền Vững Trong Các Thành Phố Châu Âu Trong Kỳ Nguyên Hậu COVID-19 (HEIsCITI, Dự án Erasmus+). Mục tiêu của HEIsCITI là hỗ trợ hợp tác giữa các trường đại học, chính quyền địa phương, và người dân, cũng như tăng cường vai trò của các trường đại học và sinh viên trong phát triển đô thị. Một khía cạnh quan trọng khác của dự án là phát triển các công cụ sẽ hiệu quả trong việc phát triển các giải pháp cho các không gian đô thị bị lãng quên, cũng như kích thích đời sống xã hội và các mối liên kết bị suy yếu do đại dịch COVID-19.

Dự án HEIsCITI cung cấp ba tài liệu, trong đó có Hướng Dẫn này. Cùng với: Phương Pháp Luận cho một khóa học Đại học mang tên: Quản Lý Tham Gia: Các Công Cụ Để Gắn Kết Công Dân và Trao Quyền Cho Cộng Đồng, và Công Cụ Tham Gia Chủ Động: Cẩm Nang Dành Cho Điều Phối Viên Hoạt Động Gắn Kết Công Dân, hợp thành một bộ công cụ toàn diện việc thực hiện các quy trình tham gia và giáo dục trong lĩnh vực này. Các công cụ để hỗ trợ sự tham gia và các kịch bản bài giảng và hội thảo được trình bày trong Hướng Dẫn nhằm mục đích truyền cảm hứng cho môi trường học thuật và trường học để tạo ra các khóa học giáo dục trong lĩnh vực này

TRONG HƯỚNG DẪN, CHÚNG TÔI TRÌNH BÀY:

- / - CÁC CÔNG CỤ ĐƯỢC CHỌN HỖ TRỢ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN THAM GIA, - CÁC KỊCH BẢN BÀI GIẢNG GIỚI THIỆU VỀ SỰ THAM GIA (PHỤ LỤC SỐ 1),
INTRODUCTORY LECTURE SCENARIOS ON PARTICIPATION (ANNEX no. 1),
- / - CÁC KỊCH BẢN CHO CÁC HỘI THẢO THAM GIA VỀ CÁC THÁCH THỨC MÀ CỘNG ĐỒNG PHẢI ĐỐI MẶT TRONG KỶ NGUYÊN HẬU COVID 19, CÓ THỂ ĐƯỢC THỰC HIỆN NHƯ MỘT PHẦN CỦA CÁC KHÓA HỌC GIÁO DỤC KHÁC NHAU (PHỤ LỤC SỐ 2),
- / - MÔ TẢ CÁC THỰC HÀNH TỐT – CÁC QUY TRÌNH THAM GIA ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI Ý, CROATIA VÀ VIỆT NAM (PHỤ LỤC SỐ 3).



THE TOOLS

Các công cụ trong khuôn khổ dự án HEIsCITI đã được thử nghiệm thông qua các quy trình tham gia thí điểm được triển khai vào năm 2024 tại ba quốc gia: Ba Lan, Litva và Đức. Các quy trình này được tiến hành trong khuôn khổ các khóa học đại học tại ba trường: Hochschule der Medien (Đức), Mykolas Romeris University (Lithuania), và WSB University (Ba Lan).

Các quy trình được thực hiện trong suốt một học kỳ của năm học và bao gồm hai giai đoạn: các bài giảng giới thiệu, chuẩn bị cho sinh viên về các khía cạnh lý thuyết của quy trình tham gia, và các hội thảo.

Các bài giảng giới thiệu về sự tham gia đã được các học giả từ các trường đại học nói trên và các chuyên gia thực hành từ LAMA Cooperative



Society - Social Enterprise (Ý) và Rijeka Development Agency Porin (Croatia) truyền đạt như một phần của các khóa học.

Các hội thảo được điều phối bởi nhân viên các trường đại học. Chương trình hội thảo dựa trên hai phương pháp: Tư Duy Thiết Kế (Design Thinking) và Học Tập Dựa Trên Vấn Đề (Problem-Based Learning). Các nhóm dự án gồm sinh viên trực tiếp làm việc với những vấn đề do chính họ xác định trong môi trường xung quanh, trong các không gian đô thị cụ thể được xác định là bị lãng quên tại ba thành phố: Cieszyn (Ba Lan), Stuttgart (Đức), và Joniskis (Lithuania).

Các kịch bản bài giảng giới thiệu đã được phát triển như một phần của dự án HEIsCITI bởi các đại diện trường đại học và các chuyên gia thực hành và sau đó được truyền đạt cho các nhóm sinh viên từ Đức, Lithuania, và Ba Lan. Các bài giảng giới thiệu cung cấp một điểm khởi đầu tốt, cho phép người tham gia tìm hiểu về các quy tắc, phương pháp, và thực hành tốt nhất. Chúng hỗ trợ việc hiểu mục tiêu của quy trình, hỗ trợ làm việc nhóm, và tạo điều kiện cho việc làm việc với các công cụ tham gia được trình bày trong chương tiếp theo.

1. „Gắn Kết Công Dân trong Phát Triển Đô Thị và Thành Phố”



một bài giảng đề cập đến những vấn đề cơ bản liên quan đến sự tham gia của người dân trong các quy trình ra quyết định ở cấp địa phương. Bài giảng giới thiệu khái niệm về các hoạt động tham gia và vai trò của chúng trong việc hỗ trợ xã hội dân sự. Việc tái tạo các khu vực bị bỏ hoang – một trong những ví dụ phổ biến nhất về các can thiệp đòi hỏi sự tham gia của cộng đồng địa phương – được dùng làm bối cảnh để phân tích các quy trình, phương pháp, và công cụ tham gia khác nhau. Sự nhấn mạnh đặc biệt được đặt vào việc chẩn đoán vấn đề bằng cách sử dụng các phương pháp tham gia khác nhau, thu hút các nhóm bên liên quan khác nhau, và giao tiếp theo cách phù hợp với nhu cầu của họ.

2. „Tham Gia vì Sự Gắn Kết Cộng Đồng”



Bài giảng này giải thích tầm quan trọng của sự tham gia công chúng đối với sự gắn kết cộng đồng. Nó trình bày các mô hình tham gia khác nhau và thảo luận về các nguyên tắc và ứng dụng thực tiễn của chúng, cũng như các khía cạnh xã hội học và chính trị của sự tham gia của công dân vào các quy trình ra quyết định. Bài giảng bao gồm thang tham gia của Arnstein và Hart, các mức độ tham gia của Tre-seder, các con đường tham gia của Shier, và các mô hình được công nhận khác. Thông qua việc phân tích nghiên cứu điển hình đi kèm (hoặc trò chơi giáo dục), người tham gia học cách nhận ra mức độ tham gia trong các tình huống cụ thể.

3. „Vượt Ra Khỏi Khuôn Khổ: Những Bước Đầu Tiên Trên Con Đường Đến

là một đánh giá về các cách tiếp cận và phương pháp thường được sử dụng trong các quy trình đổi mới, bao gồm tư duy thiết kế, đặc biệt là trong việc khám phá vấn đề và hiểu đối tượng. Nó trình bày các giả định chính của đổi mới mở và thảo luận về tầm quan trọng của việc xây dựng các thách thức một cách chính xác và cởi mở, với sự nhấn mạnh vào việc khám phá và xác minh nhu cầu của khách hàng. Nó cũng phân tích các phương pháp nghiên cứu hỗ trợ việc khám phá nhu cầu hiệu quả.

4. „Phát Huy Khả Năng Phục Hồi: Các Phương Pháp Tham Gia Đổi Mới

một bài giảng cho phép bạn hiểu sự tham gia vào đời sống xã hội đã thay đổi như thế nào sau đại dịch COVID-19. Bài giảng bao gồm cách điều chỉnh các phương pháp tham gia truyền thống, các công cụ, và công nghệ mới cho hoạt động gắn kết tham gia từ xa và kết hợp, cũng như các thách thức đạo đức liên quan đến các thực hành tham gia kỹ thuật số. Bài giảng trình bày các vấn đề đạo đức, các chiến lược xây dựng cộng đồng kiên cường thông qua sự tham gia, và các nghiên cứu điển hình về các thực hành tham gia thành công sau COVID-19. Nó cũng nêu bật vai trò của tính toàn diện và đa dạng trong các cách tiếp cận tham gia, bao gồm các chiến lược để

5. „Tham Gia Trên Thực Tế – Nghiên Cứu Điển Hình, Công Cụ, và

một bài trình bày về một nghiên cứu điển hình được chọn, cho phép người tham gia tìm hiểu về một bộ công cụ hoạt động tốt trong các quy trình tham gia. Loại bài giảng này cũng cung cấp cơ hội để tương tác với một chuyên gia tham gia, thảo luận về những khó khăn tiềm ẩn, hợp tác với các bên liên quan khác nhau, xác định các thách thức dự án, tiến hành nghiên cứu, lập bản đồ các bên liên quan, và xác định các thách thức và cơ hội. Bài giảng cũng cung cấp các mẹo thực tế về cách tiến hành các hội thảo bằng cách sử dụng kỹ thuật World Café, chuẩn bị các bài trình bày giải pháp, và phát triển một chiến lược truyền thông quy trình.

Mỗi bài giảng là một lời mời gọi đối thoại, hợp tác, và khám phá những hướng đi dẫn đến các quy trình thực tế, hiệu quả. Các kịch bản bài giảng chi tiết có thể được tìm thấy trong Phụ Lục 1, trên trang.....

MỘT SỐ MẸO ĐỂ GIẢNG BÀI

1. Điều đáng giá là bắt đầu bằng cách lập bản đồ kiến thức của người tham gia, hỏi họ liên tưởng điều gì với sự tham gia của công dân, kinh nghiệm và kỳ vọng của họ là gì.
2. Các yếu tố tương tác có tính kích thích – một phiên động não ngắn, bỏ phiếu trực tuyến, một bản đồ tư duy, và một bài trắc nghiệm sẽ thu hút nhóm và bắt đầu bài giảng một cách tích cực.
3. Các nghiên cứu điển hình có thể đóng vai trò là trực tượng thuật chính – bằng cách chỉ ra các ví dụ cụ thể, để xây dựng sự hiểu biết và kích thích thảo luận hơn.
4. Điều đáng giá là khuyến khích sự suy ngẫm và chia sẻ kinh nghiệm của bản thân – mỗi người tham gia mang lại điều gì đó có giá trị.
5. Bài giảng có thể được kết thúc bằng các câu hỏi mở – những câu hỏi này sẽ kích thích hành động tiếp theo và giới thiệu hội thảo.

CÁC KỊCH BẢN HỘI THẢO ĐI KÈM VỚI HƯỚNG DẪN

Các kịch bản hội thảo đi kèm với Hướng Dẫn (Phụ Lục 2) dựa trên kinh nghiệm từ các quy trình thí điểm, sử dụng các công cụ được khuyến nghị trong Hướng Dẫn, và sẵn sàng để triển khai. Chúng có thể được sử dụng cho mục đích giáo dục tại các trường đại học và trường học, cũng như bởi các tổ chức, tổ chức phi chính phủ, và chính quyền địa phương đang lên kế hoạch triển khai các quy trình tham gia trong cộng đồng của họ.

Chương trình khóa học được định hình bởi kinh nghiệm của các đối tác dự án: LAMA Cooperative Society - Social Enterprise (Ý), Rijeka Development Agency Porin (Croatia), và Đại học Đà Nẵng (Việt Nam). Các đối tác đã đóng góp kiến thức và kỹ năng và đề xuất các bộ công cụ, sau đó đã được thử nghiệm trong HEIsCITI. Họ cũng trình bày các thực hành tốt nhất có thể truyền cảm hứng và làm phong phú các khóa học và hội thảo tham gia được thực hiện ở những nơi khác trên thế giới. Những thực hành tốt nhất này giúp chuyển lý thuyết vào bối cảnh hành động trong thế giới thực, truyền cảm hứng nhưng cũng làm nổi bật các thách thức và hạn chế của việc triển khai sự tham gia. Các ví dụ tốt từ Ý, Croatia, và Việt Nam được bao gồm trong Phụ Lục 3.

Các công cụ và kịch bản được trình bày có tính đến các đặc điểm cụ thể của các nhóm đối tượng và tình huống khác nhau, cho phép điều chỉnh linh hoạt theo nhu cầu địa phương và các thách thức khác nhau trên toàn thế giới. Chúng tôi tin rằng sự hợp tác, sự cởi mở với các quan điểm đa dạng, bao gồm cả của người trẻ, và việc sử dụng các công cụ tham gia hiện đại là con đường để tạo ra sự thay đổi, đặc biệt là ở các khu vực kém phát triển cần can thiệp, cũng như ở những khu vực cần xây dựng lại các mối quan hệ xã hội trong kỷ nguyên hậu COVID.

CÁC CÔNG CỤ ĐƯỢC CHỌN HỖ TRỢ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN THAM GIA

Các quy trình tham gia đương đại không chỉ đòi hỏi sự tham gia của các nhóm xã hội khác nhau mà còn đòi hỏi việc sử dụng các phương pháp làm việc phù hợp nhằm thúc đẩy việc đồng sáng tạo các giải pháp, sự sáng tạo, và tư duy phản biện. Các phương pháp tham gia bao gồm không chỉ các hành động được thực hiện bởi cộng đồng địa phương mà còn cả việc đánh giá và phân tích tình hình và các bối cảnh xung quanh, cũng như các chiến lược để khởi xướng và tham gia vào sự thay đổi xã hội.

Có nhiều cách để tham gia vào các quy trình tham gia. Hai phương pháp đặc biệt hiệu quả và ngày càng được sử dụng là Tư Duy Thiết Kế (Design Thinking - DT) và Học Tập Dựa Trên Vấn Đề (Problem-Based Learning - PBL). Mặc dù cả hai phương pháp đều thúc đẩy việc học tập chủ động và hợp tác, ứng dụng của chúng trong sự tham gia của công dân khác nhau về mục đích, quy trình, và kết quả mong đợi.

DESIGN THINKING

Đây là một phương pháp làm việc kết hợp sự sáng tạo, sự đồng cảm, và cách tiếp cận phân tích để giải quyết vấn đề. Bắt nguồn từ thiết kế, tính linh hoạt của nó cho phép nó được áp dụng trong kinh doanh, giáo dục, quản lý công, và lĩnh vực xã hội. Nó đặc biệt hiệu quả trong việc tạo ra các giải pháp đổi mới và giải quyết các vấn đề phức tạp, mơ hồ (wicked problems). Phương pháp này lấy con người làm trung tâm tìm kiếm các giải pháp đáp ứng nhu cầu của họ. Một đặc điểm chính của quy trình là sự thích ứng liên tục với các nhu cầu thay đổi của con người và việc tìm

TƯ DUY THIẾT KẾ DỰA TRÊN CÁC GIẢ ĐỊNH SAU:

- » Lấy người dùng làm trung tâm: mục tiêu chính là tạo ra các giải pháp đáp ứng nhu cầu trong thế giới thực.
- » Hợp tác đa ngành: Quy trình khuyến khích sự tham gia của những người đến từ nhiều lĩnh vực và chuyên môn khác nhau, thúc đẩy việc hình thành các ý tưởng sáng tạo.
- » Tạo mẫu và lặp lại: thử nghiệm và cải tiến ý tưởng cho phép xác minh nhanh chóng cách người dùng đánh giá dự án.
- » Tính linh hoạt: phương pháp này có thể được áp dụng cho cả các dự án nhỏ và các thách thức phức tạp.

CÁC GIAI ĐOẠN CỦA QUY TRÌNH



1. Đồng cảm

Đây là thời điểm để hiểu nhu cầu, cảm xúc, và kỳ vọng của người dùng. Giai đoạn này sử dụng các phương pháp dân tộc học, nghiên cứu định tính và định lượng (quan sát, phỏng vấn, khảo sát, phân tích dữ liệu), cho phép chúng ta đồng cảm với quan điểm của người dùng.

2. Xác định Vấn đề

Dựa trên thông tin thu thập được, một vấn đề hoặc thách thức cụ thể cần được giải quyết được xây dựng. Điều này phải phản ánh nhu cầu thực tế của người dùng.

3. Tạo Ý tưởng

Một giai đoạn động não trong đó người tham gia tạo ra các giải pháp bằng cách sử dụng các phương pháp heuristic khác nhau. Điều quan trọng là phải cởi mở với các ý tưởng đa dạng và tránh chỉ trích chúng sớm.

4. Tạo mẫu

Liên quan đến việc tạo ra các mô hình hoặc bản phác thảo nhanh chóng, đơn giản của các ý tưởng được chọn, tạo ra các bảng phân cảnh (storyboards), và đóng vai – tất cả đều cho phép người dùng hình dung tốt hơn về giải pháp được lên kế hoạch. Các mẫu thử giúp chúng ta thấy giải pháp có thể hoạt động như thế nào trong thực tế và hỗ

5. Kiểm Tra

Trong giai đoạn này, các mẫu thử được người dùng kiểm tra. Các ý kiến và nhận xét được thu thập được sử dụng để thực hiện các chỉnh sửa, cho phép giải pháp được điều chỉnh tốt hơn theo nhu cầu của bạn.

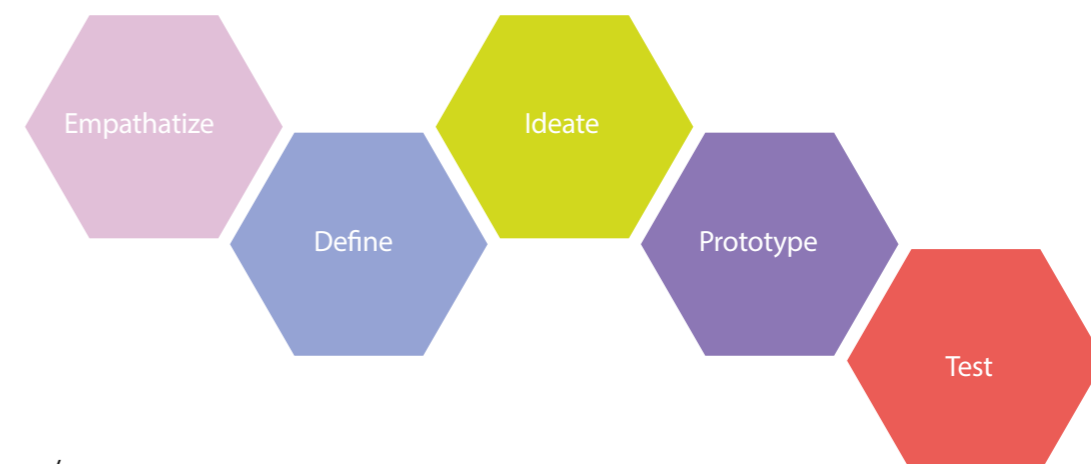
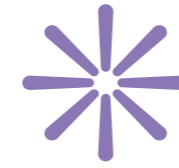


FIG. 1 / STANFORD DESIGN THINKING PROCESS

Học Tập Dựa Trên Vấn Đề (PBL)

Đây là một phương pháp trong đó quy trình học tập tập trung vào việc giải quyết các vấn đề phức tạp, trong thế giới thực. Đây là cách tiếp cận học bằng cách làm, một cách không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn phát triển các năng lực quan trọng để làm việc trong các nhóm liên ngành. Nó dựa trên các giả định sau:

- » Học Tập Dựa Trên Vấn Đề: Người tham gia (sinh viên) bắt đầu bằng cách phân tích một vấn đề trong thế giới thực và sau đó tiếp thu kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết nó.
- » Học Tập Nhóm: Làm việc trong các nhóm nhỏ thúc đẩy việc trao đổi kiến thức, phát triển kỹ năng giao tiếp, và hợp tác.
- » Vai trò của Điều Phối Viên: Giáo viên đóng vai trò là một điều phối viên, hỗ trợ quy trình học tập, đặt câu hỏi, và động viên sinh viên mà không cung cấp các câu trả lời sẵn có.



CÁC BƯỚC QUY TRÌNH:

TRÌNH BÀY VẤN ĐỀ:

Người tham gia được giới thiệu một vấn đề trong thế giới thực đòi hỏi một giải pháp. Các vấn đề phải phức tạp và yêu cầu một cách tiếp cận liên ngành.

PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ:

Người tham gia được giới thiệu một vấn đề trong thế giới thực đòi hỏi một giải pháp. Các vấn đề phải phức tạp và yêu cầu một cách tiếp cận liên ngành.

HỌC TẬP ĐỘC LẬP:

Người tham gia tìm kiếm thông tin, điều tra các vấn đề, và tiếp thu kiến thức từ các nguồn khác nhau.

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ:

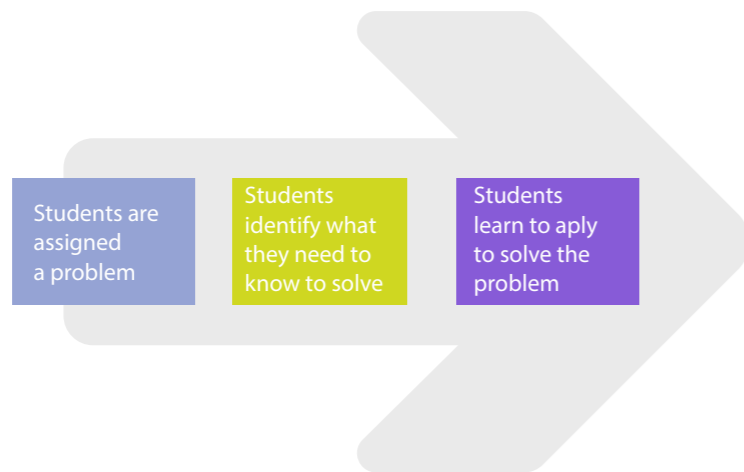
Dựa trên kiến thức thu được, các nhóm phát triển và trình bày một giải pháp.

SUY NGẪM VÀ THẢO LUẬN TỔNG KẾT:

Sau khi dự án hoàn thành, các quy trình học tập và kết quả được thảo luận.

Học Tập Dựa Trên Vấn Đề (Problem-based Learning) là một cách tiếp cận giáo dục toàn diện hơn, phù hợp cho các quy trình yêu cầu làm việc với các vấn đề phức tạp hơn trong một thời gian dài hơn.





HÌNH 2. SƠ ĐỒ QUY TRÌNH HỌC TẬP DỰA TRÊN VẤN ĐỀ
[HTTPS://CETL.UCONN.EDU/RESOURCES/DESIGN-YOUR-COURSE/TEACHING-AND-LEARNING-TECHNIQUES/PROBLEM-BASED-LEARNING/](https://cetl.uconn.edu/resources/design-your-course/teaching-and-learning-techniques/problem-based-learning/)

KHI NÀO LÀ TỐT NHẤT ĐỂ SỬ DỤNG TƯ DUY THIẾT KẾ?

DT đặc biệt hữu ích trong các tình huống sau:

- » khi cần thiết phải hiểu nhu cầu của một cộng đồng nhất định, khi tạo ra các giải pháp cho các vấn đề được xác định bởi cộng đồng, ví dụ, trong việc lập kế hoạch không gian chung, dịch vụ công, hoặc các hoạt động xã hội,
- » khi có nhu cầu xem xét các quan điểm của những người khác nhau về tuổi tác, giáo dục, nền tảng, giới tính, v.v.,
- » trong các tình huống yêu cầu tạo mẫu nhanh và kiểm tra khái niệm.

KHI NÀO THÌ ĐÁNG GIÁ ĐỂ SỬ DỤNG HỌC TẬP DỰA TRÊN VẤN ĐỀ?

Việc sử dụng PBL trong các quy trình tham gia đặc biệt có giá trị khi:

- » Chúng ta cam kết phân tích sâu sắc các vấn đề địa phương phức tạp,
- » tạo ra kiến thức chung và cách tiếp cận chung giữa người dân dựa trên các thách thức thực tế.

Bảng 1. Sự khác biệt giữa Tư Duy Thiết Kế và Học Tập dựa trên vấn đề trong sự tham gia:

Tiêu chí	Học tập dựa trên vấn đề	Tư duy thiết kế
Mục tiêu	Hiểu và phân tích vấn đề	Tạo ra và kiểm tra giải pháp
Phong cách làm việc	Suy ngẫm, điều tra	Sáng tạo, lặp lại
Vai trò của người tham gia	Nhà nghiên cứu, nhà phân tích	Nhà thiết kế giải pháp
Năng lực chính	Tư duy phản biện, phân tích, hợp tác	Đồng cảm, sáng tạo, thử nghiệm
Thời gian thực hiện	Quy trình trung hạn hoặc dài hạn	Cũng có thể được thực hiện trong một hội thảo ngắn

Cả hai phương pháp đều đòi hỏi thời gian và sự cam kết. Chúng không nên được sử dụng khi:

- » Không có thời gian cho quy trình; cả hai phương pháp đều yêu cầu nhiều cuộc họp, thời gian cho các lần lặp lại, kiểm tra, và trình bày kết quả.
- » Người tham gia không có động lực để cam kết dài hạn,
- » Vấn đề đã được giải quyết trước,
- » Các nhà tổ chức quy trình không sẵn sàng triển khai kết quả – việc thiếu các bước tiếp theo làm nản lòng người tham gia.

Cả hai phương pháp có thể bổ sung cho nhau; người tham gia có thể khám phá vấn đề trước bằng cách sử dụng PBL và sau đó sử dụng DT để phát triển và kiểm tra giải pháp. Một điều phối viên đóng vai trò chủ chốt trong cả hai quy trình. Vai trò này chủ yếu liên quan đến việc hỗ trợ quy trình, hướng dẫn người tham gia qua các giai đoạn phân tích vấn đề, tìm kiếm thông tin, nghiên cứu, và phát triển giải pháp.

Các năng lực cần thiết để tiến hành các quy trình DT và PBL:

Trong trường hợp Tư Duy Thiết Kế:

- » Kiến thức về các giai đoạn của phương pháp,
- » Khả năng tiến hành phỏng vấn, quan sát, và tổng hợp thông tin quan sát được,
- » Kiến thức về các kỹ thuật tạo ý tưởng – kỹ thuật ý tưởng, động não, v.v.,
- » Khả năng làm việc với các mẫu thử, kiểm tra, và phản hồi nhanh chóng với phản hồi,
- » Khả năng sử dụng tư duy trực quan và kể chuyện.

Trong trường hợp Học Tập Dựa Trên Vấn Đề:

- » Khả năng điều tiết một quy trình nhóm dựa trên phân tích vấn đề,
- » Kiến thức về phương pháp PBL và các giai đoạn học tập,
- » Khả năng xây dựng một bầu không khí khám phá chung,
- » Khả năng thiết kế các bài tập hỗ trợ phân tích và khám phá (ví dụ: lập bản đồ vấn đề, phân tích dữ liệu).

Cả hai phương pháp được trình bày ở trên đều có các bộ công cụ đặc trưng. Là một phần của dự án HEIsCITI, chúng tôi đã chọn ra những công cụ đặc biệt hiệu quả khi làm việc với các thách thức của các không gian bị lãng quên. Chúng đã được kiểm tra và xác minh về tính hữu ích và hiệu quả của chúng trong việc học tập của sinh viên. Chúng bắt nguồn từ một bộ sưu tập các công cụ được sử dụng trong các phương pháp DT và PBL, cũng như trong các quy trình tham gia được triển khai bởi các đối tác tại Ý, Croatia, và Việt Nam. Mỗi công cụ này hỗ trợ sự gắn kết của các bên liên quan vào các quy trình chuyển đổi không gian đô thị, thúc đẩy sự hợp tác nhóm hiệu quả, thu hút người dùng, và phát triển các giải pháp tối ưu và phù hợp nhất. Chúng cũng tăng cường ý thức về trách nhiệm chung của họ đối với thách thức và giải pháp của nó.

Các công cụ được chọn là:

- / **Linh hoạt** – chúng có thể được điều chỉnh theo nhu cầu địa phương và các thách thức khác nhau.
- / **Đa dạng** – chúng có thể được điều chỉnh cho các đối tượng khác nhau.
- / **Thực tế** – chúng được chọn dựa trên các quy trình thí điểm và các thử nghiệm liên quan đến sinh viên, học giả, quan chức chính quyền địa phương, và các tổ chức phi chính

STORYTELLING



Kể chuyện là một phương pháp để thu thập và phân tích các câu chuyện địa phương, ký ức, và kinh nghiệm của người dân. Nó cho phép hiểu rõ hơn về bối cảnh văn hóa, cảm xúc, và xã hội của một không gian nhất định so với số liệu thống kê và „dữ liệu cứng.“ Khai thác sức mạnh của câu chuyện cho phép không chỉ hiểu rõ hơn về nhu cầu của người dân mà còn tạo ra các giải pháp có ý nghĩa đối với họ. Kể chuyện hoạt động thông qua các cuộc phỏng vấn cá nhân, thảo luận nhóm, hoặc hội thảo. Người tham gia chia sẻ kinh nghiệm cá nhân được kết nối với một địa điểm cụ thể. Những câu chuyện này có thể được ghi lại dưới dạng bản ghi âm hoặc video, bản chép lời, hoặc bản đồ câu

Ứng dụng:

- Khởi xướng quy trình tái tạo (ví dụ: tạo ra một „bản đồ ký ức“ của một địa điểm nhất định),
- Xác định các giá trị địa phương (ví dụ: các câu chuyện về các cột mốc xã hội quan trọng),
- Thiết kế các không gian có tính đến nhu cầu của mọi người,
- Xây dựng sự đồng cảm giữa các nhóm bên liên quan.

Kể chuyện:

- » thu hút cảm xúc,
- » mang lại cho các dự án một chiều kích con người hơn,
- » hỗ trợ việc hiểu các giá trị và nhu cầu của một cộng đồng nhất định, -
đề cao kiến thức của những người từ các thế hệ và nhóm xã hội khác nhau, cũng như những người bị loại trừ (ví dụ: người lớn tuổi),
- » tăng cường ý thức cộng đồng.

Hạn chế của kể chuyện:

- » có thể có những khó khăn liên quan đến việc phân tích sự tiếp nhận của câu chuyện,
- » đòi hỏi sự điều tiết tốt của quy trình và giành được sự tin tưởng của người tham gia,
- » có thể không phù hợp cho các dự án „nhanh“.

Điều đáng giá là:

- » kết hợp kể chuyện với việc tạo ra các nhân vật đại diện (personas) hoặc bản đồ không gian
- » các câu chuyện giúp bổ sung dữ liệu bằng cảm xúc và kinh nghiệm thực tế,
- » ghi lại và trực quan hóa các câu chuyện,
- » nhớ xác minh xem một câu chuyện nhất định có thể được trích dẫn

Làm thế nào để sử dụng kể chuyện?

1. Bắt đầu bằng cách xác định chủ đề của câu chuyện – đó là về điều gì?
2. Xác định lý do bạn muốn kể câu chuyện này. Bạn muốn kích hoạt sự thay đổi nào? Bạn muốn gợi lên hành động, sự suy ngẫm, hoặc cảm xúc nào ở khán giả của bạn?
3. Xem xét bạn đang nhắm mục tiêu đến ai với câu chuyện của bạn. Khán giả của bạn là ai? Nhu cầu, giá trị, và mối quan tâm của họ là gì?
4. Xác định trạng thái tinh thần trước khi nghe câu chuyện. Ghi lại những gì khán giả của bạn biết, cảm thấy, hoặc nghĩ trước khi gặp câu chuyện. Thái độ của họ là gì và họ đã sở hữu thông tin gì?
5. Lập kế hoạch cấu trúc câu chuyện của bạn. Bạn có thể sử dụng cấu trúc như sau:
 - » Giới thiệu: trình bày bối cảnh, nhân vật chính, vấn đề,
 - » Bước ngoặt – điều gì đó xảy ra, một thách thức nảy sinh,
 - » Phát triển – các hành động, khó khăn, quyết định,
 - » Kết thúc – giải pháp, kết luận, sự chuyển đổi.
6. Xác định trạng thái của bạn sau khi nghe câu chuyện. Ghi lại những gì đã thay đổi ở khán giả của bạn sau khi nghe câu chuyện. Họ đã hiểu, nhớ, cảm thấy, hoặc làm gì?

Các điều phối viên quy trình cũng có thể tự tạo ra những câu chuyện hấp dẫn. Một công cụ chính trong việc lập kế hoạch và cấu trúc câu chuyện là khung kể chuyện. Chúng được sử dụng để lập kế hoạch và tạo ra những câu chuyện hấp dẫn, giúp thiết kế những thông điệp dễ hiểu và dễ nhớ. Để sử dụng chúng, hãy bắt đầu bằng cách xác định chủ đề, mục đích, và đối tượng mục tiêu của câu chuyện. Công cụ này cho phép bạn quan sát những gì khán giả của bạn nghĩ, cảm thấy, hoặc biết trước khi gặp câu chuyện, cũng như những gì họ nên rút ra từ đó.

Thêm về kể chuyện:

- » <https://participatorystory.wordpress.com/participatory-storytelling/>
- » <https://www.youtube.com/watch?v=zrts348lcqk>
- » <https://link.springer.com/content/pdf/10.1007/s11528-006-0072-7.pdf>
- » https://www.ssoar.info/ssoar/bitstream/handle/document/90764/ssoar-ejmi-2023-2-vivek_et_al-Storytelling_As_a_Qualitative_Approach.pdf?sequence=1&isAllowed=y
- » <https://scholar.sun.ac.za/server/api/core/bitstreams/04a680e3-66bc-4927-b-627-b9be381dd2e7/content>
- » <https://www.open-access.bcu.ac.uk/5651/7/IJPM%20SEAM%2012-3%202017%20%202.%20Structuring%20%20%20Storytelling%2C%20ME%2C%20GH.pdf>

1 / STORY TOPIC

WHAT IS THE **MAIN TOPIC** OF YOUR STORY?

2 / PURPOSE

WHAT DO YOU WANT TO **ACHIEVE**? WHAT CHANGE DO YOU WANT TO CREATE IN YOUR AUDIENCE?

3 / TARGET AUDIENCE

WHO ARE THE **RECIPIENTS OF YOUR STORY**? WHAT MATTERS TO THEM?

4 / BEFORE THE STORY

WHAT DOES YOUR AUDIENCE **KNOW, FEEL, OR THINK** BEFORE HEARING YOUR STORY?

5 / AIM

MAIN NARRATIVE (STORY STRUCTURE):
BEGINNING - CONTEXT, CHARACTER, SITUATION
TURNING POINT - PROBLEM, CHALLENGE, CHANGE
DEVELOPMENT - ACTIONS, EMOTIONS, DECISIONS
ENDING - SOLUTION, TRANSFORMATION, TAKEAWAY

6 / AFTER STORY

WHAT SHOULD THE AUDIENCE **UNDERSTAND, FEEL, OR REMEMBER** AFTER EXPERIENCING THE STORY?

STAKEHOLDERS MAP



Bản đồ các bên liên quan là một công cụ cho phép bạn xác định các cá nhân, nhóm, và tổ chức ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi một dự án nhất định, cả trực tiếp và gián tiếp. Bản đồ cho phép bạn trực quan hóa sức mạnh của các mối quan hệ và mức độ tham gia của từng cá nhân, nhóm, và tổ chức vào dự án. Bằng cách phân tích ảnh hưởng và sự tham gia của họ, bạn có thể thiết kế tốt hơn các hoạt động truyền thông, tránh xung đột, và tăng cường hợp tác trong dự án.

Việc tạo ra bản đồ bắt đầu bằng việc xác định các bên liên quan chính, chẳng hạn như người dân, các tổ chức công, các tổ chức phi chính phủ, và doanh nghiệp. Sau đó, họ được nhóm lại theo ảnh hưởng và sự tham gia của họ: từ những người quan trọng đối với dự án đến những người chỉ là người nhận.

Ứng dụng:

- » Xác định các đối tác, đồng minh, hoặc đối thủ tiềm năng của dự án,
- » Chuẩn bị tham vấn công chúng,
- » Lập kế hoạch chiến lược truyền thông,
- » Ngăn ngừa sự gạt ra ngoài lề của các nhóm yếu thế (ví dụ: người di cư, trẻ em, người khuyết tật).

Bản đồ các bên liên quan:

- » hỗ trợ việc lập kế hoạch các hoạt động tham gia,
- » giúp dự đoán và quản lý xung đột,
- » xây dựng một bức tranh hoàn chỉnh hơn về „hệ sinh thái xã hội”,
- » tăng cường tính minh bạch và hiệu quả của các hoạt động dự án.

Hạn chế của công cụ:

- » Nó có thể đơn giản hóa quá mức các mối quan hệ xã hội phức tạp.
- » Nó có thể bị thiên vị nếu được tạo ra chỉ bởi một nhóm bên liên quan.
- » Nó đòi hỏi cập nhật thường xuyên.

Điều đáng giá:

- » bổ sung bản đồ bằng dữ liệu từ các cuộc phỏng vấn hoặc hội thảo với các bên liên quan,
- » sử dụng các công cụ kỹ thuật số để tạo bản đồ tương tác,
- » bổ sung nó bằng bản đồ các mối quan hệ bên liên quan, cho phép xác định các hợp tác hiện có hoặc các xung đột tiềm ẩn.

Làm thế nào để sử dụng bản đồ các bên liên

1. Xác định mục tiêu dự án - xác định rõ dự án là về điều gì và nó có thể có tác động gì đến các nhóm khác nhau.

2. Xác định các bên liên quan - liệt kê những người, nhóm và tổ chức:

- » có thể ảnh hưởng đến dự án,
- » có thể bị ảnh hưởng bởi nó,
- » có kiến thức, tài nguyên, hoặc tiếng nói trong một khu vực nhất định.

3. Đánh giá ảnh hưởng và sự gắn kết của bên liên quan - đối với mỗi bên liên quan, xác định:

- » Họ có bao nhiêu ảnh hưởng đến dự án (ví dụ: cao, trung bình, thấp)?
- » Họ thể hiện mức độ tham gia nào (ví dụ: tích cực, vừa phải, thụ động)?

4. Đặt các bên liên quan của bạn lên bản đồ

Các vòng tròn đồng tâm cho phép bạn trực quan hóa mức độ tham gia – đặt các bên liên quan liên quan chặt chẽ nhất đến dự án vào vòng tròn trung tâm, và những người ít liên quan chặt chẽ hơn đến dự án vào các vòng tròn tiếp theo.

5. Cập nhật bản đồ trong suốt dự án

6. Dựa trên bản đồ:

1. xác định các khoảng trống và mối đe dọa (ví dụ: thiếu đại diện của các nhóm quan trọng)
2. Lập kế hoạch các cuộc họp, tham vấn, và chiến dịch thông tin

Thêm về bản đồ các bên liên quan:

- » https://d1wqtxts1xzle7.cloudfront.net/35090954/StakeholderMapExcerpt-libre.pdf?1413080346=&response-content-disposition=inline%3B+filename%3DKettunen_J_2014_The_stakeholder_map_in_h.pdf&Expires=1744627021&Signature=W50hVHq75Xb7gwrMgGk7EwtOMB6k1i-vY9j5fulPVruYag6WNR3-hCIBWiH-sE0X~KN9mmJrJijiTE~Wi3vuk-Asg~l2j6uhXcauA8jnEI4KcDp7GoAjU8wl~ytUI-8wABtLEkagshSabx8nTmHSGzuo-L3Aar1UMKZAhpMiT3u554vofwIO223h8ln4z8daLRpDIIHIUh3jdLmmp3qkV8LtvP4X0eG9cHXpoJY5czGKt8F3YsrYIldi-P56aqTm1C2syYl4uv4XNQrkOg-NYyDgb4INUX4J1J7X-ZaPSilCEXJd8-m2sbCWb-BoNvMAjsPPfxsojxSW90pzpgYe~PQ__&Key-Pair-Id=APKAJLOHF5GGSLRBV4ZA
- » <https://www.mdpi.com/2071-1050/12/20/8625>
- » <https://www.mdpi.com/1996-1073/15/4/1592>
- » <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2212041617304989>

CIRCLE 1

KEY PARTNERS:

HERE, LIST THE MOST IMPORTANT PARTNERS FOR THE PROJECT, DIRECTLY INVOLVED IN ITS EXECUTION – DECISION-MAKERS, IMPLEMENTERS, PROJECT ORGANIZERS, AND RECIPIENTS.

CIRCLE 2

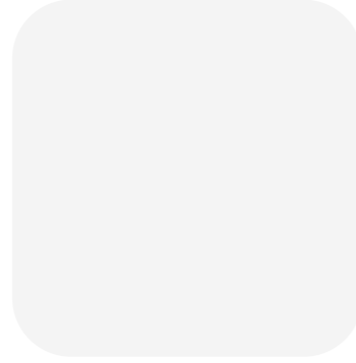
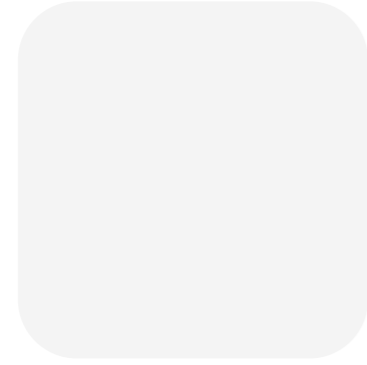
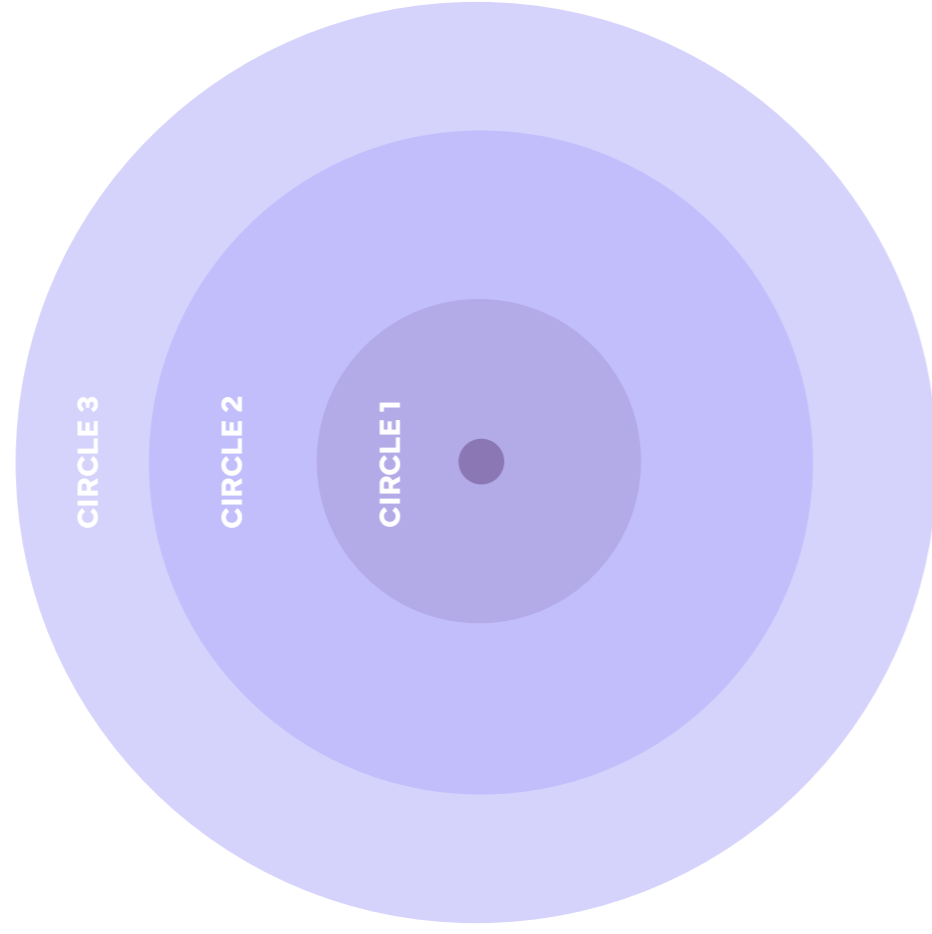
ACTIVE PARTICIPANTS:

HERE, LIST THE PARTNERS SUPPORTING THE PROJECT'S IMPLEMENTATION, HAVING ACCESS TO INFORMATION, CO-PARTICIPATING IN THE EXECUTION, BUT LOOSELY CONNECTED TO THE PROJECT.

CIRCLE 3

OBSERVERS / ENVIRONMENT:

HERE, LIST THE PARTNERS INTERESTED IN THE OUTCOME BUT NOT OPERATIONALLY INVOLVED, THOSE WHOM IT IS USEFUL TO INFORM, AND POSSIBLY CONSULT ABOUT THE PROJECT.



3. Lập bản đồ không gian

Công cụ này, được sử dụng trong các quy trình thiết kế, quy hoạch đô thị, và tái tạo, giúp trực quan hóa và phân tích các kết nối giữa các yếu tố khác nhau của một quy trình và không gian nơi nó diễn ra. Bằng cách thu thập và trực quan hóa thông tin liên quan đến một không gian vật lý cụ thể—ví dụ, một khu phố, khu nhà ở, tòa nhà, hoặc quảng trường—có thể xác định các khu vực can thiệp chính. Lập bản đồ không gian giúp hiểu rõ cách con người cảm nhận, sử dụng không gian, cũng như những nhu cầu và vấn đề mà họ gặp phải trong mối quan hệ với không gian đó. Nhờ vậy, lập bản đồ không gian hỗ trợ việc ra quyết định thiết kế có căn cứ, toàn diện và dựa trên bằng



SPATIAL MAPPING

Quy trình thực hiện có thể bao gồm:

- » vẽ tay bản đồ do người sử dụng không gian thực hiện (ví dụ: „cách tôi đi chuyển quanh khu phố”),
- » các chuyến đi bộ khảo sát thực địa,
- » lập bản đồ dữ liệu trên nền tảng kỹ thuật số,
- » phân tích các chức năng của các địa điểm (ví dụ: nơi gặp gỡ, không gian thương mại, khu vực bị lãng quên).

Ứng dụng:

- » quy hoạch không gian (ví dụ: thay đổi hệ thống giao thông),
- » tái tạo (phát hiện „điểm mù” và không gian không sử dụng),
- » xác định các điểm nóng (ví dụ: tiếng ồn, nguy hiểm),
- » sáng tạo chức năng không gian mới có sự tham gia.

Lập bản đồ không gian:

- » cho thấy việc sử dụng không gian thực tế,
- » hỗ trợ việc trực quan hóa dữ liệu định tính,
- » thu hút người dân là chuyên gia những người hiểu rõ không gian địa phương nhất,
- » giúp trong việc thiết kế các giải pháp phù hợp với nhu cầu thực tế.

Hạn chế của công cụ:

- » có thể yêu cầu đào tạo kỹ thuật trong việc sử dụng các công cụ được chọn,
- » có thể tốn thời gian, đặc biệt là khi phân tích dữ liệu từ các khu vực lớn,
- » không tính đến các khía cạnh vô hình và không thể nhìn thấy (ví dụ: cảm xúc, ký ức).

Điều đáng giá

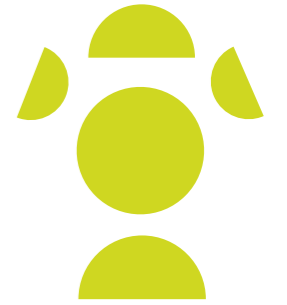
- » tổ chức các phiên lập bản đồ chung để xây dựng sự hiểu biết về vấn đề giữa cộng đồng,
- » giới thiệu một yếu tố lập bản đồ tinh thần – ví dụ: những nơi mọi người cảm thấy an toàn hoặc không thoải mái,
- » kết hợp dữ liệu từ bản đồ với các dữ liệu khác, ví dụ: từ quan sát, phỏng vấn, kể chuyện.

Làm thế nào để sử dụng bản đồ không gian?

1. Xác định mục đích của việc lập bản đồ - bạn muốn tìm hiểu về các vấn đề của người dân, xác định các khu vực cần thay đổi, hay có lẽ thu thập ý tưởng để phát triển một không gian bị lãng quên?
2. Chọn địa hình và công cụ - nó có thể là:
 - » bản đồ in vật lý,
 - » ứng dụng kỹ thuật số (ví dụ: Google My Maps, Miro, Maptionnaire),
 - » mô hình không gian, hình ảnh vệ tinh hoặc bản đồ ảnh trực giao.
3. Thu hút người dùng không gian - mời người dân, sinh viên, lãnh đạo địa phương, người cao tuổi, trẻ em - họ biết rõ không gian nhất.
4. Thu thập dữ liệu - người tham gia có thể:
 - » Đánh dấu các khu vực có vấn đề trên bản đồ (ví dụ: giao lộ nguy hiểm, thiếu ghế dài),
 - » chỉ ra các địa điểm có ý nghĩa về mặt cảm xúc (ví dụ: ký ức, câu chuyện),
 - » đề xuất các thay đổi (ví dụ: một sân chơi mới, một làn đường xe đạp).
5. Mã hóa màu các danh mục — ví dụ, màu đỏ cho vấn đề, màu xanh lá cây cho tích cực, và màu xanh dương cho ý tưởng. Điều này giúp dễ dàng phân tích và truyền đạt dữ liệu hơn.
6. Phân tích và tóm tắt kết quả — tìm kiếm các mẫu: nhận xét phát sinh thường xuyên nhất ở đâu? Nhóm nào có chung nhu cầu? Nên thực hiện các hành động đầu tiên ở đâu?
7. Triển khai và truyền thông – lập kế hoạch thay đổi, tham vấn, và dự án dựa trên bản đồ. Thực hành tốt là thể hiện kết quả cho người tham gia – điều này xây dựng sự tin tưởng và gắn kết.

Thêm về bản đồ không gian

- » <https://youtu.be/z7M7uIOsWvc>
- » <https://youtu.be/p-1FG3FmCYs>



4. Nhân vật đại diện:

Một nhân vật đại diện là một hồ sơ hư cấu của người dùng cuối của một giải pháp được thiết kế, dựa trên dữ liệu thu thập được thông qua nghiên cứu định tính. Một nhân vật đại diện đại diện cho một người điển hình sẽ sử dụng giải pháp. Một công cụ gọi là khung nhân vật đại diện, bao gồm các mẫu sẵn có cho công việc hội thảo, cho phép bạn xác định các khía cạnh khác nhau của cuộc sống của một người, động lực, tham vọng, thói quen, mối quan tâm, và cái gọi là „điểm đau“ (điều gì đó làm phiền hoặc khó chịu cho họ) ảnh hưởng đến hành vi. Các mẫu nhân vật đại diện hỗ trợ việc khám phá và hiểu rõ hơn về nhu cầu của đối tượng và xác định các khu vực nơi có thể có sự thay đổi tích cực. Mẫu giúp duy trì một quy trình thiết kế lấy người dùng làm trung tâm, điều chỉnh các quyết định với nhu cầu thực tế của các cá nhân cụ thể. Một số nhân vật đại diện đa dạng đại diện cho các nhóm

PERSONA

Các yếu tố của nhân vật đại diện:

- » dữ liệu nhân khẩu học (tuổi, nghề nghiệp),
- » nhu cầu và mục tiêu,
- » các hành vi điển hình,
- » những thất vọng và lo lắng,
- » mối quan hệ với không gian hoặc dịch vụ.

Ứng dụng:

- » Thiết kế dịch vụ công,
- » Thiết kế giải pháp trong không gian công cộng,
- » Thiết kế các hoạt động có tính đến sự đa dạng,
- » Xây dựng sự đồng cảm trong nhóm dự án.

Mẫu nhân vật đại diện:

- » hỗ trợ một cách tiếp cận đồng cảm với người dùng,
- » giúp tránh thiết kế „cho tất cả mọi người, nghĩa là cho không ai cả”,
- » thu hút nhóm, cho phép bạn đến gần hơn với người dùng,
- » hỗ trợ việc ra quyết định thiết kế

Hạn chế:

- » có thể dẫn đến việc rập khuôn,
- » một nhân vật đại diện mẫu có thể không phản ánh đầy đủ và đa dạng của kinh nghiệm con người,
- » quá tập trung vào một nhân vật đại diện nhất định có thể hạn chế quy mô đổi mới của một giải pháp nhất định.

Điều đáng giá:

- » tạo ra các nhân vật đại diện dựa trên dữ liệu thực tế thu được từ khảo sát, quan sát và phỏng vấn,
- » mang lại cho các nhân vật đại diện chiều sâu cảm xúc lớn hơn, điều đáng giá là kết hợp chúng với kể chuyện,
- » kiểm tra các dự án được phát triển với sự tham gia của các đại diện của một nhân vật đại diện nhất định.

Làm thế nào để tạo và sử dụng nhân vật đại diện?

1. Thu thập dữ liệu về người dùng/các bên liên quan

Tiến hành phỏng vấn, quan sát, khảo sát, và hội thảo. Tìm kiếm thông tin về:

1. nhân khẩu học (tuổi, nghề nghiệp, nơi cư trú),
2. nhu cầu và kỳ vọng,
3. các vấn đề và rào cản,
4. thái độ, thói quen, giá trị,
5. mức độ kiến thức hoặc gắn kết với chủ đề.

2. Tạo hồ sơ nhân vật đại diện

Đặt tên cho họ, xác định tuổi, bối cảnh cuộc sống của họ, thêm ảnh hoặc một bức chân dung vẽ, thêm mô tả về hành vi và nhu cầu quan trọng nhất của họ, ví dụ:

- » Anna, 67 tuổi, đã nghỉ hưu, độc thân, sử dụng gậy, đi đến cửa hàng và hiệu thuốc mỗi ngày.
- » Maks, 16 tuổi, một học sinh trường kỹ thuật, đạp xe, và thường dành thời gian ở sân chơi.

3. Sử dụng các nhân vật đại diện trong quy trình thiết kế giải pháp

4. Tùy chỉnh truyền thông và các hoạt động của bạn

Phù hợp với các nhân vật đại diện do nhóm xác định:

- » Ngôn ngữ truyền thông,
- » kênh truy cập,
- » các hình thức tham gia (ví dụ: hội thảo cho người trẻ, cuộc trò chuyện qua điện thoại với người cao tuổi),
- » các yếu tố tiếp cận (ngôn ngữ, giao thông, định dạng tài liệu).

Thêm về nhân vật đại diện:

- » <https://www.utupub.fi/bitstream/handle/10024/167474/3313831.3376502.pdf?sequence=1&isAllowed=y>
- » https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-49282-3_4
- » <https://youtu.be/DvV7ZcRVQ4g>

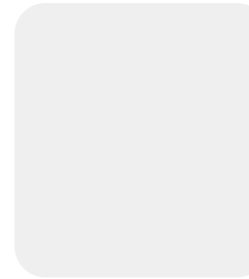
PERSONA

PERSONA.

Persona helps to better understand and meet the needs of the project's target audience. Creating realistic characters allows for more informed design decisions, tailoring solutions to the needs of specific individuals or groups, and improving communication.



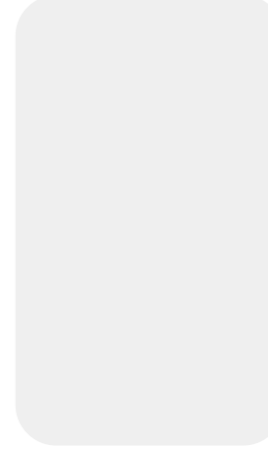
ADD AN IMAGE OR ILLUSTRATION THAT VISUALIZES THE PERSONA



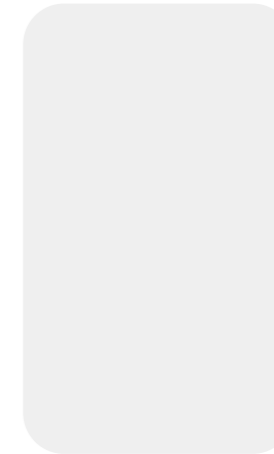
NAME:
AGE:
OCCUPATION/EDUCATION:
PLACE OF RESIDENCE:



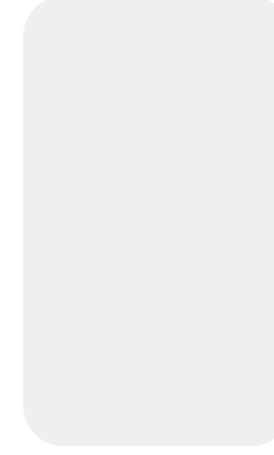
PREFERENCES:
WHAT DOES THE DESCRIBED PERSONA LIKE? WHAT DOES HE/SHE VALUE? WHAT IS IMPORTANT TO HIM/HER?



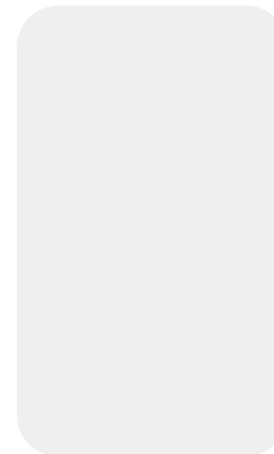
MOTIVATIONS:
WHAT MOTIVATES THE PERSONA TO TAKE ACTION?



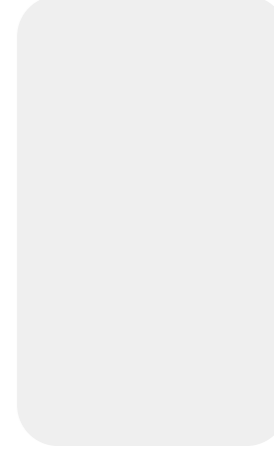
CHALLENGES AND PROBLEMS:
WHAT DIFFICULTIES DOES THE PERSONA FACE, AND WHAT MIGHT DISCOURAGE HIM/HER FROM ACTING?

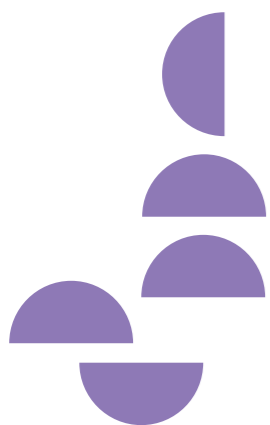


NEEDS:
WRITE DOWN THE MOST IMPORTANT GOALS THE PERSONA HAS



QUOTE:
YOU CAN ADD A SHORT QUOTE THAT EXPRESSES THE PERSONA'S KEY VALUES/MOTIVATIONS OR BEST CHARACTERIZES HIM/HER





Khảo sát chẩn đoán là một phương pháp nghiên cứu được sử dụng để hiểu các ý kiến, thái độ, kiến thức, kỳ vọng, và nhu cầu của một nhóm xã hội cụ thể. Nó cho phép thu thập dữ liệu tạo thành cơ sở cho việc chẩn đoán vấn đề, lập kế hoạch hoạt động, phát triển chiến lược, và đưa ra các quyết định thiết kế.

Nghiên cứu ý kiến được tiến hành bằng cách sử dụng các bảng câu hỏi hoặc phỏng vấn sâu. Đây là những công cụ được sử dụng phổ biến nhất trong các quy trình thiết kế, tham gia, và nghiên cứu xã hội.

DIAGNOSTIC SURVEY

Các bảng câu hỏi cho phép thu thập dữ liệu nhanh chóng từ một nhóm lớn người trả lời, cung cấp thông tin định lượng về ý kiến, nhu cầu, và sở thích. Định dạng tiêu chuẩn hóa của chúng cho phép so sánh các câu trả lời và phân tích xu hướng. Chúng hiệu quả trong nghiên cứu ý kiến công chúng, phân tích thị trường, và chẩn đoán các vấn đề xã hội. Phỏng vấn sâu tập trung vào việc hiểu định tính về kinh nghiệm cá nhân, động lực, và kỳ vọng. Định dạng mở của chúng cho phép khám phá chi tiết các chủ đề khó nắm bắt trong một bảng câu hỏi. Chúng khám phá ra những nhu cầu, bối cảnh, và cảm xúc ẩn giấu, điều này rất quan trọng trong việc thiết kế các giải pháp lấy người dùng làm trung tâm.

Cả hai công cụ thường được sử dụng cùng nhau, cung cấp một quan điểm toàn diện về chủ đề đang được nghiên cứu. Điều này giúp chẩn đoán chính xác tình hình trước khi thực hiện các hành động thiết kế.

Ứng dụng:

- » Chẩn đoán nhu cầu của cộng đồng địa phương,
- » Đánh giá hiệu quả của các hoạt động trước đây,
- » Đánh giá mức độ kiến thức hoặc thái độ (ví dụ: đối với thay đổi, kế hoạch phát triển, các biện pháp môi trường),
- » Kiểm tra ý tưởng trước khi triển khai,
- » Đánh giá hoạt động (ví dụ: sau khi dự án hoàn thành).

Khảo sát chẩn đoán:

- » nó không cung cấp kiến thức về sự kiện, mà là kiến thức về ý kiến về những sự kiện này,
- » các bảng câu hỏi cung cấp dữ liệu khách quan (số), phỏng vấn sâu cung cấp kiến thức về cảm xúc, nguyện vọng, và điểm đau,
- » dựa trên dữ liệu thu thập được, các giải pháp có thể được phát triển phù hợp với nhu cầu được chẩn đoán,
- » hỗ trợ tính minh bạch của quy trình.

Hạn chế:

- » nguy cơ tỷ lệ phản hồi thấp trong một bảng câu hỏi,
- » sự không thể nắm bắt được chiều sâu của các cảm xúc và động lực khác nhau của con người,
- » các bảng câu hỏi được chuẩn bị bằng ngôn ngữ không thể hiểu được đối với người nhận có thể không mang lại kết quả mong đợi.

Điều đáng giá là:

- » Chuẩn bị các bảng câu hỏi rõ ràng chứa cả câu hỏi đóng và câu hỏi mở,
- » Tiến hành một nghiên cứu thí điểm để xác định lỗi và điều chỉnh bảng câu hỏi cho đối tượng dự định,
- » Kết hợp khảo sát với công việc thực địa (ví dụ: một điểm tư vấn di động),
- » Đảm bảo sự đa dạng của người trả lời,
- » Cung cấp cho người trả lời một báo cáo sau khảo sát.

Luôn luôn cần thiết phải đảm bảo đạo đức của nghiên cứu, hỏi xin sự đồng ý tham gia, đảm bảo tính ẩn danh của nghiên cứu hoặc lưu trữ dữ liệu theo nguyên tắc GDPR, và tính đến khả năng ngắt quãng cuộc phỏng

Làm thế nào để tiến hành một khảo sát:

1. Xác định mục đích của nghiên cứu – chính xác bạn muốn điều tra điều gì? Bạn muốn dựa trên kết quả để đưa ra quyết định nào? Ví dụ: „Hiểu tại sao người dân không tham gia vào các cuộc tham vấn” hoặc „Kiểm tra cách người cao tuổi sử dụng không gian công cộng.”
2. Xác định đối tượng mục tiêu của bạn—bạn muốn khảo sát ai? Người dân khu phố, người trẻ, doanh nhân, phụ huynh của trẻ em trong độ tuổi đi học?
3. Chuẩn bị công cụ

4. Thu thập dữ liệu - bạn có thể tự tiến hành nghiên cứu hoặc thuê ngoài cho một trường đại học khu vực hoặc một cơ quan chuyên biệt.

5. Phân tích kết quả - đếm các câu trả lời, tạo biểu đồ, liệt kê các ý kiến lặp lại, tạo các danh mục mà các câu trả lời có thể được gán vào, xác định các ý kiến, nhu cầu, và thách thức chính.

6. Sử dụng kết quả để triển khai các giải pháp.

Nếu đó là một bảng câu hỏi, thì:

- » chọn phương pháp quản lý (giấy, trực tuyến, điện thoại),
- » xác định số lượng người trả lời tối thiểu,
- » đảm bảo tính đại diện (ví dụ: các nhóm tuổi khác nhau, giới tính, nền tảng),
- » tạo điều kiện tiếp cận (ví dụ: biểu mẫu trực tuyến + phiên bản giấy tại thư viện hoặc văn phòng), xây dựng các câu hỏi rõ ràng và dễ hiểu, và chọn loại câu hỏi (đóng, mở, câu hỏi số liệu),
- » tiến hành một nghiên cứu thí điểm và kiểm tra bảng câu hỏi trước khi tiến hành nghiên cứu chính.

Nếu đó là một bảng câu hỏi phỏng vấn, thì

- » Chuẩn bị, tiến hành nghiên cứu sơ bộ, và sử dụng nó để hỏi chi tiết trong các cuộc phỏng vấn, bao gồm các câu chuyện, quan điểm, và giá trị của mọi người.
- » Lập kế hoạch cấu trúc của bảng câu hỏi (giới thiệu, câu hỏi mở đầu, câu hỏi chuyên sâu và câu hỏi kết thúc, bao gồm sự suy ngẫm và lời cảm ơn).
- » Tạo các câu hỏi mở (ví dụ: „Kể cho tôi nghe về...“, „Bạn đánh giá như thế nào về...“).
- » Điều chỉnh các câu hỏi cho người được phỏng vấn và tính đến bối cảnh nghề nghiệp, văn hóa, tuổi tác, tổ chức, và sắc tộc của người được phỏng vấn.
- » Sử dụng các câu hỏi hỗ trợ (các câu hỏi thăm dò có thể đào sâu các câu trả lời, ví dụ: „Tại sao?“, „Bạn có thể cho một ví dụ không?“).
- » Tiến hành một nghiên cứu thí điểm và kiểm tra bảng câu hỏi trước khi tiến hành nghiên cứu chính.

Thêm thông tin về khảo sát và phỏng vấn:

- » https://www.youtube.com/watch?v=_zoIVE9PRTM
- » <https://www.pewresearch.org/writing-survey-questions/>
- » <https://www.researchgate.net/publication/360181> https://www.researchgate.net/publication/359596183_How_to_Conduct_an_Effective_Interview_A_Guide_to_Interview_Design_in_Research_Study495_Designing_a_Questionnaire_for_a_Research_Paper_A_Comprehensive_Guide_to_Design_and_Develop_an_Effective_Questionnaire

OBSERVATIONS



Quan sát liên quan đến việc giám sát có hệ thống và trực tiếp hành vi con người, tương tác xã hội, hoặc các quy trình trong môi trường tự nhiên của chúng. Đây là một trong những công cụ trực quan nhất nhưng hiệu quả nhất trong nghiên cứu tham gia, thiết kế, và xã hội. Quan sát có thể khám phá ra những nhu cầu, thói quen, và thách thức thực tế mà người dùng trải qua khi sử dụng một sản phẩm, dịch vụ, hoặc không gian nhất định, ngay cả những điều họ không nói ra. Quan sát cho phép hiểu bối cảnh mà các cá nhân hoặc cộng đồng hoạt động và việc xác định các mẫu hành vi. Nó có thể được tiến hành công khai hoặc bí mật, và dưới nhiều hình thức khác nhau: ghi chú, ảnh chụp, và quay video. Công cụ này giúp cung cấp một bức tranh chân thực về hành vi và tương tác của con người, và cũng xác định sự khác biệt giữa lời nói và thực tế, cho phép tạo

Ứng dụng:

- » Đánh giá khả năng tiếp cận và các mẫu sử dụng (nơi mọi người ngồi, cách họ đi bộ),
- » Thiết kế không gian công cộng,
- » Thiết kế dịch vụ,
- » Phân tích vi hành vi (ví dụ: người lớn tuổi không ngồi trên ghế dài vì không có tay vịn),
- » Kiểm tra ý tưởng thiết kế.

Quan sát:

- » chúng cho phép khai thác thông tin không thể kiểm tra thông qua khảo sát chẩn đoán (ví dụ: ngôn ngữ cơ thể, thói quen),
- » chúng tiết lộ các hành vi thực tế, sự lựa chọn, cũng như các rào cản đối với việc sử dụng một không gian nhất định,
- » chúng có thể được tiến hành nhanh chóng và với chi phí thấp.

Hạn chế:

- » tính chủ quan của người quan sát,
- » khó khăn trong việc diễn giải dữ liệu mà không có kiến thức về bối cảnh (ví dụ: văn hóa, tuổi tác),
- » các thách thức đạo đức liên quan đến, ví dụ, quan sát các hành vi nhạy cảm,
- » có thể không đầy đủ – chúng ta không thấy „tại sao“, chỉ thấy „cái gì“.

Điều đáng giá là:

- » sử dụng các phiếu quan sát với các câu hỏi cụ thể và nhật ký với các ghi chú,
- » tiến hành quan sát vào các thời điểm khác nhau trong ngày và dưới các điều kiện khác nhau,
- » ghi lại quan sát bằng hình ảnh – ví dụ, bằng ảnh, video, bản vẽ (luôn tôn trọng quyền riêng tư),
- » sử dụng quan sát để tạo ra các câu hỏi cho nghiên cứu sâu hơn,
- » hợp tác trong các quan sát với một trường đại học.

Làm thế nào để tiến hành quan sát:

1. Xác định mục đích của việc quan sát. Bạn muốn quan sát điều gì? Ví dụ: Người dân sử dụng công viên như thế nào? Trẻ em có chơi ở quảng trường không? Lưu lượng người đi bộ gần văn phòng như thế nào?
2. Chọn loại quan sát:
 - công khai (người quan sát có thể nhìn thấy, không ẩn mình),
 - bí mật (người quan sát không tiết lộ vai trò của họ),
 - tham gia (người quan sát tham gia vào các hoạt động – ví dụ, với tư cách là một tình nguyện viên),
 - không tham gia (người quan sát không tham gia, vẫn ở „bên ngoài“).

3. Chỉ định thời gian và địa điểm của cuộc khảo sát
Quan sát vào các thời điểm khác nhau trong ngày và các ngày trong tuần để phát hiện các mẫu hành vi và sự khác biệt.

4. Chuẩn bị một phiếu quan sát

Tạo một biểu mẫu đơn giản với các câu hỏi, ví dụ:

- » Có bao nhiêu người sử dụng không gian?
- » Nhóm tuổi nào có mặt?
- » Mọi người đang làm gì?
- » Có bất kỳ rào cản nào (ví dụ: kiến trúc) không?
- » Mọi người ở lại không gian bao lâu?

5. Thực hiện quan sát

Ghi chú và ghi lại hành vi, tương tác, và cách sử dụng không gian. Chú ý đến các hiện tượng bất thường, chẳng hạn như mọi người tránh một khu vực nhất định.

6. Phân tích kết quả

Kết hợp quan sát với dữ liệu khác (ví dụ: từ khảo sát, phỏng vấn). Tìm kiếm các mẫu hành vi, nhưng cũng tìm kiếm sự bất thường và hành vi bất ngờ, đáng ngạc nhiên.

Thêm về quan sát:

- » <https://www.scribbr.com/methodology/participant-observation/>
- » <https://journals.sagepub.com/doi/full/10.1177/1525822X231198989>
- » https://www.youtube.com/watch?si=4p51L_w6umEY5jwt&embeds_referring_euri=https%3A%2F%2Fwww.bing.com%2F&embeds_referring_origin=https%3A%2F%2Fwww.bing.com&source_ve_path=Mjg2NjQsMTY0N- TA2&v=fDNYzPDIfRA&feature=youtu.be&themeRefresh=1



7. Thách thức và Cơ hội

Công cụ này giúp nhóm dự án xác định các thách thức và rào cản có thể cản trở việc đạt được mục tiêu của dự án (ví dụ: hạn chế về ngân sách, thiếu nguồn lực, mối quan hệ xã hội phức tạp). Đồng thời, nhóm cũng chẩn đoán các cơ hội (công nghệ sẵn có, đối tác chiến lược, nguồn lực chưa được khai thác).

Công cụ này thường được sử dụng ở giai đoạn đầu của quá trình, giúp hiểu rõ hơn về bối cảnh, xác định các hướng hành động tiềm năng và định hướng cho các bước tiếp theo. Do công cụ yêu cầu biểu diễn trực quan các yếu tố đã xác định, nên nó hỗ trợ việc phân tích, sắp xếp thứ tự ưu tiên cho các hành động và từ đó xây dựng chiến lược nhằm giảm thiểu thách thức và tối đa hóa lợi ích.

CHALLENGES AND OPPORTUNITIES

Ứng dụng:

- » Chẩn đoán ban đầu về tình hình (ví dụ: trước khi có bất kỳ can thiệp nào về không gian),
- » Xác định ưu tiên trong lập kế hoạch hành động,
- » Phân tích rủi ro trong giai đoạn lập kế hoạch thực hiện,
- » Tạo điều kiện cho các cuộc thảo luận giữa các bên có lợi ích khác nhau.

Thách thức và Cơ hội:

Ưu điểm:

- » Cho phép lập kế hoạch hoạt động chính xác,\
- » Giúp quản lý rủi ro hiệu quả hơn,
- » Khuyến khích việc tìm kiếm giải pháp dựa trên nguồn lực và cơ hội đã được chẩn đoán.

Hạn chế:

- » Có nguy cơ bỏ sót những rào cản "ẩn" (ví dụ: yếu tố chính trị, văn hóa),
- » Một quá trình điều phối kém có thể dẫn đến kết luận quá chung chung,
- » Cần duy trì sự cân bằng giữa các rào cản và cơ hội.

Khuyến nghị:

- » Bổ sung phân tích bằng các phỏng vấn với các bên liên quan chủ
- » Trực quan hóa kết quả bằng cách tạo bản đồ về rào cản và cơ hội,
- » Chuyển hóa các vấn đề được xác định thành những thách thức thiết kế cụ thể,
- » Cập nhật thường xuyên bản đồ rào cản và cơ hội.

Cách áp dụng công cụ “Thách thức và Cơ

Bước 1. Thu thập dữ liệu đầu vào:

Tổng hợp các thông tin, nhận định quan trọng từ nghiên cứu, phỏng vấn, quan sát hoặc các buổi hội thảo.

Bước 2. Phân loại quan sát thành hai nhóm:

- Thách thức: Điều gì chưa hoạt động hiệu quả? Rào cản nào đang tồn tại? Những nhu cầu nào chưa được đáp ứng?
- Cơ hội: Tiềm năng nằm ở đâu? Điều gì có thể được cải thiện, mở rộng hoặc chuyển đổi?

Bước 3. Tạo hai cột: Thách thức / Cơ hội — và ghép mỗi thách thức với một giải pháp khả thi.

Bước 4. Phân tích và nhóm các nhận định:

Xác định thách thức nào cấp bách nhất, thách thức nào có thể xử lý sau; hành động nào có thể thực hiện với chi phí thấp, và hành động nào cần thêm nguồn tài trợ.

CHALLENGES AND OPPORTUNITIES



CHALLENGES

CHALLENGES 1

.....
.....
.....

CHALLENGES 3

.....
.....
.....



OPPORTUNITIES

OPPORTUNITIES 1

.....
.....
.....

OPPORTUNITIES 3

.....
.....
.....

OPPORTUNITIES 2

.....
.....
.....

OPPORTUNITIES 4

.....
.....
.....

8. Charrette (Hội thảo thiết kế liên ngành)

Khái niệm:

Charrette là phương pháp hội thảo liên ngành được sử dụng trong quá trình thiết kế và quy hoạch, đặc biệt phổ biến trong quy hoạch đô thị và tái thiết không gian đô thị. Phương pháp này tạo cơ hội để tập hợp các bên liên quan đa dạng – cư dân, chuyên gia, cán bộ quản lý và nhà thiết kế – cùng tham gia, chia sẻ quan điểm và đóng góp ý tưởng.

Charrette thường diễn ra dưới hình thức các buổi làm việc chuyên sâu, có thể kéo dài nhiều ngày, trong đó người tham gia phân tích vấn đề, trao đổi ý tưởng, phát triển đề xuất giải pháp cho một địa điểm hoặc vấn đề cụ thể.

Phương pháp Charrette giúp xây dựng sự đồng thuận chung, tăng cường sự tham gia của cộng đồng, từ đó nâng cao khả năng hiện thực hóa các giải pháp được đề xuất.

Quy trình Charrette mang tính lặp lại (iterative) — dự án được phát triển từng bước, với điều chỉnh sau mỗi phiên làm việc.

Thông thường, Charrette bao gồm nhiều giai đoạn, như:

- Chẩn đoán vấn đề,
- Hình thành ý tưởng,
- Phát triển khái niệm ban đầu,
- Trình bày kết quả.

Trong suốt quá trình, các hoạt động như vẽ phác thảo, làm mô hình, trực quan hóa thường được sử dụng để minh họa ý tưởng. Kết quả cuối cùng là một kế hoạch hoặc thiết kế đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

CHARRETTE



Ứng dụng của Charrette:

- » Quy hoạch đô thị,
- » Cải tạo và chuyển đổi không gian công cộng,
- » Thay đổi chức năng của công trình/hạ tầng,
- » Tái thiết xã hội và cơ sở hạ tầng,
- » Thiết kế dịch vụ công,
- » Xây dựng chiến lược phát triển địa phương.

Ưu điểm của Charrette:

- » Tăng cường quyền làm chủ và sự gắn kết của người tham gia,
- » Kết nối nhiều góc nhìn khác nhau tại cùng một thời điểm và không gian,
- » Rút ngắn quá trình hình thành ý tưởng,
- » Thúc đẩy học tập hợp tác giữa các bên liên quan.

Hạn chế:

- » Yêu cầu chuẩn bị kỹ lưỡng về nhóm làm việc và tổ chức hậu cần tốt,
- » Cần có người điều phối giàu kinh nghiệm để tránh việc nhóm bị chi phối bởi những người tham gia quá năng động hoặc có ảnh hưởng,
- » Tốn thời gian, do đó không phải cư dân nào cũng có thể tham gia đầy đủ.

Khuyến nghị:

- » Chuẩn bị kỹ lưỡng về tổ chức, phương tiện và logistics,
- » Đảm bảo quá trình thảo luận được điều phối công bằng, tránh thiên lệch,
- » Cân nhắc thời gian linh hoạt hoặc hình thức trực tuyến hỗ trợ để tăng tính bao trùm.

More about Charrette:

- » <https://participedia.net/method/2840>
- » <https://partycypacjaobywatelska.pl/en/>
- » <https://participatory.tools/tools/design-charrette/>
- » <https://www.toolshero.com/creativity/charette-procedure/>
- » https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-94-007-7031-7_2
- » <https://www.emerald.com/insight/content/doi/10.1108/14676370810856305/full/html>

Cách tổ chức một hội thảo Charrette:

1. Giai đoạn Chuẩn bị:

- » Xác định mục tiêu: (ví dụ: chúng ta đang thiết kế gì? đang giải quyết vấn đề nào?)
- » Thành lập nhóm chuyên gia và người điều phối,
- » Mời các bên liên quan: cư dân, chính quyền, nhà thiết kế, doanh nghiệp,
- » v.v.,
Lên kế hoạch địa điểm và thời gian (lý tưởng là tối thiểu 2–3 ngày).

2. Ngày 1 – Chẩn đoán và Truyền cảm hứng:

- » Tổ chức phiên khai mạc và trình bày vấn đề cần giải quyết,
- » Tiến hành phiên chia sẻ tri thức và phân tích bối cảnh,
- » Thu thập ý kiến, nhu cầu và mối quan tâm của người tham gia, sau đó chia thành các nhóm làm việc.

3. Ngày 2–3 – Sáng tạo, Mô phỏng và Thử nghiệm:

- » Làm việc trong các nhóm theo chủ đề cụ thể (ví dụ: giao thông, tái thiết khu vực, mảng xanh, dịch vụ công, v.v.), để phát triển các giải pháp tiềm năng,
- » Tạo mô hình hoặc bản vẽ mẫu (prototype),
- » Thử nghiệm ý tưởng và thu thập phản hồi từ cộng đồng,
- » Trình bày các khái niệm cuối cùng, thảo luận và đưa ra khuyến nghị chung.



9. Phát triển ý tưởng (Generating Ideas)

Khái niệm:

Các phương pháp phát triển ý tưởng (ideation methods) rất đa dạng và thường được sử dụng trong quy trình sáng tạo nhằm tìm kiếm các giải pháp đổi mới và hiệu quả. Một số phương pháp phổ biến nhất bao gồm động não (brainstorming), động não bằng viết (brainwriting) và phương pháp hoa sen (Lotus method). Điểm cốt lõi của các phương pháp này là tập trung vào số lượng và sự đa dạng của ý tưởng, không vội vàng đánh giá hay loại bỏ trong giai đoạn đầu.

1. Brainstorming (Động não nhóm)

Phương pháp động não khuyến khích trao đổi tự do các ý tưởng trong nhóm.

Yếu tố quan trọng nhất là số lượng ý tưởng, với mục tiêu là tạo ra càng nhiều ý tưởng càng tốt, không bị ràng buộc bởi thói quen hoặc khuôn mẫu có sẵn.

Trong suốt quá trình, không đánh giá hay phê bình bất kỳ ý tưởng nào — chỉ sau khi kết thúc mới tiến hành lựa chọn những ý tưởng tiềm năng nhất để phát triển thêm.

2. Brainwriting (Động não bằng viết)

Đây là biến thể của phương pháp động não truyền thống, trong đó người tham gia viết ý tưởng ra giấy hoặc trên nền tảng điện tử thay vì chia sẻ bằng lời nói. Thông thường, mỗi người ghi một ý tưởng, sau đó chuyển tờ giấy cho người khác, người này sẽ bổ sung hoặc phát triển thêm ý tưởng đó. Quá trình này lặp lại nhiều vòng, giúp ý tưởng phát triển dần và phong phú hơn nhờ sự đóng góp của cả nhóm.

Phương pháp này rất hữu ích vì:

- Giúp những người ít nói, ngại phát biểu có cơ hội đóng góp,
- Giảm áp lực trong thảo luận trực tiếp,
- Tăng số lượng và chất lượng ý tưởng thông qua tương tác gián tiếp.

3. Phương pháp Hoa Sen (Lotus Method)

Phương pháp này sử dụng một sơ đồ bát giác hoặc hình hoa sen.

Chủ đề chính được đặt ở trung tâm, xung quanh là các ý tưởng hoặc tiểu chủ đề liên quan. Mỗi “cánh hoa” lại tiếp tục được phát triển thành những ý tưởng con mới, tạo nên mạng lưới ý tưởng mở rộng.

Hình ảnh hoa sen nhiều cánh tượng trưng cho sự nở không giới hạn của tư duy sáng tạo.

Ứng dụng của các phương pháp phát triển ý

- » Giai đoạn thiết kế giải pháp (sau khi đã chẩn đoán vấn đề),
- » Phát triển ý tưởng không gian sáng tạo, sản phẩm hoặc dịch vụ mới,
- » Hỗ trợ lập kế hoạch chiến lược hoặc đổi mới trong tổ chức.

Ưu điểm của quá trình phát triển ý tưởng:

- » Kích thích tư duy sáng tạo và sự tham gia tích cực,
- » Tạo nguồn ý tưởng đa dạng và phong phú cho các giai đoạn tiếp theo,
- » Mang lại cảm giác chủ động và ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng,
- » Kết nối nhiều loại tri thức khác nhau (người dân, chuyên gia, học giả, cơ quan quản lý...)

Hạn chế:

- » Thiếu điều phối hoặc không chọn lọc ý tưởng có thể dẫn đến sự hỗn loạn,
- » Người hướng ngoại có thể chiếm ưu thế, làm giảm cơ hội đóng góp của người khác,
- » Dễ xuất hiện nhiều ý tưởng đơn giản hoặc khó thực hiện.

Khuyến nghị:

- » Đặt tiêu chí rõ ràng: ý tưởng hướng đến ai, giải quyết vấn đề gì, trong thời hạn nào,
- » Chia buổi làm việc thành nhiều vòng theo chủ đề,
- » Khuyến khích tìm kiếm giải pháp khác thường, sáng tạo, không giới hạn,
- » Kết thúc bằng bước gom nhóm (clustering) và đánh giá ý tưởng theo các tiêu chí cụ thể.

Cách sử dụng từng phương pháp:

A. Brainstorming (Động não nhóm)

Nguyên tắc:

- Mọi ý tưởng đều được chào đón – không đánh giá!
- Số lượng quan trọng hơn chất lượng ở giai đoạn đầu.
- Ý tưởng có thể kết hợp và phát triển thêm.
- Người điều phối ghi lại toàn bộ ý kiến.

Quy trình:

1. Xác định vấn đề hoặc câu hỏi trọng tâm (ví dụ: "Làm thế nào để tái thiết không gian quanh chợ trung tâm?").
2. Thời gian: 10–30 phút.
3. Mỗi người viết ý tưởng của mình lên giấy note hoặc bảng điện tử.
4. Làm việc nhóm để chia sẻ và mở rộng các ý tưởng.
5. Gom nhóm và lựa chọn ý tưởng theo tiêu chí cụ thể (mức độ sáng tạo, tính phù hợp, khả năng thực hiện...).

B. Brainwriting (Động não bằng viết)

Đặc điểm: Giống với brainstorming nhưng được thực hiện trong im lặng và cá nhân, giúp người rụt rè dễ tham gia hơn và tăng tính tập trung.

Nguyên tắc:

- Mỗi người viết ý tưởng lên thẻ hoặc giấy (thường là ba ý tưởng).
- Truyền thẻ cho người khác, người này thêm hoặc phát triển ý tưởng.
- Toàn bộ quá trình diễn ra trong im lặng.

Quy trình:

1. Mỗi người nhận một tờ giấy có bảng 3 cột × 3 hàng.
2. Vòng 1: Viết 3 ý tưởng đầu tiên.
3. Sau 3–5 phút, chuyển tờ giấy cho người kế tiếp.
4. Người kế tiếp viết thêm 3 ý tưởng mới hoặc mở rộng ý tưởng có sẵn.
5. Sau vài vòng, tập hợp và phân tích toàn bộ ý tưởng.

3. Phương pháp Hoa sen (The Lotus method)

Trong phương pháp này, các ý tưởng được đào sâu và phát triển – một khái niệm ban đầu dẫn đến nhiều biến thể và ứng dụng khác nhau. Công cụ sử dụng là một bảng lưới (grid) gồm một ô trung tâm (tượng trưng cho nhụy hoa sen) và tám ô xung quanh (tượng trưng cho cánh hoa sen).

Cách thực hiện:

1. Ghi chủ đề hoặc vấn đề chính vào ô trung tâm.
2. Xung quanh ô trung tâm, viết tám ý tưởng, liên tưởng hoặc giải pháp đầu tiên.
3. Mỗi trong tám ý tưởng/giải pháp này lại trở thành trung tâm của một bảng lưới mới – tức một “bông hoa sen” mới.
4. Tiếp tục phát triển tám ý tưởng mới xung quanh mỗi “trung tâm hoa sen” này.

Phương pháp Hoa sen giúp mở rộng ý tưởng theo cấu trúc phân nhánh,

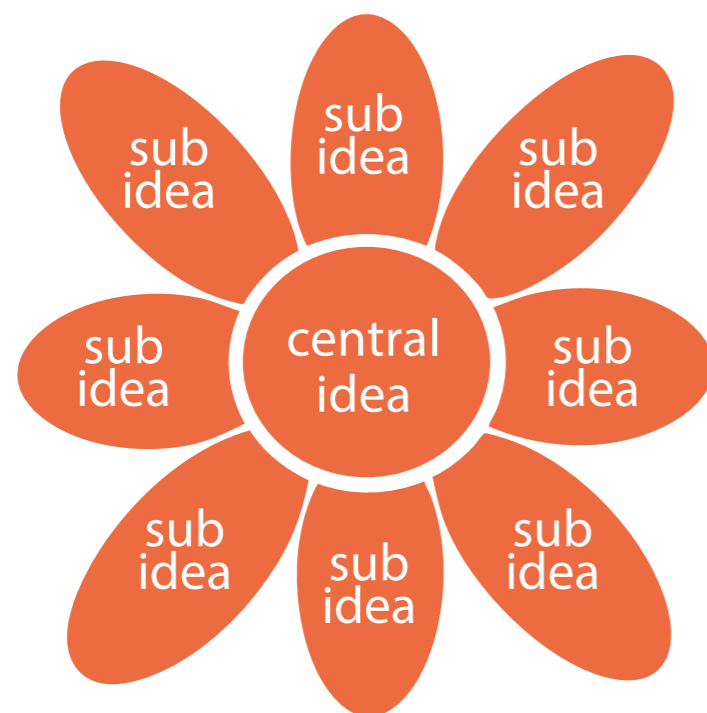


Table 2:

Khi nào nên sử dụng từng kỹ thuật?

Kỹ thuật	Hiệu quả trong những tình huống khi:	Số lượng người tham gia
Động não (Brainstorming)	you need quick, numerous ideas	4–12 người
Viết ý tưởng (Brainwriting)	you want to avoid the domination of one stakeholder group and ensure that all participants feel comfortable participating in the process	4–10 người
Hoa sen (Lotus method)	it is necessary to obtain as many ideas as possible and organize them	1–8 người

Source: own study

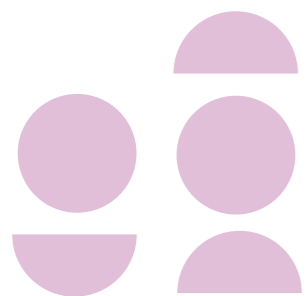
Thông tin thêm về phương pháp phát triển ý tưởng:

- » <https://online.visual-paradigm.com/knowledge/brainstorming/lotus-blossom-technique/>
- » <https://mindmap.guide/post/bloom-your-ideas-with-the-lotus-blossom-technique-a-powerful-approach-to-idea-expansion/>
- » <https://www.mural.co/blog/brainwriting>

PROTOTYPING

Tạo mẫu là quá trình xây dựng phiên bản sơ khởi, thường chưa hoàn thiện, của sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp nhằm minh họa cách thức hoạt động, hình thức và các yêu cầu thực tế của một ý tưởng. Mục tiêu của tạo mẫu là nhanh chóng kiểm chứng tính khả thi của ý tưởng, thu thập phản hồi của người dùng, phát hiện vấn đề và cơ hội cải tiến, từ đó điều chỉnh sớm trong quá trình thiết kế.

Các mẫu thử (prototype) có thể mang nhiều hình thức khác nhau: mô hình giấy, mô hình 3D, khối ghép, minh họa đồ họa (như storyboard), hoặc mô hình kỹ thuật số. Việc tạo mẫu cho dịch vụ cũng có thể được thực hiện thông qua diễn tập (staging) hoặc đóng vai (role-playing).



Ứng dụng:

- » Thiết kế không gian công cộng,
- » Thiết kế dịch vụ,
- » Thiết kế sản phẩm,
- » Chiến dịch xã hội.

Ưu điểm:

- » Cho phép “thử nghiệm” ý tưởng trong bối cảnh thực tế,
- » Giảm rủi ro và chi phí thất bại,
- » Tăng mức độ gắn kết của người tham gia khi họ có thể nhanh chóng thấy kết quả công việc,
- » Giúp rèn luyện tư duy thử – sai – điều chỉnh (iterative learning).

Hạn chế:

- » Cần thời gian, vật liệu và kỹ năng kỹ thuật cơ bản,
- » Mẫu thử có thể bị hiểu nhầm là phiên bản hoàn chỉnh,
- » Khó khăn khi tạo mẫu cho dịch vụ hoặc trải nghiệm phi vật thể.

Lưu ý hữu ích:

- » Ghi chép, chụp ảnh các giai đoạn tạo mẫu và phản ứng của người dùng,
- » Yêu cầu phản hồi trung thực – người dùng muốn thay đổi hay cải thiện điều gì,
- » Dành thời gian cho quy trình lặp lại (iterative process), với nhiều chu kỳ thử nghiệm và điều chỉnh.

Cách tiến hành tạo mẫu

Bước 1. Chọn ý tưởng để thử nghiệm

Tổng hợp các ý tưởng đã có (ví dụ từ buổi động não), sau đó chọn 1–3 ý tưởng đáng để phát triển theo đánh giá của nhóm tham gia.

Bước 2. Quyết định loại mẫu phù hợp, ví dụ:

Tổng hợp các ý tưởng đã có (ví dụ từ buổi động não), sau đó chọn 1–3 ý tưởng đáng để phát triển theo đánh giá của nhóm tham gia.

· Bản vẽ:

phù hợp khi trình bày sơ đồ quảng trường, bản đồ hành trình người dùng hoặc áp phích.

· Mô hình (mockup):

sử dụng cho thiết kế không gian trong nhà hoặc ngoài trời, có thể làm bằng bìa cứng, khối gỗ, đất nặn.

· Storyboard:

minh họa quy trình, dịch vụ khách hàng hoặc hành vi của con người trong không gian cụ thể.

· Mẫu kỹ thuật số:

như bản mô phỏng giao diện website hoặc ứng dụng.

Bước 3. Tạo phiên bản đầu tiên của mẫu thử

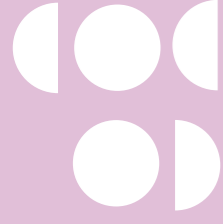
- » Dùng vật liệu đơn giản (giấy, bút dạ, băng keo, bìa cứng).
- » Không cần hoàn hảo, chỉ cần dễ hiểu và dễ quan sát.

Bước 4. Kiểm thử mẫu với người dùng tiềm năng

- » Mời người tham gia “sử dụng” mẫu thử và chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ khi sử dụng.
- » Quan sát phản ứng, hỏi: Bạn sẽ thay đổi điều gì? Điều gì hiệu quả? Điều gì còn mơ hồ?

Bước 5. Thu thập phản hồi và cải tiến mẫu thử

- » Ghi chú, chụp ảnh các phản hồi.
- » Chỉnh sửa hoặc tạo lại mẫu mới dựa trên thông tin thu được từ người dùng.



Prototype Card

1. Goal

What do we want to show, test, or verify?

.....

2. Prototype Description

What does it look like? What does it represent?
What elements does it consist of?

.....

3. Users / Addressees

Who is this prototype for? Who will use it?

.....

4. Observations During Testing

What did we notice? How did participants react?

.....

5. Users' Opinions and Comments

What suggestions, comments, and questions were raised?

.....

6. What should be improved or changed?

.....

7. Conclusions

Does the idea have potential? What are the next steps?

.....

Thêm về tạo mẫu:

» <https://blog.logrocket.com/product-management/what-is-a-prototype/>

» <https://www.lumitex.com/blog/prototyping-methodology>

PRACTICAL ADVICES

- » **DON'T OVERTHINK JUST START BUILDING.** EVEN IF YOU'RE NOT SURE WHAT YOU'RE DOING, THE VERY ACT OF PICKING UP THE MATERIALS SHOULD UNLOCK YOU.
- » **DON'T SPEND TOO MUCH TIME ON ONE PROTOTYPE.** GET DOWN TO A NEW ONE AS YOU FEEL YOURSELF STARTING TO GET EMOTIONALLY ATTACHED TO YOUR CREATION. YOU'LL VERIFY THEM ALL LATER.
- » **BUILD WITH THE USER IN MIND.** WHAT ARE YOU GOING TO TEST? WHAT KIND OF BEHAVIOR?
- » **DEFINE WHAT YOU ARE TESTING** WITH A GIVEN PROTOTYPE. EACH PROTOTYPE SHOULD ANSWER A SPECIFIC QUESTION.

TÓM TẮT:

Mười công cụ tham gia được mô tả ở trên và được thử nghiệm trong dự án HEIsCITI tạo thành một bộ công cụ linh hoạt có thể được sử dụng trong nhiều loại quy trình tham gia khác nhau. Các công cụ này đặc biệt hiệu quả trong việc thiết kế giải pháp cho các không gian đô thị bị lãng quên, thúc đẩy hợp tác giữa người dùng của các địa điểm cụ thể, chính quyền thành phố, sinh viên, và đại diện trường đại học góp phần củng cố các mối quan hệ xã hội trong bối cảnh hậu đại dịch. Chúng cũng có thể được sử dụng trong các quy trình giáo dục nhằm chuẩn bị cho sinh viên và học sinh khả năng đồng sáng tạo các giải pháp một cách chủ động, có ý thức và gắn kết với cộng đồng địa phương. Việc sử dụng các công cụ được mô tả đã được tích hợp vào các kịch bản hội thảo cụ thể dành cho các khía cạnh khác nhau của sự tham gia (Phụ Lục số).

Bảng số 3.

Tóm tắt các tính năng của các công cụ tham gia được chọn



Tóm tắt sau đây về các công cụ tham gia được trình bày trong Hướng Dẫn minh họa mục đích, ứng dụng, ưu điểm chính, và các hạn chế tiềm năng của chúng (Bảng số).

Tool	Purpose	Application	Advantages	Limitations / risks
Storytelling	Recognizing the needs, values, and history of the local community	Social diagnosis, strengthening the identity of the place	Facilitates emotional understanding, builds empathy and context	Difficulties in systematizing data, requires moderation and analysis of narratives
Stakeholder Map	Identification and analysis of project stakeholders	Engagement planning, conflict management, communication strategy	Facilitates understanding of the influence and needs of different groups	Ignoring hidden stakeholders, subjective impact assessment
Spatial Mapping	Analysis of space and its system elements	Spatial planning, revitalization, functional analysis	Visual representation of problems and spatial relationships	May require graphical tools, difficult in the case of symbolic spaces
Persona	Creating fictional representations of and users	User-centered design, idea testing	It makes it easier to tailor solutions to real needs	An overly simplified image may not reflect the full diversity of the target group.
Diagnostic survey	Collecting quantitative and qualitative data from the community	Diagnosis, needs monitoring, strategic planning	Combines the objectivity of numerical data with emotions and personal experiences	Low responsiveness, limitations resulting from qualitative data analysis
Observations	Observing real human behavior and interactions	Space diagnosis, user needs analysis, solution testing	Data authenticity, non-verbal information	Time-consuming, subjectivity of the observer
Challenges and Opportunities	Identifying project barriers and potential	Action planning, intervention prioritization, risk analysis	It allows you to strategically manage change and creates a realistic picture of the situation.	Can lead to "analysis paralysis" if the challenge list is not organized correctly
Charrette Workshop	Design workshops with stakeholders	Participatory spatial planning, revitalization, difficult social challenges	High group effectiveness, engaging multiple perspectives	High organizational requirements, risk of expert domination
Generating ideas	Generating many creative solutions	Early stages of designing innovative solutions	It stimulates creativity and creates various proposals.	The lack of structure can lead to chaos and difficulty in selecting valuable ideas.
Prototyping	Creating testable versions of solutions	Testing in practice, iterative improvement of ideas	Allows testing, feedback and improvement of solutions	Time-consuming, incorrect perception of the prototype as the final version, difficulties in prototyping services

Hiệu quả của các công cụ trên sẽ được phát huy tối đa khi chúng được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm của người tham gia và bối cảnh địa phương, được triển khai dựa trên bằng chứng nghiên cứu, có sự liên kết chặt chẽ với nhau và được thực hiện trong tinh thần tinh thức và phản tư.

CHÚC BẠN THÀNH CÔNG TRONG VIỆC TRIỂN KHAI CÁC QUY TRÌNH CÓ SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG MỘT CÁCH SÁNG TẠO, HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG!

Annexes

Tiêu đề	Vượt ra khỏi khuôn mẫu: Những bước khởi đầu đầu tiên trên hành trình hướng đến thành công
Điều phối	Magdalena Weinle & Viktoria Heinzl
Thời lượng	120 phút
Mục tiêu	Trong các quy trình đổi mới dựa trên thách thức (<i>challenge-based innovation processes</i>), người triển khai phải xử lý một “bài toán cân bằng”: các thách thức cần được mô tả đủ rõ ràng nhưng đồng thời phải mở, không thiên lệch và không định kiến về giải pháp. Phiên đào tạo kéo dài 90 phút này cung cấp cái nhìn tổng quan về các cách tiếp cận và phương pháp phổ biến trong quy trình đổi mới sáng tạo, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc coi trọng những bước đầu tiên. Trọng tâm được đặt vào khám phá vấn đề (problem exploration) và xác định khách hàng mục tiêu (customer discovery).
Phương pháp thực hiện	Bài giảng trực tuyến (<i>Online lecture</i>)
Kết quả học tập dự kiến	Sau khi hoàn thành bài giảng trực tuyến 120 phút này, học viên có thể hiểu và vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> • các nguyên lý và khái niệm cốt lõi của đổi mới mở (open innovation); • Design Thinking như một phương pháp tiếp cận lấy con người làm trung tâm, nhấn mạnh sự thấu cảm và sáng tạo; • các khía cạnh cơ bản của Effectuation; • tầm quan trọng của xác định và kiểm chứng nhu cầu khách hàng; • tầm quan trọng của việc khám phá nhu cầu thông qua nghiên cứu, sử dụng đúng phương pháp.

Cấu trúc bài giảng

I. Phần lý thuyết

1. Nguyên lý của đổi mới mở (*Principles of Open Innovation*)
2. Design Thinking – phương pháp tiếp cận nhân văn, lấy con người làm trung tâm
3. Effectuation – tiếp cận khởi nghiệp dựa trên nguồn lực sẵn có (tóm lược)
4. Xác định khách hàng mục tiêu (*Customer Discovery*)
5. Khám phá nhu cầu thông qua nghiên cứu

II. Hỏi – đáp & Thảo luận

Tài liệu tham khảo

- Bason, C. (2018). *Leading Public Design: Discovering human-centered governance*. Bloomsbury Publishing.
- Blank, S. (2013). *Why the Lean Start-Up Changes Everything*. Harvard Business Review, 91(5), 63–72.
- Brown, T. (2008). *Design Thinking*. Harvard Business Review, 86(6), 84–92.
- Kouprie, M., & Sleeswijk Visser, F. (2009). *A framework for empathy in design: Stepping into and out of the user's life*. Journal of Engineering Design, 20(5), 437–448.
- Maurya, A. (2012). *Running Lean: Iterate from Plan A to a Plan That Works*. O'Reilly Media.

- Osterwalder, A., & Pigneur, Y. (2010). *Business Model Generation: A handbook for visionaries, game changers, and challengers*. John Wiley & Sons.
- Sarasvathy, S. D. (2001). *Causation and effectuation: Toward a theoretical shift from economic inevitability to entrepreneurial contingency*. *Academy of Management Review*, 26(2), 243–263.

Tiêu đề	Sự tham gia của công dân trong phát triển đô thị và thành phố – trường hợp tái thiết đô thị tại Ba Lan
Điều phối	Joanna Kurowska-Pysz
Thời lượng	120 phút
Mục tiêu	<p>Bài giảng nhằm nâng cao kiến thức và nhận thức của sinh viên về các phương pháp tiếp cận có sự tham gia của cộng đồng (<i>participatory approaches</i>) và phương pháp dựa trên không gian (<i>place-based approaches</i>) trong việc hỗ trợ xã hội dân sự. Bối cảnh để phân tích các quy trình, phương pháp và công cụ tham gia khác nhau là hoạt động tái thiết các khu vực bị bỏ hoang – một trong những ví dụ phổ biến nhất đòi hỏi sự tham gia của cộng đồng.</p> <p>Trọng tâm bài giảng nhấn mạnh vào chẩn đoán vấn đề thông qua các phương pháp tham gia đa dạng, thu hút nhiều nhóm bên liên quan và xây dựng chiến lược truyền thông phù hợp đối với từng nhóm.</p>
Phương pháp	Bài giảng trực tuyến; trình chiếu PowerPoint (PPT)
Kết quả học tập dự kiến	<p>Sau khi hoàn thành bài giảng trực tuyến 120 phút, người học có thể hiểu và vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • khái niệm tái thiết các khu vực bỏ hoang và các vấn đề liên quan đến sự bị gạt ra bên lề về kinh tế – xã hội ở những vùng ngoại vi; • các nguyên tắc đảm bảo sự cân bằng khi triển khai quy trình tái thiết đô thị; • các giai đoạn chính trong quá trình xây dựng một can thiệp tái thiết; • bản chất của cách tiếp cận có sự tham gia của cộng đồng và dựa trên không gian; • các nhóm bên liên quan chủ chốt trong các quy trình tái thiết; • các phương pháp và công cụ tham gia – truyền thông đa dạng; • những rào cản trong quá trình triển khai phương pháp tiếp cận mang tính tham gia của cộng đồng.

Cấu trúc bài giảng:

I. Phần lý thuyết

1. Nguyên lý tái thiết đô thị (*Principles of Revitalization*)
2. Các giai đoạn chính trong quá trình phát triển can thiệp tái thiết
3. Bản chất của cách tiếp cận có sự tham gia và dựa trên không gian
4. Sự đa dạng của các nhóm bên liên quan và thách thức trong truyền thông
5. Một số phương pháp và công cụ tham gia – truyền thông được lựa chọn và các giới hạn của chúng

II. Hỏi – đáp & Thảo luận

Tài liệu tham khảo:

1. Onyszkiewicz, J., & Sadowski, K. (2022). *Proposals for the revitalization of prefabricated building facades in terms of the principles of sustainable development and social participation*. *Journal of Building Engineering*, 46, 103713.
2. Dentinho, T. P., Kopczevska, K., De Francesco, G., Pascariu, G. C., Kourtit, K., Nijkamp, P., ... & Türk, U. (2023). *Sustainable Development Goals. People and*

- Places chose what they do not have. In Resilience and Regional Development* (pp. 169–188). Edward Elgar Publishing.
3. Ergashev, I. (2021). *Civil society and youth*. *Science and Education*, 2(2), 282–284.
 4. Castelnovo, W., Misuraca, G., & Savoldelli, A. (2016). *Smart cities governance: The need for a holistic approach to assessing urban participatory policy making*. *Social Science Computer Review*, 34(6), 724–739.
 5. Crosby, N., Kelly, J. M., & Schaefer, P. (2015). *Citizens panels: A new approach to citizen participation*. In *The Age of Direct Citizen Participation* (pp. 266–278). Routledge.
 6. Hurlbert, M., & Gupta, J. (2015). *The split ladder of participation: A diagnostic, strategic, and evaluation tool to assess when participation is necessary*. *Environmental Science & Policy*, 50, 100–113.

Tiêu đề	“Thúc đẩy khả năng chống chịu: Các phương pháp tham gia sáng tạo trong bối cảnh hậu COVID-19”
Điều phối	Smart RI
Thời lượng	
Mục tiêu	
Phương pháp	
Kết quả học tập dự kiến	-

Kết quả học tập dự kiến

1. Hiểu sự thay đổi trong động lực cộng đồng:
Người học nhận thức sâu hơn về sự chuyển đổi trong cách cộng đồng tham gia và hợp tác trong bối cảnh hậu COVID-19, cũng như những thách thức và cơ hội mới phát sinh sau đại dịch.
2. Điều chỉnh các phương pháp truyền thống:
Biết cách điều chỉnh, cải tiến các phương pháp tham gia truyền thống để phù hợp với nhu cầu thay đổi của cộng đồng và các bên liên quan trong bối cảnh toàn cầu hiện nay.
3. Công cụ và công nghệ đổi mới:
Tiếp cận các công cụ và công nghệ tham gia mới, xuất hiện nhằm ứng phó với các thách thức trong đại dịch, nâng cao năng lực hợp tác và tương tác từ xa.
4. Xây dựng khả năng chống chịu:
Thảo luận các chiến lược giúp cộng đồng tăng cường khả năng chống chịu thông qua phương pháp tham gia, đảm bảo tiến trình ra quyết định chung hướng đến tính bền vững lâu dài.
5. Tính bao trùm và đa dạng:
Nhấn mạnh vai trò của sự bao trùm và đa dạng trong các phương pháp tham gia – đặc biệt trong bối cảnh đại dịch đã cho thấy nhiều bất bình đẳng – đồng thời đề xuất các giải pháp đảm bảo sự tham gia công bằng cho mọi nhóm dân cư.
6. Ứng dụng thực tiễn:
Phân tích các nghiên cứu điển hình về thành công trong triển khai phương pháp tham gia trong giai đoạn phục hồi hậu COVID, rút ra các yếu tố quyết định thành công.
7. Chiến lược gắn kết các bên liên quan:
Phát triển các chiến lược gắn kết hiệu quả các bên liên quan, cân bằng các lợi ích và quan điểm đa dạng trong bối cảnh hậu đại dịch.
8. Các cân nhắc đạo đức:
Xem xét các vấn đề đạo đức trong phương pháp tham gia, đặc biệt trong môi trường số; thảo luận cách đảm bảo chuẩn mực đạo đức song song với việc ứng dụng công nghệ.
9. Xây dựng năng lực:
Thảo luận các phương pháp giúp cá nhân và cộng đồng tăng cường năng lực tham gia vào quá trình ra quyết định, từ đó nâng cao quyền làm chủ trong phát triển và an sinh của họ.
10. Tạo tác động bền vững:
Phân tích cách các phương pháp tham gia có thể đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và tạo ra tác động tích cực, lâu dài đối với cộng đồng, tổ chức và xã hội trong thời kỳ hậu COVID-19.

Cấu trúc bài giảng

I. Giới thiệu

- A. Giới thiệu cấu trúc bài giảng
- B. Tổng quan bối cảnh hậu COVID
- C. Ý nghĩa của các phương pháp tham gia trong bối cảnh hiện nay

II. Sự thay đổi trong động lực tham gia (10 phút)

- A. Tác động của COVID-19 đối với động lực cộng đồng
- B. Xác định thách thức và cơ hội
- C. Tầm quan trọng của khả năng thích ứng

III. Đổi mới trong công cụ và công nghệ tham gia (10 phút)

- A. Giới thiệu các công nghệ mới nổi
- B. Các nghiên cứu điển hình về triển khai thành công
- C. Thực hành tốt nhất trong hợp tác từ xa

IV. Xây dựng khả năng chống chịu thông qua tham gia (10 phút)

- A. Khả năng chống chịu như một mục tiêu trọng tâm
- B. Tích hợp phương pháp tham gia trong chiến lược tăng cường chống chịu
- C. Bài học từ các cộng đồng có khả năng chống chịu tốt

V. Đảm bảo tính bao trùm và đa dạng (10 phút)

- A. Nhận diện và giải quyết bất bình đẳng
- B. Chiến lược tăng cường tính bao trùm
- C. Nghiên cứu điển hình về gắn kết bao trùm

VI. Ứng dụng thực tiễn và nghiên cứu điển hình (15 phút)

- A. Phân tích các sáng kiến tham gia thành công hậu COVID
- B. Bài học kinh nghiệm và khả năng áp dụng rộng rãi
- C. Hỏi đáp và thảo luận

VII. Chiến lược gắn kết các bên liên quan (10 phút)

- A. Nhận diện các bên liên quan chính
- B. Chiến lược gắn kết hiệu quả
- C. Cân bằng lợi ích đa dạng để tạo tác động tập thể

VIII. Cân nhắc đạo đức trong phương pháp tham gia (10 phút)

- A. Giải quyết thách thức đạo đức
- B. Hướng dẫn đạo đức cho môi trường số
- C. Đảm bảo trách nhiệm giải trình và tính minh bạch

IX. Xây dựng năng lực cho sự tham gia bền vững (10 phút)

- A. Trao quyền cho cá nhân và cộng đồng
- B. Sáng kiến giáo dục thúc đẩy tham gia hiệu quả
- C. Tác động dài hạn của xây dựng năng lực

X. Kết luận và tổng kết (10 phút)

- A. Tóm lược các nội dung chính
- B. Khuyến khích tiếp tục học tập và ứng dụng
- C. Cảm ơn và kết thúc

Tài liệu tham khảo (APA Style)

1. Bellacasa, M. P. (2017). *Matters of Care: Speculative Ethics in More Than Human Worlds*. Minneapolis and London: University of Minnesota Press.
2. Dupret, K., Eschweiler, J., Umantseva, A., & Hyldkrog, R. V. B. (2022). *Mapping Innovation and Societal Engagement: Responsible research through a care ethics perspective*. Roskilde Universitet. <https://doi.org/10.13140/RG.2.2.31722.59845>

Tiêu đề	Tham gia vì sự gắn kết công chúng
Đơn vị điều phối	Đại học Mykolas Romeris
Thời lượng	2 giờ học thuật
Mục tiêu	Giới thiệu và thảo luận các mô hình tham gia, cũng như cách áp dụng chúng trong thực tiễn.
Phương pháp	<ul style="list-style-type: none"> • Cung cấp lý thuyết • Ứng dụng thực hành (trò chơi “360 Participation Game” hoặc phân tích tình huống) • Thảo luận • Phản tư
Kết quả học tập dự kiến	<p>Cuối buổi học, học viên sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu khái niệm và nguyên tắc của các mô hình tham gia. • Có khả năng áp dụng các mô hình tham gia trong thực tiễn. • Phản tư về trải nghiệm học tập đã diễn ra.

Cấu trúc bài giảng

I. Trình bày lý thuyết

Mở đầu: Tham gia trong mối quan hệ với hợp tác.

1. Các cách tiếp cận xã hội học và chính trị đối với sự tham gia.
2. Các mô hình tham gia:
 - 2.1. Arnstein / Hart / các tác giả khác – *Thang bậc tham gia (Ladders of Participation)*
 - 2.2. Treseder – *Các mức độ tham gia (Degrees of Participation)*
 - 2.3. Shier – *Lộ trình tham gia (Pathways to Participation)*
 - 2.4. Hội đồng Châu Âu – *Khung RMSOS*
 - 2.5. White – *Phân loại lợi ích (Typology of Interests)*
 - 2.6. Davies – *Ma trận tham gia (Matrix of Participation)*
 - 2.7. De Backer và Jans – *Tam giác tham gia (Triangle of Participation)*
 - 2.8. Hội đồng Châu Âu – *Mô hình sáu bước (Six-Step Model)*

II. Ứng dụng thực hành – Hai lựa chọn

1. Trò chơi 360 Participation Game (Grace & Grace, 2017)

HOẶC

2. Phân tích tình huống: Học viên được cung cấp tình huống thực tế, lựa chọn một mô hình tham gia để đánh giá mức độ tham gia thể hiện trong tình huống đó.

III. Thảo luận – Các điểm rút ra

IV. Phản tư – Một thay đổi nhỏ cho hôm nay

Tài liệu tham khảo

1. Bellacasa, M. P. (2017). *Matters of Care: Speculative Ethics in More Than Human Worlds*. Minneapolis & London: University of Minnesota Press.
2. Dupret, K., Umantseva, A., Lazoroska, D., & Eschweiler, J. (2023). *Research collaboration for societal engagement and social innovation: Guidelines and reflections for best practices*. Roskilde Universitet.
3. Grace, J., & Grace, P. (2017). *Participation Handbook*.

Công thức nội dung bài giảng – LAMA

Tiêu đề	Thực hành tham gia – Nghiên cứu tình huống, công cụ và phương pháp
Đơn vị điều phối	LAMA impresa sociale
Thời lượng	2h
Mục tiêu	<ul style="list-style-type: none">• Nâng cao nhận thức của sinh viên về các quy trình tham gia thông qua việc trình bày một nghiên cứu điển hình thực tiễn: Montagna Prossima.• Giới thiệu bộ công cụ mà sinh viên sẽ sử dụng trong hoạt động thực hành (hands-on workshop) thuộc khóa học HEIsCITI.• Tạo cơ hội đối thoại trực tiếp với chuyên gia về các quy trình tham gia cùng chính quyền địa phương và cộng đồng.
Phương pháp	<ul style="list-style-type: none">• Giới thiệu diễn giả và phạm vi bài giảng.• Trình bày nghiên cứu tình huống thực tế về quy trình tham gia do LAMA thực hiện tại khu vực gần Florence, Ý (quy trình “Montagna Prossima”).• Giới thiệu bộ công cụ sẽ được sử dụng bởi sinh viên trong workshop tại ba địa điểm thí điểm của dự án.• Thảo luận và hỏi-đáp.
Kết quả học tập dự kiến	<ul style="list-style-type: none">• Tăng cường hiểu biết về thực tiễn tham gia trong các chương trình công.• Hiểu rõ bộ công cụ được cung cấp: cách dùng, thời điểm sử dụng và lý do sử dụng trong quy trình tham gia.• Nâng cao khả năng đối thoại và thảo luận về các khía cạnh thực tiễn liên quan đến triển khai các quy trình tham gia thực tế.

Cấu trúc bài giảng

I. Trình bày lý thuyết

Giới thiệu: Mục đích và nội dung bài giảng.

Nghiên cứu tình huống:

Trình bày dự án **Montagna Prossima** – quy trình tham gia do LAMA phối hợp với chính quyền hai thị trấn Londa và San Godenzo, thuộc vùng núi phía Đông Florence (Italy).

Tổng quan về bộ công cụ sẽ được sinh viên sử dụng trong workshop tại ba địa điểm thí điểm của dự án.

1. Xây dựng bối cảnh (Scenario)

1.1. Xác định thách thức thiết kế (*Frame Your Design Challenge*)

1.2. Công cụ nghiên cứu thứ cấp (*Secondary Research Tool*)

2. Lập bản đồ (Map)

2.1. Lập bản đồ các bên liên quan (*Stakeholder Mapping*)

2.2. Xác định thách thức và cơ hội (*Challenges & Opportunities*)

3. Chuẩn bị tham gia (Prepare Participation)

3.1. Các kỹ thuật tham gia xã hội (danh mục)

3.2. Mẫu hướng dẫn tham gia (*Guide to Participation Template*)

4. Thu hút cộng đồng (Engage Communities)

4.1. Công cụ xây dựng chiến lược truyền thông (*Communication Strategy Tool*)

5. Lắng nghe và đối thoại (Listen & Debate)

5.1. Hướng dẫn kỹ năng điều phối (*Facilitation Skills Guide*)

5.2. Mức độ lắng nghe theo Theory U (*Levels of Listening – Theory U*)

6. Đồng thiết kế giải pháp (Co-design Solutions)

6.1. Công cụ và phương pháp đồng thiết kế

6.2. Cách tiếp cận danh mục giải pháp (*Portfolio Approach*)

7. Trình bày (Present)

7.1. Mẫu trình bày (*Pitch Template*)

7.2. Kỹ thuật World Café (*World Café Technique*)

II. Thảo luận – Các điểm rút ra

- Hỏi–đáp
- Tổng hợp những điểm quan trọng

III. Kết luận

- Tóm tắt nội dung chính
- Nhấn mạnh giá trị thực tiễn của phương pháp tham gia
- Định hướng áp dụng vào workshop của HEIsCITI

Đề tài:**Hợp tác liên thế hệ trong các hoạt động tham gia****Mục tiêu chung của lớp học:**

Trình bày cho người tham gia về bản chất và giá trị của sự hợp tác giữa các thế hệ trong các hoạt động có sự tham gia, chủ yếu trong các lĩnh vực như phá vỡ khuôn mẫu, duy trì sự cân bằng giữa kiến thức và kinh nghiệm, các nguyên tắc giao tiếp giữa các thế hệ, cũng như phát triển kỹ năng kể chuyện như một phương pháp xây dựng đối thoại giữa các thế hệ khác nhau trong các quá trình có sự tham gia.

Phạm vi của khóa học:

1. Giới thiệu về chủ đề đa dạng, bao gồm sự khác biệt giữa các thế hệ người sử dụng không gian công cộng.
2. Trình bày những thách thức chính đối với sự hợp tác giữa các thế hệ, chẳng hạn như phá vỡ định kiến, duy trì sự cân bằng giữa kiến thức và kinh nghiệm, và các nguyên tắc giao tiếp giữa các thế hệ.
3. Nguyên tắc xây dựng đối thoại giữa các thế hệ khác nhau trong quá trình tham gia.
4. Sử dụng kể chuyện trong các hoạt động có sự tham gia của đại diện các thế hệ khác nhau.

Tổng thời lượng khóa học :

180 phút, bao gồm: phần lý thuyết - 60 phút và phần thực hành - 120 phút

Kết quả học tập đạt được trong suốt khóa học:

Các lĩnh vực học tập	Kết quả học tập	Phương pháp xác minh kết quả học tập
Kiến thức	<ol style="list-style-type: none"> 1. Học sinh có kiến thức cơ bản về sự đa dạng thế hệ và hiểu được các vấn đề liên quan đến sự khác biệt trong nhận thức giữa các thế hệ, ví dụ như các vấn đề liên quan đến việc sử dụng không gian công cộng. 2. Học sinh hiểu được những thách thức của sự hợp tác giữa các thế hệ, tức là phá vỡ định kiến, duy trì sự cân bằng giữa kiến thức và kinh nghiệm, và các nguyên tắc giao tiếp giữa các thế hệ. 3. Học sinh biết những nguyên tắc cơ bản của việc kể chuyện như một phương pháp tham gia xã hội. 	Thảo luận trong các lớp học, bao gồm sau phần lý thuyết và như một phần của phần tóm tắt
Kỹ năng và thái độ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Học sinh có thể xác định các ví dụ về vấn đề phát sinh từ sự khác biệt trong nhận thức về không gian công cộng của các thế hệ khác nhau. 2. Học sinh/sinh viên có thể giải thích cách những thách thức liên quan đến hợp tác giữa các thế hệ có thể liên quan đến các quá trình tham gia xã hội. 3. Học sinh có thể thiết kế một ví dụ về hoạt động tham gia được thực hiện thông qua hợp tác giữa các thế hệ, sử dụng phương pháp kể chuyện để thiết kế không gian công cộng. 	Đánh giá các bài thuyết trình được thực hiện theo nhóm như một phần của bài tập

Kế hoạch bài học**I. Giới thiệu chủ đề (45 phút)**

Chào đón người tham gia:

Trình bày mục tiêu và kế hoạch bài học.

Giới thiệu lý thuyết cho lớp học (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên)

Sự đa dạng thế hệ không phải là một vấn đề cần giải quyết, mà là một nguồn lực cần khai thác. Thiết kế không gian công cộng một cách có ý thức, không chỉ đáp ứng nhu cầu của các nhóm tuổi khác nhau mà còn chủ động khuyến khích họ tương tác, chính là một khoản đầu tư vào vốn xã hội và khả năng phục hồi của các thành phố. Việc tạo ra những không gian thân thiện và tiện dụng cho người sử dụng không gian công cộng ở mọi lứa tuổi là một mục tiêu có thể đạt được thông qua đối thoại, tôn trọng lẫn nhau và đồng cảm. Chính trong sự trao đổi thường nhật giữa các thế hệ này, sức mạnh thực sự của một không gian công cộng được thiết kế tốt nằm ở chính sự giao lưu giữa các thế hệ.

Không gian công cộng giống như một tấm gương phản chiếu xã hội, được đặc trưng bởi những động lực, xung đột cụ thể, và trên hết là sự đa dạng thế hệ, tức là sự chung sống tại cùng một địa điểm và thời gian của nhiều thế hệ, mỗi thế hệ đại diện cho những trải nghiệm, giá trị và kỳ vọng riêng biệt. Công viên, quảng trường và đường phố trở thành đấu trường nơi những quan điểm khác biệt này va chạm, tạo ra cả tiềm năng xây dựng mối liên kết bền chặt hơn lẫn nguy cơ làm sâu sắc thêm sự chia rẽ giữa các thế hệ. Việc hiểu rõ những khác biệt này và quản lý chúng một cách có ý thức là một trong những thách thức then chốt trong quá trình phát triển các đô thị hiện đại.

Bốn thế hệ có đặc điểm minh họa cho động lực liên thế hệ và thái độ đa dạng đối với không gian công cộng là:

1. Thế hệ Baby Boomers (sinh khoảng năm 1946-1964) – một thế hệ được hình thành bởi kinh nghiệm tái thiết sau chiến tranh và sự ổn định tương đối, coi trọng trật tự, an toàn và tính công năng của không gian công cộng hơn bất cứ điều gì khác. Đối với họ, công viên là nơi để đi dạo và gặp gỡ trên ghế dài yên bình, quảng trường đóng vai trò đại diện, và đường phố nên sạch sẽ và ngăn nắp. Họ sử dụng không gian một cách thường xuyên, thường gắn liền với các hình thức giải trí truyền thống. Họ coi trọng cây xanh, nhưng theo một hình thức có trật tự, ví dụ như bãi cỏ và luống hoa gọn gàng. Họ có thể coi các công trình hiện đại, tiên phong hoặc các khu vực hoạt động không chính thức là hỗn loạn và lãng phí tiền công. Sự tham gia của họ vào các vấn đề địa phương thường mang tính hình thức, ví dụ như thông qua việc tham gia các cuộc họp hội đồng khu phố.

2. Thế hệ X (khoảng 1965-1980) – những người lớn lên ở giao điểm giữa thế giới tương tự và thế giới kỹ thuật số. Họ thực dụng và thường hướng về gia đình. Đối với họ, không gian công cộng chủ yếu là một nơi hữu ích: một sân chơi được trang bị đầy đủ cho trẻ em, một đường dành cho xe đạp để chạy bộ hoặc một công viên nơi họ có thể dành thời gian cho gia đình. Không giống như thế hệ Baby Boomers, họ cởi mở hơn với những cách sử dụng thời gian không chính thức, nhưng vẫn coi trọng sự phân chia khu vực và chức năng rõ ràng. Thái độ của họ đối với không gian ít mang tính lý tưởng và thực tế hơn – nó phải đáp ứng những nhu cầu cụ thể liên quan đến giải trí và cuộc sống gia đình.

3. Thế hệ Y (khoảng năm 1981-1996) – thế hệ đầu tiên của cuộc cách mạng số, coi trọng trải nghiệm hơn là sở hữu. Đối với thế hệ này, không gian công cộng là sân khấu nơi diễn ra đời sống xã hội và là bối cảnh để tạo ra những kỷ niệm có thể chia sẻ trực tuyến. Họ mong đợi không gian công cộng phải linh hoạt, đa chức năng và thân thiện để đăng ảnh lên mạng xã hội. Họ bị thu hút bởi các sự kiện tạm thời như lễ hội, rạp chiếu phim ngoài trời và chợ sáng. Một chiếc ghế dài không chỉ để ngồi mà còn để làm việc trên máy tính xách tay, đó là lý do tại sao khả năng truy cập Wi-Fi và ổ cắm điện đang trở thành một tài sản. Theo họ, không gian mà họ mong đợi phải đẹp về mặt thẩm mỹ, mang lại những trải nghiệm độc đáo và cho phép chuyển đổi suôn sẻ giữa công việc, thư giãn và đời sống xã hội.

4. Thế hệ Z (khoảng 1997-2012) – một thế hệ hoàn toàn đắm chìm trong thực tế số, với họ, ranh giới giữa thế giới trực tuyến và ngoại tuyến là không cố định (còn gọi là phygital). Không gian

công cộng không chỉ là nơi gặp gỡ, giao lưu mà còn là nơi để họ thể hiện bản thân, các giá trị và tinh thần hoạt động xã hội. Họ mong muốn sự chân thực, hòa nhập và bền vững. Thay vì một bãi cỏ được cắt tỉa cẩn thận trong công viên, họ ưa chuộng những đồng cỏ hoa dại hỗ trợ đa dạng sinh học. Họ quan tâm đến việc liệu một không gian có dễ tiếp cận với người khuyết tật và an toàn cho các nhóm thiểu số hay không. Họ nhạy cảm với các vấn đề xã hội và môi trường, và không gian công cộng trở thành một công cụ để họ thể hiện những thái độ này, ví dụ như bằng cách tổ chức các sự kiện hoặc sáng tác tranh tường.

Sự đối đầu giữa những quan điểm khác biệt như vậy tạo ra căng thẳng. Người cao tuổi có thể phàn nàn về tiếng ồn do người trẻ tạo ra, trong khi người trẻ có thể cảm thấy bị hạn chế bởi nhu cầu về trật tự do thế hệ trước thể hiện.

Chìa khóa để chuyển hóa những xung đột này thành năng lượng sáng tạo là xây dựng sự hợp tác và đối thoại một cách có ý thức dựa trên ba trụ cột.

1. Phá vỡ định kiến

Rào cản lớn nhất chính là những nhận thức chung, đơn giản hóa, ví dụ như cho rằng người trẻ đòi hỏi nhiều và không thể tưởng tượng cuộc sống thiếu điện thoại thông minh, còn người cao tuổi thì lạc hậu và hay phàn nàn về mọi thứ. Một cách hiệu quả để phá vỡ những định kiến này là tạo ra cơ hội cho những hành động chung có mục đích. Ví dụ như các khu vườn cộng đồng liên thế hệ, nơi người cao tuổi chia sẻ kiến thức làm vườn và người trẻ chia sẻ sức mạnh và ý tưởng mới, hoặc các buổi hội thảo nơi cháu dạy ông bà cách sử dụng điện thoại thông minh, xây dựng mối quan hệ thực sự và thể hiện giá trị của mỗi nhóm.

2. Cân bằng giữa kiến thức và kinh nghiệm

Hợp tác liên thế hệ hướng đến sự cộng hưởng, chứ không phải cạnh tranh. Người cao tuổi có kinh nghiệm sống vô giá và ký ức lịch sử về một địa điểm nhất định. Họ biết một con phố trông như thế nào 30 năm trước và nó phục vụ những chức năng gì. Người trẻ tuổi mang đến kiến thức mới, nhận thức về xu hướng, hiểu biết về công nghệ số và một góc nhìn mới mẻ. Các quy trình tham gia (ví dụ khi thiết kế một quảng trường mới) phải được cấu trúc sao cho cả hai quan điểm đều được tôn trọng như nhau. Mô hình "cổ vấn ngược", trong đó người trẻ là chuyên gia trong một lĩnh vực và người lớn tuổi trong một lĩnh vực khác, thúc đẩy sự hợp tác hơn là phân cấp.

3. Nguyên tắc giao tiếp liên thế hệ hiệu quả

Sự khác biệt về ngôn ngữ và phong cách giao tiếp là một nguyên nhân phổ biến gây hiểu lầm. Để ngăn ngừa điều này, cần đề cao một số nguyên tắc, chẳng hạn như: lắng nghe tích cực (tập trung vào việc hiểu ý định của người khác thay vì chỉ chuẩn bị câu trả lời của riêng mình), đồng cảm và tránh khái quát hóa (thay vì dựa vào những đánh giá chung chung, hãy đề cập đến cảm xúc và trải nghiệm cá nhân của bạn), tò mò thay vì phán xét (đặt câu hỏi mở ra cuộc đối thoại, trong khi phủ nhận ý kiến của người khác một cách chung chung sẽ khép lại cuộc đối thoại), một mục tiêu chung (liên tục nhắc nhở mọi người về những điểm chung, thay vì nhấn mạnh vào những điểm chia rẽ).

Những giả định trên chỉ ra rằng việc xây dựng đối thoại liên thế hệ trong các quy trình có sự tham gia phải dựa trên sự hợp tác và tôn trọng lẫn nhau. Thay vì phân cấp, chúng ta nên phấn đấu đạt được sự đồng thuận, trong đó kinh nghiệm sống của người cao tuổi cũng có giá trị như quan điểm đổi mới và kiến thức số của người trẻ. Giao tiếp phải dựa trên sự lắng nghe tích cực và sự đồng cảm. Cần tránh những khái quát hóa và định kiến có hại, và thay vào đó, mọi người nên nói lên quan điểm của riêng mình. Nền tảng là tập trung vào một mục tiêu chung, bao quát, thống nhất giữa các bộ phận. Trong đối thoại liên thế hệ trong các quy trình có sự tham gia, vai trò của một người điều phối công bằng, đảm bảo rằng mọi tiếng nói, bất kể tuổi tác, đều được lắng nghe và xem xét đúng mức là rất quan trọng. Điều này cho phép chuyển đổi các xung đột tiềm ẩn thành cơ hội đối thoại và học hỏi lẫn nhau.

vai trò của người điều phối công bằng, đảm bảo rằng mọi tiếng nói, bất kể tuổi tác, đều được lắng nghe và xem xét đúng mức, cho phép chuyển đổi xung đột tiềm ẩn thành sự hợp tác sáng tạo.

Tài liệu bổ sung cho phần lý thuyết (mở rộng kiến thức):

1. Tài liệu dự án, bao gồm:
Phần 1 – Phương pháp xây dựng và giảng dạy khóa học: Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của người dân vào phát triển đô thị.

Phần 2 – Công cụ để thu hút người dân và trao quyền cho cộng đồng

phần 3 – Hướng dẫn và khuyến nghị chính sách cho chính quyền địa phương/khu vực về: Cách làm việc với người dân.

Phụ lục – nghiên cứu điển hình

2. Các trang web về hợp tác liên thế hệ:

Các thế hệ đoàn kết

<https://www.gu.org/>

Quỹ Eisner

<https://eisnerfoundation.org/>

Các thế hệ cùng làm việc

<https://generationsworkingtogether.org/>

Nền tảng AGE Châu Âu – Đoàn kết liên thế hệ

<https://www.age-platform.eu/good-practices/intergenerational-solidarity/>

3. Bài báo khoa học:

Skibiński, A., Sipa, M., & Gorzeń-Mitka, I. (2016). Hợp tác liên thế hệ trong tổ chức - nhìn từ góc độ tuổi tác. *Procedia-Khoa học Xã hội và Hành vi*, 235, 412-419.

Lowenstein, A. (2010). Các yếu tố quyết định sự giao thoa phức tạp giữa các thế hệ: Hợp tác và xung đột. Trong *Đoàn kết Liên thế hệ: Tăng cường các mối quan hệ kinh tế và xã hội* (trang 53-80).

New York: Palgrave Macmillan US.

II. Phần hỏi đáp (15 phút)

Giảng viên tham gia thảo luận với những người tham gia để đảm bảo rằng họ hiểu nội dung được trình bày và khuyến khích họ đặt câu hỏi cũng như chia sẻ ý kiến và kinh nghiệm của riêng họ về các ví dụ về hợp tác liên thế hệ trong các hoạt động có sự tham gia.

III. Bài tập (60 phút)

Kể chuyện như một công cụ hợp tác giữa các thế hệ trong các hoạt động có sự tham gia.

Giới thiệu bài tập (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên , 15 phút)

Kể chuyện là một phương pháp giao tiếp liên quan đến việc trình bày thông tin, ý tưởng hoặc giá trị dưới dạng tường thuật hấp dẫn, thay vì chỉ là những sự kiện và con số khô khan. Những câu chuyện có tác động trực tiếp đến cảm xúc của chúng ta, xây dựng mối liên kết và giúp mọi thứ dễ nhớ hơn. Một câu chuyện hay có thể truyền tải ý tưởng trực tiếp đến trái tim và khối óc của người nghe, vượt qua những rào cản của chủ nghĩa hoài nghi phân tích.

Kể chuyện trong các quy trình tham gia biến những cuộc họp chính thức thành cuộc đối thoại chân thực. Nó khiến người tham gia không còn là những đại diện vô danh của nhóm tuổi mình nữa mà trở thành những con người có tên, có cảm xúc và có câu chuyện, đó chính là nền tảng bền vững nhất để xây dựng một cộng đồng và một không gian nơi mọi người đều cảm thấy như ở nhà.

Cốt lõi của một câu chuyện hiệu quả là một số yếu tố then chốt giúp câu chuyện trở nên hấp dẫn và dễ hiểu hơn đối với khán giả. Những yếu tố này được trình bày dưới đây:

Nhân vật chính – mỗi câu chuyện hay đều có một nhân vật chính mà khán giả có thể đồng cảm. Nhân vật chính có mục tiêu, ước mơ và đối mặt với thử thách. Trong bối cảnh xã hội, nhân vật chính có thể là một cư dân, một nhóm cụ thể hoặc thậm chí là toàn bộ cộng đồng.

Xung đột và trở ngại – những yếu tố này là động lực thúc đẩy câu chuyện. Xung đột là một vấn đề mà nhân vật chính phải vật lộn – có thể là rào cản kiến trúc, sự hiểu lầm, thủ tục hành chính hoặc lịch sử bị lãng quên của một địa điểm. Chính cuộc đấu tranh chống lại trở ngại này mới thu hút sự chú ý của khán giả.

Cấu trúc – một câu chuyện có trình tự logic: mở đầu (giới thiệu nhân vật chính và thế giới của họ), phát triển (xung đột xuất hiện và những nỗ lực giải quyết xung đột) và kết thúc (giải quyết xung đột và thông điệp mà nó truyền tải). Cấu trúc này mang lại ý nghĩa cho câu chuyện và sắp xếp cảm xúc. Thông điệp và cảm xúc – đây là yếu tố then chốt của câu chuyện, giúp truyền tải thông tin đến người đọc và khơi gợi những cảm xúc như vui, buồn, giận dữ hay hy vọng. Những cảm xúc này biến câu chuyện thành trải nghiệm cá nhân của người đọc, và thông điệp ẩn chứa trong đó trở thành chân lý của riêng họ.

Kể chuyện là một công cụ hiệu quả cho sự hợp tác liên thế hệ trong các hoạt động mang tính tham gia, đặc biệt là những hoạt động liên quan đến việc định hình không gian công cộng, nơi các thế hệ khác nhau với những trải nghiệm, nhu cầu và phong cách giao tiếp khác nhau gặp gỡ. Các cuộc tranh luận chính thức và thuật ngữ chuyên ngành thường làm sâu sắc thêm những chia rẽ này. Kể chuyện trở thành cầu nối cho phép đối thoại được xây dựng ở cấp độ nhân văn sâu sắc hơn. Thay vì tranh cãi về số lượng ghế dài hay loại vỉa hè, những người tham gia bắt đầu chia sẻ ý nghĩa của những yếu tố này đối với họ.

Kể chuyện có thể được sử dụng theo nhiều cách trong các hoạt động có sự tham gia của nhiều thế hệ, chẳng hạn như:

1. Hội thảo lập bản đồ trí nhớ – một phương pháp tuyệt vời để bắt đầu thảo luận về một không gian cụ thể (ví dụ: công viên hoặc quảng trường). Trên một bản đồ hoặc sơ đồ khu vực lớn, đại diện của các thế hệ khác nhau sẽ đánh dấu các địa điểm và kể những câu chuyện cá nhân liên quan đến chúng.

Bằng cách tham gia các buổi hội thảo, người tham gia bắt đầu nhìn nhận không gian không phải là một tập hợp các vật thể, mà là một tấm vải sống động chứa đựng những trải nghiệm của nhiều thế hệ. Câu chuyện cá nhân của một người cao tuổi mang đến cho một địa điểm giá trị lịch sử và tình cảm, trong khi câu chuyện của một thiếu niên lại cho thấy tiềm năng đương đại của địa điểm đó. Điều này xây dựng sự tôn trọng lẫn nhau đối với những cách sử dụng khác nhau cùng một không gian.

2. Thư viện sống về trải nghiệm địa phương - một phương pháp giúp người dân lớn tuổi trở thành những cuốn sách sống và người trẻ có thể mượn chúng để trò chuyện trong vài phút. Chủ đề là những câu chuyện liên quan đến cuộc sống ở một khu phố nhất định.

Tham gia vào hoạt động này tạo ra một không gian an toàn cho đối thoại trực tiếp giữa các thế hệ. Thế hệ trẻ có được kiến thức độc đáo về lịch sử và bản sắc của địa phương, trong khi thế hệ lớn tuổi cảm thấy được lắng nghe và trân trọng. Đây là một công cụ mạnh mẽ để phá vỡ định kiến và xây dựng sự gắn kết.

3. Kể chuyện kỹ thuật số liên thế hệ – một kỹ thuật kết hợp kể chuyện truyền thống với công nghệ hiện đại, tận dụng tối đa kỹ năng của cả hai bên, trong đó người trẻ ghi lại câu chuyện của người lớn tuổi dưới dạng âm thanh hoặc video, có thể được bổ sung thêm hình ảnh hoặc nhạc cũ. Kết quả có thể là một loạt phim ngắn được đăng tải trên Internet hoặc trình chiếu tại một lễ hội địa phương. Những hoạt động như vậy, dựa trên sự hợp tác thực sự và hướng dẫn ngược, rất hiệu quả về mặt xã hội. Người trẻ dạy người lớn tuổi về công nghệ, và người lớn tuổi chia sẻ kinh nghiệm sống của mình với người trẻ. Việc cùng nhau tạo ra một tác phẩm hữu hình (một bộ phim, một podcast) mang lại sự hài lòng to lớn và xây dựng ý thức cộng đồng.

Làm việc theo nhóm – sử dụng kể chuyện như một công cụ hợp tác giữa các thế hệ trong các hoạt động có sự tham gia (45 phút)

Nhiệm vụ của người hướng dẫn:

1. Thảo luận với những người tham gia về khả năng sử dụng kể chuyện trong các hoạt động có sự tham gia của nhiều thế hệ (phần 2 – Công cụ để thu hút công dân và trao quyền cho cộng đồng).
2. Trình bày cho người tham gia những chi tiết cụ thể về cách kể chuyện trong thiết kế không gian công cộng có sự tham gia của khán giả ở nhiều độ tuổi khác nhau:
3. Chia người tham gia thành ít nhất 3 đội.
4. Tham vấn liên tục về các nhiệm vụ do nhóm thực hiện.

Nhiệm vụ cho người tham gia trong mỗi đội:

1. Phân chia vai trò trong các nhóm (người điều phối, người tham gia)
2. Xây dựng một ví dụ về việc sử dụng kể chuyện như một công cụ hợp tác liên thế hệ trong các hoạt động có sự tham gia theo một trong các hình thức sau: hội thảo lập bản đồ ký ức; thư viện sống về những trải nghiệm địa phương; những câu chuyện kỹ thuật số liên thế hệ.
3. Chuẩn bị trình bày các ví dụ đã xây dựng.
4. Tham gia thảo luận về các ví dụ được trình bày.

IV. Trình bày kết quả thực hiện bài tập của các đội (30 phút)

Mỗi đội trình bày câu chuyện mà họ đã chuẩn bị, giải thích bối cảnh và các thế hệ liên quan, đồng thời giải thích cách kể chuyện được sử dụng trong trường hợp này như một công cụ hợp tác giữa các thế hệ trong các hoạt động có sự tham gia.

Sau mỗi bài thuyết trình, các học viên khác và giảng viên có thể đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về kết quả làm việc của từng nhóm. Giảng viên cũng có thể đặt thêm câu hỏi để kiểm tra kiến thức đã học trong lớp.

V. Đánh giá công việc nhóm của giảng viên hướng dẫn khóa học (15 phút)

Người hướng dẫn nên đánh giá bài thuyết trình của người tham gia dựa trên các tiêu chí sau:

- sự liên quan của câu chuyện đã chuẩn bị với các vấn đề hợp tác giữa các thế hệ trong thiết kế không gian công cộng,
- sử dụng kể chuyện như một công cụ hợp tác giữa các thế hệ trong các hoạt động có sự tham gia,
- sự tham gia của từng thành viên trong nhóm.

Mỗi đội sẽ nhận được phản hồi bằng lời từ người hướng dẫn.

VI. Tóm tắt (15 phút)

Kết luận chính từ lớp học (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên)

Thiết kế không gian công cộng, chẳng hạn như công viên và quảng trường, phải tính đến sự đa dạng thế hệ. Mỗi thế hệ có những trải nghiệm và kỳ vọng riêng, dẫn đến những cách sử dụng không gian chung khác nhau và là một nguồn xung đột tiềm ẩn.

Trong khi thế hệ Baby Boomer (khoảng 1946-1964) coi trọng trật tự, an toàn và các hình thức giải trí truyền thống, mong muốn không gian xanh ngăn nắp và tiện dụng, thì Thế hệ X (khoảng 1965-1980) lại là những người thực dụng hướng đến gia đình, coi không gian sống phải được phân định rõ ràng và hữu ích hơn hết thảy. Mặt khác, Thế hệ Y (Millennials, khoảng 1981-1996) là những người tìm kiếm trải nghiệm, coi không gian sống là sân khấu cho đời sống xã hội, thường được ghi lại trực tuyến. Họ mong muốn sự linh hoạt, tính thẩm mỹ và khả năng tiếp cận công nghệ (Wi-Fi). Thế hệ Z (khoảng 1997-2012) là những người đắm chìm trong thực tế kỹ thuật số, coi không gian

sống như một nền tảng để thể hiện bản thân và hoạt động xã hội. Họ yêu cầu sự chân thực, tính bao hàm và tính bền vững (ví dụ như đồng cỏ hoang dã thay vì bãi cỏ).

Để chuyển hóa xung đột thành năng lượng sáng tạo, đối thoại dựa trên ba trụ cột là chìa khóa:

- phá vỡ định kiến: thay vì dựa vào sự đơn giản hóa, nên tạo ra các cơ hội cho các hoạt động chung (ví dụ như vườn cộng đồng) để xây dựng các mối quan hệ thực sự,
- cân bằng giữa kiến thức và kinh nghiệm - cả kỹ ức lịch sử và kinh nghiệm sống của người lớn tuổi cũng như kiến thức kỹ thuật số và quan điểm mới của người trẻ đều cần được coi trọng,
- giao tiếp hiệu quả - đối thoại đòi hỏi sự lắng nghe tích cực, đồng cảm và tránh khái quát hóa để nói theo quan điểm của riêng mình, tất cả đều hướng tới một mục tiêu chung.

Một công cụ hữu ích để xây dựng đối thoại liên thế hệ là kể chuyện - một phương pháp giao tiếp thông qua kể chuyện. Nó biến những cuộc tranh luận chính thức thành những cuộc gặp gỡ chân thực, nơi người tham gia chia sẻ những trải nghiệm cá nhân liên quan đến một địa điểm nhất định. Thay vì tranh cãi về sự thật, họ bắt đầu hiểu ý nghĩa của không gian đó đối với người khác.

Các phương pháp thực tế sử dụng nghệ thuật kể chuyện bao gồm:

- lập bản đồ trí nhớ, nơi những người tham gia đánh dấu những câu chuyện cá nhân trên bản đồ, giúp xây dựng sự tôn trọng đối với những cách sử dụng khác nhau cùng một địa điểm;
- thư viện sống, nơi người cao tuổi đóng vai trò như "những cuốn sách sống" và chia sẻ kinh nghiệm của họ, phá bỏ rào cản và xây dựng mối quan hệ;
- các câu chuyện kỹ thuật số, bao gồm việc cùng nhau sáng tạo phim hoặc podcast, kết hợp các kỹ năng công nghệ của người trẻ với kinh nghiệm của người lớn tuổi, tạo ra ý thức cộng đồng.

Đề tài:

Một thành phố có thể tiếp cận được với người sử dụng không gian công cộng có nhu cầu đặc biệt

Mục tiêu chung của khóa học:

Giới thiệu cho người tham gia về khái niệm khả năng tiếp cận và các nguyên tắc cơ bản của thiết kế phổ quát và toàn diện cần được áp dụng trong việc định hình không gian công cộng ở các thành phố có sự tham gia của người sử dụng những không gian này, cũng như phát triển các kỹ năng tạo bản đồ đồng cảm cho các cá nhân, tức là những người có nhu cầu đặc biệt sẽ sử dụng những không gian này.

Phạm vi của khóa học:

1. Giới thiệu về chủ đề khả năng tiếp cận trong không gian đô thị dành cho người có nhu cầu đặc biệt.
2. Nguyên tắc chính của thiết kế phổ quát.
3. Thiết kế bao gồm như một cách để thu hút cộng đồng địa phương vào việc tạo điều kiện cho những người có nhu cầu đặc biệt sử dụng không gian công cộng.
4. Nguyên tắc xây dựng bản đồ đồng cảm với người có nhu cầu đặc biệt trong quá trình thiết kế không gian công cộng chung.

Tổng thời lượng khóa học :

180 phút, bao gồm: phần lý thuyết - 60 phút và phần thực hành - 120 phút

Kết quả học tập đạt được trong suốt khóa học:

Các lĩnh vực học tập	Kết quả học tập	Phương pháp xác minh kết quả học tập
Kiến thức	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh viên có kiến thức cơ bản về sự đa dạng của người sử dụng không gian công cộng và hiểu được các vấn đề liên quan đến khả năng tiếp cận không gian này đối với những người có nhu cầu đặc biệt. 2. Sinh viên hiểu được các nguyên tắc chính của thiết kế phổ quát và toàn diện, đặc biệt là trong bối cảnh cộng đồng địa phương tham gia vào quá trình này. 3. Học sinh biết các nguyên tắc cơ bản về việc tạo ra nhân vật nhằm mục đích thiết kế không gian công cộng. 	Thảo luận trong các lớp học, bao gồm sau phần lý thuyết và như một phần của phần tóm tắt
Kỹ năng và thái độ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Học sinh có thể xác định các ví dụ về giải pháp đảm bảo khả năng tiếp cận không gian công cộng cho những người có nhu cầu đặc biệt. 2. Sinh viên có khả năng giải thích mức độ áp dụng các nguyên tắc thiết kế phổ quát và toàn diện khi định hình không gian công cộng cho những người có nhu cầu đặc biệt. 3. Học sinh có thể tạo ra một ví dụ về một nhân vật giả định có nhu cầu đặc biệt về việc sử dụng không gian công cộng. 	Đánh giá các bài thuyết trình được thực hiện theo nhóm như một phần của bài tập

Kế hoạch bài học**I. Giới thiệu chủ đề (45 phút)**

Chào đón người tham gia:

Trình bày mục tiêu và kế hoạch bài học.

Giới thiệu lý thuyết cho lớp học (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên)

Không gian công cộng, chẳng hạn như công viên, quảng trường, đường phố, tiện ích công cộng, v.v., cần được thiết kế và bố trí sao cho đảm bảo khả năng tiếp cận rộng rãi nhất có thể cho nhiều đối tượng sử dụng. Bởi vì đây thực chất là không gian nơi những cá nhân với đặc điểm, khả năng và kỳ vọng cực kỳ khác biệt gặp gỡ và cùng tồn tại. Việc thấu hiểu và xem xét sự đa dạng này, bao gồm cả những người có nhu cầu đặc biệt, chính là nền tảng cho việc thiết kế các thành phố công bằng, tiện dụng và gắn kết xã hội.

Tuổi tác là một khía cạnh cơ bản của sự đa dạng. Trẻ em coi không gian như một sân chơi – chúng cần những không gian an toàn, kích thích sự phát triển và khuyến khích hoạt động. Người trẻ tìm kiếm những nơi để gặp gỡ và tham gia các hoạt động giải trí không chính thức, thường không có sự giám sát chặt chẽ của người lớn. Người trong độ tuổi lao động sử dụng không gian chủ yếu cho mục đích di chuyển và giao tiếp, nhưng cũng tìm kiếm nơi để nghỉ ngơi và tiêu dùng. Người cao tuổi, một nhóm dân số ngày càng quan trọng, cần một môi trường an toàn, thoải mái với nhiều chỗ ngồi, không có rào cản kiến trúc và tiếng ồn, và thuận lợi cho việc duy trì các mối quan hệ xã hội.

Khía cạnh quan trọng thứ hai là thể chất và giác quan. Nhóm này bao gồm những người có nhu cầu đặc biệt. Đây là một nhóm rất rộng. Nhóm này không chỉ bao gồm những người bị suy giảm khả năng vận động vĩnh viễn (sử dụng xe lăn, khung tập đi, nạng, v.v.) mà còn bao gồm cả người mù và người khiếm thị, những người mà các dấu hiệu xúc giác, tín hiệu thoại và độ tương phản màu sắc rất quan trọng. Nhóm này cũng bao gồm những người khiếm thính và khó nghe cần thông tin trực quan rõ ràng và các vòng lặp cảm ứng. Nhu cầu đặc biệt không phải lúc nào cũng là vĩnh viễn, vì nhóm này cũng bao gồm những người có hạn chế tạm thời: phụ nữ mang thai ở giai đoạn cuối, cha mẹ có xe đẩy trẻ em, người đang hồi phục sau chấn thương hoặc phẫu thuật, và thậm chí cả khách du lịch mang hành lý nặng. Mỗi người trong số những người này đều gặp phải những rào cản tương tự - lề đường cao, cầu thang, thiếu thang máy hoặc lối đi hẹp.

Sự đa dạng cũng bao gồm phổ năng lực nhận thức và tinh thần. Người khuyết tật trí tuệ hoặc người tự kỷ có thể cảm thấy choáng ngợp trước không gian công cộng do quá tải giác quan - tiếng ồn, ánh sáng chói và các kích thích khó lường. Đối với họ, điều quan trọng là tạo ra các khu vực yên tĩnh, sử dụng định hướng rõ ràng, trực quan và các giải pháp không gian có thể dự đoán được, được tổ chức hợp lý.

Sự đa dạng cũng có thể xuất phát từ các điều kiện văn hóa xã hội và có thể ảnh hưởng đến, ví dụ, khách du lịch không biết ngôn ngữ, những người coi biểu tượng phổ quát là biểu chỉ đường duy nhất hoặc những người di cư có mô hình văn hóa khác nhau về cách sử dụng thời gian rảnh rỗi.

Việc hiểu được sự đa dạng về nhu cầu và quan điểm của người sử dụng không gian công cộng là điều cần thiết để có thể tính đến trong quá trình thiết kế.

Không gian công cộng an toàn và thoải mái cho người ngồi xe lăn, cha mẹ có con nhỏ, người cao tuổi hoặc người nước ngoài sẽ trở nên tốt hơn cho tất cả mọi người. Đầu tư vào vỉa hè rộng rãi, lề đường thoải mái, biển báo rõ ràng và khu vực nghỉ ngơi không phải là hoạt động dành riêng cho nhóm thiểu số, mà là một cách tiếp cận phổ quát để cải thiện chất lượng cuộc sống trong thành phố cho tất cả người sử dụng không gian công cộng.

Không gian công cộng là trụ cột của cơ sở hạ tầng đô thị, phục vụ nhiều chức năng xã hội, văn hóa và giải trí. Nó là không gian cho đời sống cộng đồng, sự hòa nhập và giao lưu. Một trong những thách thức hiện nay của quy hoạch không gian là thiết kế không gian công cộng sao cho đáp ứng

được nhu cầu của tất cả người sử dụng. Điều này là do tính chất cởi mở thường được tuyên bố của không gian công cộng đối với tất cả mọi người đang bị phá vỡ bởi những rào cản thực tế, hạn chế việc sử dụng chúng của một hoặc nhiều nhóm xã hội.

Với sự đa dạng của không gian công cộng được mô tả ở trên, việc hiểu về khả năng tiếp cận của nó không chỉ đơn thuần là xóa bỏ rào cản vật lý đối với người khuyết tật. Khả năng tiếp cận cần được định nghĩa là điều kiện tiên quyết cho sự tham gia đầy đủ và bình đẳng của mọi công dân vào đời sống xã hội. Điều này có nghĩa là thiết kế và triển khai một môi trường không có rào cản về kiến trúc, thông tin, truyền thông và kỹ thuật số, cho phép sử dụng các nguồn lực công một cách độc lập, an toàn và thoải mái.

Để đạt được khả năng tiếp cận toàn diện, cần áp dụng thiết kế phổ quát để tạo ra các sản phẩm, môi trường, chương trình và dịch vụ sao cho tất cả mọi người đều có thể sử dụng ở mức độ tối đa mà không cần điều chỉnh hay thiết kế chuyên biệt. Khái niệm này dựa trên bảy nguyên tắc cơ bản định hướng cho quá trình thiết kế, được thảo luận dưới đây:

Bình đẳng trong sử dụng – thiết kế phải hữu ích như nhau cho những người có khả năng khác nhau, ví dụ, nếu có thể, lối vào chính của tòa nhà nên được thiết kế không có bậc thang, theo tiêu chuẩn cho tất cả mọi người, thay vì thiết kế ram riêng cho người dùng xe lăn.

Tính linh hoạt – thiết kế phải tính đến nhiều sở thích khác nhau của người dùng, ví dụ ở không gian đô thị, có thể sử dụng đồ nội thất có nhiều lựa chọn khác nhau, chẳng hạn như ghế dài có tựa lưng và tay vịn.

Tính đơn giản và trực quan – thiết kế phải giúp người dùng dễ dàng hiểu cách sử dụng không gian, bất kể kinh nghiệm, kiến thức hay kỹ năng ngôn ngữ của họ, do đó, cần thiết kế một hệ thống thông tin trực quan nhất quán và hợp lý dựa trên các biểu tượng chung.

Thông tin rõ ràng – đây là chìa khóa trong thiết kế phổ quát để truyền đạt chính xác thông tin cần thiết đến tất cả người dùng không gian, bất kể điều kiện môi trường và khả năng cảm nhận của người nhận. Ví dụ bao gồm thông điệp bằng giọng nói và hình ảnh trên phương tiện giao thông công cộng và các bản vẽ chữ tượng hình xúc giác.

Khả năng chịu lỗi – cần được lưu ý, vì thiết kế phổ quát cần giảm thiểu rủi ro và hậu quả tiêu cực của các hành động vô tình hoặc không chủ ý. Một ví dụ về việc áp dụng nguyên tắc này trong thực tế là việc sử dụng bề mặt phẳng, chống trượt ở các không gian công cộng.

Giảm thiểu nỗ lực thể chất – thiết kế phổ quát phải cho phép sử dụng không gian công cộng hiệu quả và thoải mái với ít mệt mỏi nhất. Ví dụ về việc áp dụng điều kiện này bao gồm cửa tự động, thang máy và đường dốc có hình dạng phù hợp, vốn là những giải pháp tiêu chuẩn.

Kích thước và không gian đảm bảo khả năng tiếp cận – theo nguyên tắc thiết kế phổ quát, cần đảm bảo kích thước và bố trí không gian phù hợp cho việc tiếp cận, với tới và sử dụng, bất kể kích thước cơ thể hay khả năng di chuyển của người dùng. Một ví dụ về phương pháp này là lối đi và cổng rộng rãi tại các khu vực kiểm soát ra vào.

Nguyên tắc thiết kế phổ quát là một phần của khái niệm rộng hơn về thiết kế bao hàm, coi sự đa dạng trong nhu cầu của con người là giá trị nền tảng và điểm khởi đầu cho các hoạt động thiết kế. Nguyên tắc chỉ đạo của nó là thiết kế hướng đến người dùng tương lai, không chỉ vì họ mà còn không có sự tham gia của họ.

Việc thu hút người dùng tham gia ngay từ giai đoạn đầu của quá trình thiết kế không chỉ quan trọng trong việc xác định các vấn đề tiềm ẩn và tối ưu hóa các giải pháp, mà còn góp phần xây dựng vốn

xã hội và củng cố ý thức đồng sở hữu và trách nhiệm đối với không gian chung. Để làm được điều này, cần áp dụng nhiều cơ chế tham gia xã hội tiên tiến, vượt ra ngoài khuôn khổ tham vấn cộng đồng chính thức, trong quá trình thiết kế không gian công cộng. Mục tiêu là thiết lập đối thoại và hợp tác bình đẳng giữa các bên liên quan: nhà thiết kế, đại diện chính quyền công và cộng đồng địa phương. Thiết kế bao trùm nên được thực hiện bằng các phương pháp tham gia tích cực, bao gồm hội thảo Charrette, các chuyến đi nghiên cứu, tạo mẫu và xây dựng hình ảnh cá nhân.

Tài liệu bổ sung cho phần lý thuyết (mở rộng kiến thức):

1. Tài liệu dự án, bao gồm:

Phần 1 – Phương pháp xây dựng và giảng dạy khóa học: Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của người dân vào phát triển đô thị.

Phần 2 – Công cụ để thu hút người dân và trao quyền cho cộng đồng

Phần 3 – Hướng dẫn và khuyến nghị chính sách cho chính quyền địa phương/khu vực về: Cách làm việc với người dân.

Phụ lục – nghiên cứu điển hình

2. Các trang web về thiết kế phổ quát và thiết kế bao gồm:

Trung tâm Xuất sắc về Thiết kế Toàn cầu (CEUD)

<https://universaldesign.ie/>

Viện Thiết kế lấy con người làm trung tâm (IHCD)

<https://humancentereddesign.org/>

Trung tâm nghiên cứu thiết kế toàn diện (IDRC)

<https://idrc.ocadu.ca/>

Thiết kế Microsoft | Thiết kế toàn diện

<https://inclusive.microsoft.design/>

DÀN DIỄN VIÊN

<https://www.cast.org/>

3. Bài báo khoa học:

Zhang, L., Carter Jr, RA, Greene, JA, & Bernacki, ML (2024). Giải quyết những thách thức trong việc triển khai thiết kế học tập phổ quát: Tổng quan tài liệu có hệ thống. Tạp chí Tâm lý Giáo dục, 36(1), 35.

Patrick, VM, & Hollenbeck, CR (2021). Thiết kế cho tất cả: Phản ứng của người tiêu dùng đối với thiết kế bao hàm. Tạp chí Tâm lý người tiêu dùng, 31(2), 360-381.

II. Phần hỏi đáp (15 phút)

Giảng viên tham gia thảo luận với những người tham gia để đảm bảo rằng họ hiểu nội dung được trình bày và khuyến khích họ đặt câu hỏi cũng như chia sẻ ý kiến và kinh nghiệm của riêng mình về các ví dụ về sự đa dạng giữa những người sử dụng không gian công cộng, thiết kế phổ quát và toàn diện, và các ví dụ về sự tham gia tích cực của công dân vào các hoạt động như vậy.

III. Bài tập (60 phút)

Các quy tắc để tạo bản đồ đồng cảm cho một nhân vật có nhu cầu đặc biệt trong thiết kế chung của không gian công cộng

Giới thiệu bài tập (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên , 15 phút)

Quy trình thiết kế phổ quát sử dụng một nhân vật hư cấu gọi là "persona". Nhân vật này đại diện cho một phân khúc cụ thể của người sử dụng không gian công cộng. Nó là một nguyên mẫu được tạo hình theo khuôn mặt con người, giúp thấu hiểu và trên hết là đồng cảm với quan điểm của những người mà một giải pháp cụ thể đang được tạo ra, ví dụ như một dự án phát triển không gian công cộng. Nhiệm vụ chính của persona trong thiết kế phổ quát là làm nổi bật những nhu cầu, rào cản, sự thất vọng và mục tiêu cụ thể xuất phát từ khả năng thể chất, giác quan và nhận thức đa dạng của con người.

Một nhân vật tốt không dựa trên giả định của nhà thiết kế, mà dựa trên dữ liệu đáng tin cậy thu thập được trong quá trình phỏng vấn người dùng, quan sát, khảo sát thực tế hoặc hợp tác với các tổ chức đại diện cho người có nhu cầu đặc biệt. Điều này giúp tránh việc duy trì những định kiến có hại (ví dụ: tất cả người cao tuổi đều yếu ớt và không sử dụng công nghệ).

Mỗi persona nên đại diện cho một phổ nhu cầu, vì nó bao hàm tất cả người dùng. Do đó, trên thực tế, nhiều persona khác nhau thường được tạo ra, cùng nhau phản ánh một phổ rộng các trải nghiệm của con người. Ví dụ, chúng có thể là:

- một phụ huynh trẻ có xe đẩy trẻ em phải đối mặt với tình trạng thiếu thang máy và dốc;
- một người mắc chứng tự kỷ cảm thấy tiếng ồn và sự hỗn loạn về hình ảnh ở nơi công cộng là quá sức chịu đựng;
- người cao tuổi có khả năng vận động hạn chế, thị lực kém, cần nơi nghỉ ngơi và tiếp nhận thông tin;
- một khách du lịch không nói được ngôn ngữ và chỉ dựa vào các ký hiệu tượng hình phổ biến;
- một người ngồi xe lăn, đối với họ, chiều rộng của lối đi và việc không có ngưỡng cửa là rất quan trọng.

Mỗi nhân vật tập trung vào một bối cảnh sử dụng cụ thể, và mô tả của nhân vật luôn bao gồm một kịch bản cho một nhiệm vụ cụ thể mà nhân vật đang cố gắng thực hiện trong không gian được thiết kế, ví dụ như cách John, một sinh viên khiếm thị, đi từ trạm xe buýt đến cổng trường đại học; cách Anna, một bà mẹ hai con nhỏ, mua sắm tại chợ địa phương. Việc phân tích những kịch bản như vậy cho thấy những thách thức và rào cản thực sự.

Cần nhớ rằng việc đặt tên, ảnh, tạo tiêu sử ngắn gọn và mô tả mục tiêu cũng như nỗi thất vọng của một nhân vật sẽ khiến họ không còn là một người dùng ẩn danh trên không gian công cộng nữa, mà là một người mà nhóm muốn giải quyết những vấn đề trong cuộc sống thực. Đây là một công cụ mạnh mẽ giúp đưa các cuộc thảo luận từ mức độ ý tưởng trừu tượng xuống những nhu cầu cụ thể của con người. Thay vì hỏi "Giải pháp này có tuân thủ tiêu chuẩn không?", nhóm bắt đầu hỏi "Giải pháp này có giúp bà Maria đến bác sĩ an toàn không?"

Để tạo ra các giải pháp thực sự toàn diện và thiết thực, bạn cần đảm nhận vai trò biểu tượng của người dùng cuối. Sơ đồ đồng cảm có thể giúp ích cho việc này. Đây là một công cụ trực quan, mang tính cộng tác, cho phép nhóm thiết kế tổng hợp và hiểu sâu hơn về trải nghiệm, động lực và nỗi thất vọng của một cá nhân cụ thể. Trong bối cảnh thiết kế cho người có nhu cầu đặc biệt, sơ đồ đồng cảm trở thành cầu nối giữa kiến thức kỹ thuật của nhà thiết kế và trải nghiệm sống động, chân thực thường bị bỏ qua. Mục tiêu của nó là thoát khỏi những khuôn mẫu và tập trung vào các vấn đề thực tế, dẫn đến các quyết định thiết kế có ý thức và chính xác hơn.

Nền tảng của bản đồ đồng cảm là nhân vật mà bản đồ hình dung những trải nghiệm khi sử dụng không gian công cộng theo một cách cụ thể. Bản đồ được tạo ra bằng cách điền vào sáu phân đoạn chính, trả lời các câu hỏi cơ bản.

NHÂN VẬT NGHĨ GÌ? Phần này đề cập đến những suy nghĩ và niềm tin thầm lặng của nhân vật mà họ không thể hiện thành lời. Đó là những tính toán, nỗi sợ hãi và hy vọng nội tâm của họ.
 Những câu hỏi hỗ trợ: Điều gì thực sự quan trọng với họ? Họ mơ ước điều gì? Họ sợ điều gì?

NHÂN VẬT CẢM THẤY GÌ? Khu vực này tập trung vào trạng thái cảm xúc của nhân vật. Cảm xúc là động lực thúc đẩy hành vi của họ.

Những câu hỏi hỗ trợ: Điều gì khiến cô ấy thất vọng hoặc tức giận? Điều gì khiến cô ấy vui vẻ? Điều gì khiến cô ấy lo lắng?

NHÂN VẬT NÓI GÌ? Trích dẫn hoặc diễn giải lại những gì nhân vật có thể nói trong một tình huống nhất định.

Câu hỏi hỗ trợ: Cô ấy nói gì với người khác? Cô ấy hỏi về điều gì? Cô ấy phàn nàn về điều gì?

NHÂN VẬT LÀM GÌ? Mô tả các hành động cụ thể và hành vi quan sát được của nhân vật.

Câu hỏi hỗ trợ: Cô ấy di chuyển như thế nào? Cô ấy phản ứng thế nào với chương ngại vật? Thói quen của cô ấy là gì?

ĐIỀU GÌ GÂY KHÓ KHĂN CHO PERSONA? Mô tả những khó khăn, rào cản và rủi ro lớn nhất mà PERSONA phải đối mặt.

Câu hỏi hỗ trợ: Cô ấy gặp phải những trở ngại nào? Thách thức lớn nhất đối với cô ấy là gì? Cô ấy sợ điều gì?

NHÂN VẬT MUỐN GÌ? Mô tả nhu cầu, mong muốn và mức độ thành công của nhân vật liên quan đến việc sử dụng một không gian công cộng nhất định.

Những câu hỏi hỗ trợ: Thành công có ý nghĩa gì với họ? Những giải pháp nào sẽ giúp cuộc sống của họ dễ dàng hơn? Họ cần gì để đạt được mục tiêu của mình?

Việc tạo bản đồ đồng cảm cho nhân vật cho phép bạn xác định những điểm cụ thể trong không gian cần can thiệp. Thay vì "thiết kế cho người cao tuổi" trừu tượng, bạn có thể tập trung vào việc giải quyết các vấn đề thực tế, ví dụ như thiết kế "điểm dừng chân" có ghế dài, cung cấp lối đi dành cho người đi bộ không có rào chắn, triển khai hệ thống thông tin âm thanh tại các trạm xe buýt. Công cụ này biến sự đồng cảm từ lòng trắc ẩn thụ động thành một quá trình chủ động, sáng tạo để tạo ra một không gian tốt đẹp hơn, nhân văn hơn cho tất cả mọi người.

Làm việc nhóm – xây dựng hình ảnh đại diện cho một không gian công cộng nổi tiếng và phát triển bản đồ đồng cảm cho hình ảnh đó (45 phút)

Nhiệm vụ của người hướng dẫn:

1. Thảo luận với những người tham gia về việc tạo ra các nhân vật như một hoạt động thiết kế phổ quát, sử dụng tài liệu có sẵn trong tài liệu dự án (phần 2 – Công cụ để thu hút công dân và trao quyền cho cộng đồng).
2. Trình bày không gian công cộng mà các nhân vật sẽ được tạo ra cho những người tham gia:
 - mô tả không gian công cộng mà nhân vật sẽ được tạo ra (tốt nhất là một không gian cụ thể mà nhóm biết đến),
 - cùng với nhóm xác định các loại nhân vật có thể được tạo ra cho một không gian công cộng nhất định;
 - lựa chọn nhân vật sẽ là chủ đề của bài tập (ít nhất 2)
3. Chia người tham gia thành ít nhất 2 đội.
4. Tham vấn liên tục về các nhiệm vụ do nhóm thực hiện.

Nhiệm vụ cho người tham gia trong mỗi đội:

1. Phân chia vai trò trong các nhóm (thư ký nhóm, người tham gia)
2. Mô tả tính cách và tạo bản đồ đồng cảm cho tính cách
3. Chuẩn bị trình bày kết quả bài tập

4. Tham gia thảo luận về các nhân vật được tạo ra và tính đa dạng trong việc sử dụng không gian công cộng của họ, dựa trên bản đồ đồng cảm, thảo luận về cách thiết kế bao trùm có thể được áp dụng cho các nhân vật này.

IV. Trình bày kết quả thực hiện bài tập của các đội (30 phút)

Mỗi đội trình bày và mô tả nhân vật mình đã tạo ra, đồng thời trình bày sơ đồ đồng cảm cho nhân vật đó. Sau phần trình bày, những người tham gia khác và giảng viên có thể đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về sự khác biệt giữa các nhân vật và liên hệ chúng với các nguyên tắc của thiết kế phổ quát. Giảng viên sẽ hỏi thêm những câu hỏi để kiểm tra kiến thức đã học được trong lớp.

V. Đánh giá công việc nhóm của giảng viên (15 phút)

Người hướng dẫn nên đánh giá bài thuyết trình của người tham gia dựa trên các tiêu chí sau:

- độ chính xác của các đặc điểm của nhân vật được tạo ra,
- độ chính xác của bản đồ đồng cảm liên quan đến các nhân vật được tạo ra,
- sự tham gia của từng thành viên trong nhóm.

Mỗi đội sẽ nhận được phản hồi bằng lời từ người hướng dẫn.

VI. Tóm tắt (15 phút)

Kết luận chính từ lớp học (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên)

Việc thiết kế các không gian công cộng, chẳng hạn như công viên, quảng trường và đường phố, đòi hỏi sự hiểu biết và cân nhắc cơ bản về sự đa dạng của người sử dụng. Chính tại không gian công cộng, những người có đặc điểm, khả năng và kỳ vọng khác nhau gặp gỡ nhau, và việc tạo ra các thành phố chức năng và bền vững phụ thuộc vào việc đáp ứng những nhu cầu đa dạng này.

Sự đa dạng của người dùng thể hiện ở nhiều khía cạnh. Độ tuổi quyết định những nhận thức và cách sử dụng không gian khác nhau, thường cần phải đáp ứng, ví dụ, sân chơi cho trẻ em, nơi gặp gỡ cho thanh thiếu niên, cũng như các khu vực an toàn, thoải mái và không có rào cản cho người cao tuổi. Những người có nhu cầu đặc biệt, chẳng hạn như người khuyết tật vận động vĩnh viễn, khiếm thị hoặc khiếm thính, cũng như những người bị hạn chế về thời gian, chẳng hạn như cha mẹ có xe đẩy trẻ em hoặc khách du lịch có hành lý, cũng nên có cơ hội bình đẳng để sử dụng không gian này. Các rào cản như cầu thang hoặc lề đường cao ảnh hưởng đến họ như nhau. Sự đa dạng về nhận thức của người sử dụng không gian công cộng cũng nên được xem xét bằng cách tạo ra các khu vực yên tĩnh cho họ và định hướng trực quan cho những người có thể cảm thấy không gian quá tải đối với các giác quan của họ.

Để đáp ứng những thách thức này, cần phải từ bỏ tư duy tiếp cận chỉ đơn thuần là việc xóa bỏ các rào cản vật lý. Tiếp cận là điều kiện tiên quyết cho sự tham gia bình đẳng vào đời sống xã hội, điều này đạt được thông qua thiết kế phổ quát. Mục tiêu của thiết kế này là tạo ra các giải pháp cho tất cả mọi người, mà không cần phải điều chỉnh sau đó. Thiết kế này dựa trên bảy nguyên tắc:

- *Bình đẳng trong sử dụng (ví dụ lối vào không có ngưỡng thay vì lối vào dốc).*
- *Tính linh hoạt (ví dụ như ghế dài có tựa lưng).*
- *Sự đơn giản và trực quan (ví dụ như biểu tượng phổ quát).*
- *Thông tin rõ ràng (ví dụ: tin nhắn thoại).*
- *Khả năng chịu lỗi (ví dụ bề mặt chống trượt).*
- *Giảm thiểu nỗ lực (ví dụ thang máy, cửa tự động).*
- *Kích thước và không gian phù hợp.*

Những nguyên tắc này được thực hiện thông qua thiết kế bao hàm, bao gồm sự tham gia tích cực của người dùng tương lai vào quá trình sáng tạo. Các phương pháp tham gia xã hội tiên tiến (ví dụ như hội thảo Charrette, đi bộ nghiên cứu) được sử dụng để chuyển từ tham vấn chính thức sang quan hệ đối tác thực sự.

Một công cụ then chốt trong quá trình này là chân dung người dùng, một nguyên mẫu hư cấu của người dùng (ví dụ: một người cao tuổi gặp khó khăn trong việc di chuyển, một phụ huynh có xe đẩy trẻ em). Thông thường, một số chân dung người dùng khác nhau được tạo ra cho một không gian nhất định để đáp ứng nhiều nhu cầu khác nhau và tránh định kiến. Mỗi chân dung được phân tích trong một bối cảnh cụ thể (ví dụ: "làm thế nào để một sinh viên khiếm thị đến được trường đại học?"), giúp xác định những rào cản thực sự.

Bản đồ đồng cảm được sử dụng để hiểu sâu hơn về một nhân vật. Công cụ này trực quan hóa trải nghiệm của họ bằng cách phân tích sáu lĩnh vực: suy nghĩ, cảm nhận, lời nói, hành động của nhân vật, những khó khăn họ gặp phải và mục tiêu của họ. Phân tích như vậy cho phép chúng ta chuyển từ các yêu cầu trừu tượng sang giải quyết các vấn đề cụ thể của con người.

Đầu tư vào các giải pháp chung không phải là hoạt động dành riêng cho một nhóm thiểu số, mà là chiến lược cải thiện chất lượng cuộc sống trong thành phố cho tất cả mọi người, giúp không gian chung an toàn hơn, thoải mái hơn và thực sự hòa nhập.

Đề tài:

Tái thiết – tái thiết các khu vực đô thị bị xuống cấp và bỏ hoang thông qua phương pháp tiếp cận có sự tham gia

Mục tiêu chung của khóa học:

Trình bày cho người tham gia về vai trò và ý nghĩa của quá trình phục hồi trong việc tái tạo các khu vực bị xuống cấp, ngoại vi, bị khủng hoảng và bị bỏ hoang, phát triển các kỹ năng và thái độ liên quan đến việc sử dụng nguyên mẫu cho các dự án phục hồi liên quan đến không gian cụ thể và dành cho người dùng cụ thể, đồng thời đào sâu kiến thức về sự tham gia của xã hội vào quá trình phục hồi.

Nội dung khóa học:

1. Giới thiệu về chủ đề khu vực bị suy thoái.
2. Tầm quan trọng của quá trình phục hồi trong sự phát triển của cộng đồng đô thị.
3. Tạo mẫu các dự án cải tạo liên quan đến không gian và người dùng
4. Nâng cao hiểu biết về sự tham gia của xã hội vào quá trình phục hồi

Tổng thời lượng khóa học :

180 phút, bao gồm: phần lý thuyết - 60 phút và phần thực hành - 120 phút

Kết quả học tập đạt được trong suốt khóa học:

Các lĩnh vực học tập	Kết quả học tập	Phương pháp xác minh kết quả học tập
Kiến thức	1. Sinh viên có kiến thức cơ bản về các khu vực bị suy thoái và quá trình phục hồi.	Thảo luận trong các lớp học, bao gồm sau phần lý thuyết và như một phần của phần tóm tắt
	2. Sinh viên hiểu được tầm quan trọng của sự tham gia của cộng đồng trong việc chuẩn bị và thực hiện các dự án phục hồi	
	3. Học sinh/sinh viên biết các nguyên tắc của việc tạo mẫu như một phương pháp tham gia xã hội	
Kỹ năng và thái độ	1. Học sinh có thể xác định các ví dụ về các vấn đề mà một khu vực bị suy thoái có thể phải đối mặt	Đánh giá các bài thuyết trình được thực hiện theo nhóm như một phần của bài tập
	2. Học sinh có thể xác định được lợi ích của sự tham gia của công dân trong quá trình phục hồi	
	3. Sinh viên có khả năng phát triển một nguyên mẫu đơn giản, ví dụ như kiến trúc nhỏ liên quan đến quá trình phục hồi của một khu vực nhất định	

Kế hoạch bài học**I. Giới thiệu chủ đề (45 phút)**

Chào đón người tham gia:

Trình bày mục tiêu và kế hoạch bài học.

Giới thiệu lý thuyết cho lớp học (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên)

Tái thiết là quá trình tái tạo không gian công cộng đa chiều nhằm ứng phó với sự suy thoái kinh tế, xã hội, không gian và môi trường đang diễn ra và các hiện tượng khủng hoảng do nó gây ra. Những

khu vực tập trung nhiều vấn đề nhất được gọi là khu vực suy thoái. Khu vực suy thoái là nơi đang trong khủng hoảng, mất đi tiềm năng và năng lượng trước đây, không chỉ về các tòa nhà đổ nát hoặc đường xá đầy ổ gà, mà còn về các vấn đề ảnh hưởng đến cư dân, chẳng hạn như thất nghiệp, nghèo đói và tội phạm. Cư dân thường cảm thấy bị cô lập và mất đi triển vọng, đồng thời phải đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn khác nhau, chẳng hạn như đóng cửa doanh nghiệp và mất việc làm, thiếu không gian công cộng để giải trí hoặc hòa nhập, và bị loại trừ khỏi giao thông. Khu vực suy thoái thường là khu vực xấu xí và kém chức năng, nơi các tòa nhà, bao gồm cả nhà ở, ở trong tình trạng tồi tệ và các tiện ích (nước, sưởi ấm) cần được sửa chữa ngay lập tức. Đây cũng thường là khu vực bị ô nhiễm, ví dụ do hoạt động công nghiệp trước đây, thiếu cây xanh.

Mặt khác, những khu vực xuống cấp không chỉ là "khu ổ chuột" mà thường còn là những nơi có tiềm năng to lớn chưa được khai thác – những nhà máy lịch sử, những khu chung cư cũ kỹ hay những khoảng xanh bị bỏ quên. Quá trình đổi mới, được gọi là tái sinh, là cơ hội để tạo ra những không gian sống, làm việc và giải trí tuyệt vời. Hiểu được sự xuống cấp là bước đầu tiên để chủ động tham gia vào việc thay đổi môi trường sống theo hướng tốt đẹp hơn.

Việc tái thiết nhằm mục đích đưa khu vực này thoát khỏi khủng hoảng. Các hoạt động tập trung chủ yếu vào con người và giải quyết các vấn đề xã hội như thất nghiệp và thiếu an ninh. Đồng thời, không gian cũng được đổi mới: các tòa nhà được cải tạo, công viên và sân chơi được xây dựng, và các nhà máy bỏ hoang được bổ sung chức năng mới (ví dụ như gác xép, trung tâm văn hóa).

Chìa khóa thành công nằm ở sự hợp tác giữa cư dân, chính quyền địa phương và các nhà đầu tư. Nhờ đó, nhờ sự tái thiết, những nơi từng bị bỏ quên và nguy hiểm nay đã trở thành những khu vực hấp dẫn và sôi động của thành phố, nơi mọi người muốn sinh sống, làm việc và tận hưởng thời gian rảnh rỗi. Vấn đề ở đây là khôi phục cuộc sống, chứ không chỉ là cải tạo những bức tường.

Về lâu dài, việc phục hồi cũng sẽ góp phần cải thiện các điều kiện phát triển kinh tế (ví dụ như việc làm mới), khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng công cộng (ví dụ như mạng lưới giao thông công cộng, đường sá và bãi đậu xe) và cải thiện môi trường (ví dụ như chống lại cái gọi là phát thải thấp và bãi rác thải bất hợp pháp).

Sự hồi sinh của các thành phố và sự chuyển dịch khỏi các dự án chỉ tập trung vào đầu tư ủng hộ các hoạt động chung với và cho cư dân chỉ là một số các khía cạnh của một cách tiếp cận toàn diện để phục hồi. Cường độ và bản chất của các vấn đề đòi hỏi

Sự can thiệp có thể khác nhau tùy theo từng thành phố, cũng như sự tích tụ của nhiều loại yếu tố gây ra khủng hoảng, có thể có nguồn gốc khác nhau và tạo ra những tác động khác nhau.

Trong quá trình phục hồi, hãy đối thoại cởi mở

Việc hợp tác với cộng đồng địa phương và tất cả các bên liên quan khác, chẳng hạn như các nhà đầu tư, là đặc biệt quan trọng và cần thiết. Điều này đòi hỏi việc tạo ra một môi trường thuận lợi cho sự hợp tác tốt, cả trong việc lập kế hoạch và triển khai các dự án phục hồi. Điều quan trọng là phải xác định nhu cầu và kỳ vọng đối với những thay đổi trong quá trình phục hồi. Cũng như các vấn đề và cách giải quyết chúng, trong đó toàn bộ cộng đồng địa phương nên tham gia. Các bên liên quan chính trong quá trình phục hồi chủ yếu là:

- cư dân của khu vực bị suy thoái đang được phục hồi và những người đi lại đến khu vực này để học tập, làm việc, giải trí hoặc mua sắm,
- chủ sở hữu và người sử dụng bất động sản nằm trong khu vực phục hồi,
- các đơn vị hoạt động kinh tế, xã hội tại khu vực bị suy thoái, bao gồm doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và các nhóm không chính thức;
- các đơn vị chính quyền địa phương và các thực thể liên quan;
- các cơ quan công quyền;
- tất cả những người sử dụng khác trong một khu vực nhất định hoặc những người có tác động đến việc sử dụng khu vực đó.

Việc tái thiết được quản lý tốt đảm bảo một cách tiếp cận toàn diện và tích hợp để giải quyết các vấn đề địa phương đã xác định. Đây là một hoạt động liên tục, có tính đến các dự án ở nhiều quy mô và phạm vi khác nhau, thực hiện tầm nhìn rộng hơn về đổi mới khu vực và hỗ trợ các liên kết không gian với khu vực xung quanh.

Ngày nay, việc phục hồi không chỉ là xây dựng lại hoặc cải tạo các tòa nhà, mà chủ yếu là giải quyết các vấn đề xã hội, xóa đói giảm nghèo và bạo lực, cải thiện điều kiện nhà ở, cải thiện tính thẩm mỹ và chức năng của không gian công cộng, cũng như tăng sức hấp dẫn về kinh tế.

Một ví dụ về mục tiêu phục hồi là giúp các nhóm xã hội yếu thế tăng cường khả năng tái hòa nhập vào thị trường lao động và tham gia nhiều hơn vào các hoạt động xã hội.

Bất kể sự khác biệt trong quy định phục hồi ở các quốc gia châu Âu, chính quyền địa phương thường tham gia vào việc xác định các khu vực xuống cấp và chuẩn bị phục hồi chúng. Chính quyền địa phương thường chịu trách nhiệm thống nhất các mục tiêu phục hồi và chuẩn bị các dự án phục hồi với sự hợp tác của tất cả các bên liên quan. Trách nhiệm này bao gồm sự tham gia rộng rãi của xã hội, có thể đạt được thông qua nhiều phương pháp khác nhau, chẳng hạn như tổ chức các cuộc họp mở, các buổi đi bộ nghiên cứu, các cuộc tranh luận chuyên đề hoặc hội thảo để tạo ra các giải pháp mẫu mà người sử dụng không gian mong muốn.

Điều đặc biệt quan trọng là phải đảm bảo rằng tất cả các bên liên quan đều được đại diện trong cuộc đối thoại về tương lai của một khu vực bị suy thoái thông qua việc phục hồi khu vực đó và các phương pháp tham gia được sử dụng phải phù hợp với khả năng và nhu cầu của họ.

Mục tiêu chính của sự tham gia của cộng đồng vào quá trình tái thiết là cùng nhau ra quyết định, chứ không chỉ đơn thuần là chia sẻ thông tin. Cư dân và những người sử dụng không gian khác nên trở thành đối tác của chính quyền và các chuyên gia tham gia vào quá trình tái thiết, chứ không chỉ là những người thụ động tiếp nhận các dự án đã có sẵn. Kiến thức của họ về cuộc sống hàng ngày tại một địa điểm nhất định, ví dụ như nơi nào thiếu ghế, sân chơi nào nguy hiểm, và nơi nào có không gian xanh, là vô cùng quý giá để tạo ra một chương trình tái thiết hiệu quả.

Sự tham gia xã hội được đặc trưng bởi tính đa dạng và diễn ra ở mọi giai đoạn phục hồi.

- ở giai đoạn xác định khu vực xuống cấp cần được phục hồi, cư dân và các bên liên quan khác nên giúp xác định các vấn đề và nhu cầu thực tế, có thể thực hiện thông qua các chuyến đi nghiên cứu, khảo sát, họp công khai hoặc tạo ra "bản đồ vấn đề" và "bản đồ mơ ước" cho khu vực đó;
- Trong giai đoạn lập kế hoạch các dự án phục hồi, cộng đồng địa phương nên tham gia vào việc thiết kế các loại hình dự án khác nhau nhằm đạt được các mục tiêu phục hồi. Điều này có thể được thực hiện thông qua các hội thảo thiết kế (còn gọi là charrettes), trong đó người dân, cùng với kiến trúc sư và cán bộ, phác thảo diện mạo tương lai của đường phố, quảng trường hoặc tòa nhà. Ý kiến của họ cũng được thu thập thông qua các cuộc tham vấn cộng đồng chính thức;
- Ở giai đoạn triển khai chương trình phục hồi, cư dân và các bên liên quan khác nên tham gia vào việc thực hiện các dự án, ví dụ như phủ xanh khu vực, thành lập các nhóm dân cư cùng nhau chăm sóc không gian được phục hồi hoặc tham gia vào một ủy ban giám sát tiến độ công việc.

Chìa khóa cho sự phục hồi hiệu quả là sự cởi mở và khả năng tiếp cận các hoạt động tham gia của tất cả các bên quan tâm. Thông tin phải rõ ràng và được truyền đạt qua nhiều kênh khác nhau (trực tuyến, áp phích, tờ rơi). Các cuộc họp nên được tổ chức vào thời gian thuận tiện và tại những địa điểm dễ tiếp cận cho tất cả mọi người. Nhờ sự tham gia, quá trình phục hồi trở nên chân thực, đáp ứng nhu cầu thực tế của người dân, xây dựng niềm tin vào chính quyền và củng cố mối quan hệ láng giềng. Mục tiêu là tạo ra một nơi sống tốt đẹp hơn, chứ không chỉ đơn thuần là cải tạo cơ sở hạ tầng.

Tài liệu bổ sung cho phần lý thuyết (mở rộng kiến thức):

1. Tài liệu dự án, bao gồm:

Phần 1 – Phương pháp xây dựng và giảng dạy khóa học: Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của người dân vào phát triển đô thị.

Phần 2 – Công cụ để thu hút người dân và trao quyền cho cộng đồng

Phần 3 – Hướng dẫn và khuyến nghị chính sách cho chính quyền địa phương/khu vực về: Cách làm việc với người dân.

Phụ lục – nghiên cứu điển hình

2. Các trang web trình bày các vấn đề liên quan đến phục hồi và sự tham gia của xã hội vào quá trình phục hồi:

Dự án Không gian Công cộng (PPS)

<https://www.pps.org/>

Hiệp hội quốc tế về sự tham gia của công chúng

<https://www.ia p2.org/mpage/Home>

UN-Môi trường sống | Chương trình không gian công cộng

<https://unhabitat.org/topic/public-space>

Ngân hàng Thế giới | Phát triển Đô thị

<https://www.worldbank.org/en/topic/urbandevelopment>

3. Bài báo khoa học:

1. Onyszkiewicz, J., & Sadowski, K. (2022). Đề xuất tái thiết mặt tiền nhà tiền chế dựa trên các nguyên tắc phát triển bền vững và tham gia xã hội. Tạp chí Kỹ thuật Xây dựng, 46, 103713.

2. Dentinho, TP, Kopczevska, K., De Francesco, G., Pascariu, GC, Kourtit, K., Nijkamp, P., ... & Türk, U. (2023). Các Mục tiêu Phát triển Bền vững. Con người và Địa điểm đã chọn những gì họ không có. Trong Khả năng Phục hồi và Phát triển Khu vực (trang 169-188). Nhà xuất bản Edward Elgar.

3. Ergashev, I. (2021). Xã hội dân sự và thanh niên. Khoa học và Giáo dục, 2(2), 282-284.

4. Castelnovo, W., Misuraca, G., & Savoldelli, A. (2016). Quản trị thành phố thông minh: Nhu cầu về một phương pháp tiếp cận toàn diện để đánh giá việc hoạch định chính sách đô thị có sự tham gia. Tạp chí Khoa học Xã hội, 34(6), 724-739.

5. Crosby, N., Kelly, JM, & Schaefer, P. (2015). Hội thảo công dân: Một cách tiếp cận mới về sự tham gia của công dân. Trong Thời đại Tham gia Trực tiếp của Công dân (trang 266-278). Routledge.

6. Hurlbert, M., & Gupta, J. (2015). Thang chia tách sự tham gia: Một công cụ chẩn đoán, chiến lược và đánh giá để đánh giá thời điểm cần thiết phải tham gia. Khoa học & Chính sách Môi trường, 50, 100-113.

II. Phần hỏi đáp (15 phút)

Giảng viên tham gia thảo luận với những người tham gia để đảm bảo rằng họ hiểu nội dung được trình bày và khuyến khích họ đặt câu hỏi cũng như chia sẻ ý kiến và kinh nghiệm của riêng họ về các ví dụ về sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ vào quá trình tham gia xã hội.

III. Bài tập (60 phút)

Tạo mẫu

Giới thiệu bài tập (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên , 15 phút)

Nguyên mẫu bao gồm việc tạo ra các phiên bản sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp ban đầu, thường chưa hoàn thiện, cho phép các ý tưởng được thử nghiệm trong thực tế. Mục đích của nguyên mẫu là nhanh chóng xác minh các khái niệm, xác định vấn đề và thu thập phản hồi từ người dùng. Nguyên mẫu có thể có nhiều hình thức, từ mô hình giấy, phiên bản kỹ thuật số đến phiên bản sản phẩm đang hoạt động. Nguyên mẫu cho phép hiểu rõ hơn nhu cầu của người dùng, kiểm tra chức năng và đưa ra các cải tiến ngay từ giai đoạn đầu của thiết kế. Đây là một giai đoạn quan trọng trong quy trình thiết kế, nơi các phiên bản thử nghiệm đơn giản hóa của các giải pháp được đề xuất được tạo ra. Trong trường hợp này, mục tiêu không phải là tạo ra sản phẩm cuối cùng hoàn hảo, mà là tạo ra một mô hình nhanh chóng và tiết kiệm chi phí, được sử dụng để thảo luận thêm, hỗ trợ tư duy và thu thập ý kiến.

Nguyên mẫu cũng được sử dụng trong quá trình tái thiết. Thay vì đọc một báo cáo dài 100 trang về việc tái thiết một quảng trường, cư dân có thể sắp xếp lại các mô hình ghé dài, cây cối và đèn đường trên một mô hình. Thay vì mô tả một ứng dụng thành phố mới phức tạp, cư dân có thể được cung cấp một bản phác thảo tương tác đơn giản trên điện thoại thông minh để thử nghiệm. Bạn cũng có thể diễn lại các cảnh mô phỏng hoạt động của một điểm dịch vụ cư dân mới. Học theo cách này vừa nhanh chóng vừa tiết kiệm chi phí.

Nguyên tắc chính của việc tạo mẫu là: "Thất bại nhanh, học hỏi ít tốn kém". Tốt hơn là phát hiện ra một ý tưởng đầy hứa hẹn có sai sót ngay từ giai đoạn phác thảo trên giấy thay vì tốn nhiều nguồn lực vào việc lập trình toàn bộ ý tưởng đó.

Nguyên mẫu là một công cụ để:

- kiểm tra các giả định, ví dụ kiểm tra xem người dùng không gian công cộng có thực sự cần những gì sẽ được tạo ra hay không và liệu họ có hiểu cách sử dụng chúng hay không;
- thu thập phản hồi, ví dụ bằng cách trình diễn nguyên mẫu cho người dùng tiềm năng và đặt các câu hỏi như: "Bạn nghĩ gì về nó? Bạn sẽ thay đổi điều gì? Nó có trực quan không?";
- Hình dung ý tưởng, ví dụ: trình bày cho cư dân mô hình các giải pháp không gian cụ thể mà thành phố đã quy hoạch cho khu vực được tái thiết, từ đó cung cấp một ví dụ thực tế thay vì một ý tưởng trừu tượng. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc thảo luận trong nhóm và trao đổi với các nhà đầu tư tiềm năng.

Việc sử dụng nguyên mẫu trong quá trình phục hồi có nhiều ưu điểm:

- Nó đơn giản hóa việc giao tiếp – một nguyên mẫu trực quan, hữu hình sẽ dễ hiểu với mọi người, bất kể trình độ học vấn hay kiến thức chuyên môn của họ.
- Nó khuyến khích mọi người bày tỏ ý kiến của mình – mọi người thấy dễ dàng hơn khi chỉ trích và đề xuất thay đổi một mô hình đơn giản, "hoạt động" hơn là một dự án hoàn chỉnh, tốn kém.
- Nó liên quan đến nhiều nhóm bên liên quan khác nhau – nó trao tiếng nói cho những người không cảm thấy thoải mái trong các cuộc thảo luận chính thức, chẳng hạn như trẻ em, người cao tuổi hoặc người khuyết tật.
- tiết kiệm thời gian và tiền bạc – lỗi và thiếu sót được xác định ở giai đoạn đầu, ít tốn kém của dự án, thay vì khi kết quả được đưa vào sử dụng.

Do đó, quá trình tạo mẫu chuyển đổi sự tham gia thụ động (đọc và bình luận) thành quá trình chủ động và sáng tạo để cùng nhau sáng tạo nên thành phố.

Quá trình tạo mẫu phải được chuẩn bị kỹ lưỡng, ít nhất là ở những khía cạnh sau:

- không gian hội thảo: một không gian mở rộng rãi với các bàn làm việc nhóm, bảng lật hoặc bảng viết lớn, bút dạ (nhiều màu sắc), giấy nhớ (nhiều kích cỡ và màu sắc khác nhau), bộ

đếm thời gian cho các hoạt động, máy chiếu và màn hình để thuyết trình; nhạc nền tùy chọn trong các giai đoạn sáng tạo;

- vật liệu tạo mẫu, ví dụ như giấy A4/A3, tấm bìa cứng, kéo, keo dán, băng dính, dây kim loại sáng tạo, đất nặn hoặc đất sét nặn (tùy chọn, cho các khái niệm 3D), gạch LEGO, vật liệu tái chế (ví dụ như hộp rỗng, cuộn giấy vệ sinh, vải vụn, nắp chai) – bạn cũng nên khuyến khích người tham gia mang theo vật liệu vẽ của riêng mình (bút chì, bút màu, bút màu), tạp chí, báo để làm tranh ghép/bảng hình ảnh;
- Người điều phối hội thảo tạo mẫu: làm quen với tất cả các tài liệu hội thảo và mục đích của việc tạo mẫu, xác định một ví dụ về khu vực đô thị xuống cấp có thể dùng làm đối tượng tạo mẫu quen thuộc với người tham gia, chuẩn bị hướng dẫn rõ ràng cho từng hoạt động, chuẩn bị các trạm nhóm với các tài liệu, phát triển hướng dẫn để phản hồi.

Làm việc nhóm – tạo mẫu các giải pháp trong không gian công cộng đang được cải tạo (45 phút)

Nhiệm vụ của người hướng dẫn:

1. Thảo luận với người tham gia về ví dụ về không gian công cộng cần được cải tạo theo hướng kiến trúc nhỏ.
2. Trình bày chi tiết về quy trình tạo mẫu cho người tham gia:
 - trình bày bản đồ khu vực (người hướng dẫn chọn một địa điểm mà người tham gia quen thuộc hoặc có thể quen thuộc, ví dụ nằm trong cùng quận với trường đại học hoặc trường học, hoặc sử dụng ví dụ bên dưới)
 - thiết lập mục tiêu của quá trình phục hồi và nhóm người sử dụng mục tiêu của khu vực,
 - trình bày các vật liệu có thể sử dụng trong quá trình tạo mẫu;
3. Chia người tham gia thành ít nhất 2 đội.
4. Tham vấn liên tục về các nhiệm vụ do các nhóm thực hiện.

Nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm:

1. Thảo luận về mục đích phục hồi và nhóm mục tiêu của dự án phục hồi trong không gian được phân tích.
2. Xác định phạm vi của dự án liên quan đến việc phát triển kiến trúc nhỏ trong không gian được phân tích.
3. Phân chia vai trò trong nhóm: đại diện của nhóm mục tiêu và những người chuẩn bị giải pháp nguyên mẫu theo nhu cầu và đề xuất của nhóm mục tiêu này.
3. Chuẩn bị nguyên mẫu kiến trúc nhỏ trong không gian được phân tích.
3. Chuẩn bị trình bày nguyên mẫu cho các nhóm khác.

Giả định liên quan đến chủ đề của lớp học.

Chúng tôi đang khôi phục lại "góc lãng quên" của công viên bị bỏ hoang tại thành phố "New Horizons", giúp nơi này thân thiện hơn với công chúng.

Công viên "Góc lãng quên" tọa lạc tại thành phố New Horizons, một thành phố điển hình của Ba Lan mang tính chất hậu công nghiệp, đang phải vật lộn với vấn đề xuống cấp của không gian công cộng.

Công viên được xây dựng vào những năm 1970 như một trái tim xanh của khu nhà ở dành cho công nhân tại một nhà máy gang thép. Sau khi nhà máy đóng cửa vào những năm 1990, công viên đã mất đi người quản lý và nhà tài trợ chính. Ngày nay, mặc dù vẫn nằm trong một khu vực đông dân cư, nhưng nơi đây đã bị lãng quên, hiếm khi được ghé thăm và bị coi là nguy hiểm.

Cơ sở hạ tầng: ghé bị hỏng, thùng rác bị hư, thiếu ánh sáng, vỉa hè bị nứt.

Chức năng: thiếu khu vực dành cho các nhóm tuổi khác nhau (trẻ em, thanh thiếu niên, người cao tuổi), không gian đơn điệu không có điểm tham quan nào.

Nhận thức: Người dân e ngại ở lại công viên sau khi trời tối vì nơi này gắn liền với nạn phá hoại và lãng quên; học sinh và sinh viên nhìn thấy tiềm năng của nơi này để biến thành không gian nghỉ ngơi, giải trí và hòa nhập sau giờ học tại trường học/đại học gần đó, nhưng họ không thực sự biết cách làm mới nó. Việc phát triển và thử nghiệm các nguyên mẫu kiến trúc nhỏ chắc chắn là cần thiết để biến công viên "Góc Lãng Quên" thành một không gian công cộng sôi động, an toàn và đa chức năng, dành riêng cho giới trẻ, cũng như những người sử dụng không gian công cộng khác.

IV. Trình bày kết quả thực hiện bài tập của các đội (30 phút)

Mỗi đội trình bày và giải thích cách họ chuẩn bị nguyên mẫu: nhu cầu của nhóm mục tiêu đã được xem xét như thế nào, các giải pháp được thiết kế dựa trên những giả định nào, nguyên mẫu trông như thế nào và mục đích sử dụng của nó. Sau mỗi bài thuyết trình, các thành viên khác và giảng viên có thể đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về kết quả làm việc của mỗi đội. Giảng viên sẽ hỏi thêm các câu hỏi để kiểm tra kiến thức đã học được trong lớp.

V. Đánh giá công việc nhóm của giảng viên hướng dẫn khóa học (15 phút)

Người hướng dẫn nên đánh giá các bài thuyết trình và nguyên mẫu do người tham gia chuẩn bị dựa trên các tiêu chí sau:

- sự tuân thủ của nguyên mẫu với các mục tiêu tập luyện,
- tính sáng tạo và độc đáo của ý tưởng nguyên mẫu trong bối cảnh của nhóm mục tiêu đã xác định;
- sự tham gia của từng thành viên trong nhóm.

Mỗi đội sẽ nhận được phản hồi bằng lời từ người hướng dẫn.

VI. Tóm tắt (15 phút)

Kết luận chính từ lớp học (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên)

Tái thiết là một quá trình phức tạp và đa chiều nhằm khôi phục không gian công cộng và đưa nó thoát khỏi tình trạng khủng hoảng. Tình trạng này, được gọi là suy thoái, bao gồm bốn lĩnh vực chính: xã hội, kinh tế, không gian và môi trường. Một khu vực suy thoái không chỉ là nơi các tòa nhà xuống cấp và đường sá trong tình trạng tồi tệ. Nó chủ yếu là một không gian đã mất đi tiềm năng, và cư dân phải đối mặt với một loạt các vấn đề: thất nghiệp, nghèo đói, tội phạm, và cảm giác bị loại trừ và thiếu triển vọng. Điều này càng trầm trọng hơn bởi việc đóng cửa các doanh nghiệp địa phương, mất việc làm, giao thông bị cản và ô nhiễm môi trường, thường là di sản của các ngành công nghiệp trước đây. Đồng thời, những nơi như vậy thường ẩn chứa tiềm năng to lớn chưa được khai thác dưới dạng các nhà máy lịch sử, nhà chung cư cũ và không gian xanh bị bỏ quên.

Một cách tiếp cận hiện đại đối với tái thiết đô thị đặt con người và việc giải quyết các vấn đề xã hội lên hàng đầu. Việc đổi mới không gian – cải tạo các tòa nhà, tạo công viên hoặc bổ sung chức năng mới cho các nhà máy bỏ hoang – được xem như một công cụ để đạt được các mục tiêu xã hội, chứ không phải là một mục đích tự thân. Chìa khóa thành công nằm ở sự hợp tác và đối thoại cởi mở với cộng đồng địa phương và tất cả các bên liên quan khác. Trong đó, trước hết là cư dân, chủ sở hữu bất động sản, doanh nhân địa phương, các tổ chức phi chính phủ và các đơn vị chính quyền địa phương, những bên thường đóng vai trò tổ chức toàn bộ quá trình. Mục tiêu là chuyển từ việc cung cấp thông tin thụ động sang chủ động cùng ra quyết định về tương lai của một địa điểm nhất định. Sự tham gia thực sự của cộng đồng cần được thể hiện ở mọi giai đoạn tái thiết. Ở giai đoạn chẩn đoán, cư dân giúp xác định các vấn đề và nhu cầu thực tế, ví dụ thông qua các chuyến đi nghiên cứu hoặc khảo sát. Trong giai đoạn lập kế hoạch, họ tham gia các hội thảo thiết kế (còn gọi là charrettes), nơi họ làm việc với các chuyên gia để phác thảo diện mạo tương lai của khu phố. Trong giai đoạn triển khai, họ có thể tham gia vào các dự án cụ thể, chẳng hạn như cùng nhau phủ xanh

khu vực, thành lập các nhóm cộng đồng để chăm sóc không gian được cải tạo, hoặc tham gia vào một ủy ban giám sát tiến độ công việc.

Tạo mẫu là một công cụ hiệu quả và sáng tạo để hỗ trợ sự tham gia theo nghĩa này. Nó bao gồm việc tạo ra các phiên bản ban đầu, thường chưa hoàn thiện và không tốn kém của các giải pháp được đề xuất để chúng có thể được thử nghiệm trong thực tế. Thay vì đọc một báo cáo dài hàng trăm trang, người dân có thể di chuyển các mô hình ghế dài và cây cối trên một mô hình thực tế của quảng trường. Thay vì tưởng tượng một ứng dụng thành phố mới sẽ hoạt động như thế nào, họ có thể thử nghiệm một bản phác thảo tương tác đơn giản. Nguyên tắc chính của phương pháp này là: "thất bại nhanh chóng, học hỏi ít tốn kém". Điều này cho phép bạn kiểm tra các giả định, thu thập phản hồi có giá trị và hình dung các ý tưởng theo cách mà mọi người đều có thể hiểu được.

Việc sử dụng mô hình mẫu trong quá trình tái thiết mang lại nhiều lợi ích. Trước hết, nó đơn giản hóa việc giao tiếp – một mô hình hữu hình dễ tiếp cận hơn bản vẽ kỹ thuật, giúp phá vỡ rào cản giữa chuyên gia và cư dân. Mọi người dễ dàng phê bình và đề xuất thay đổi một mô hình "đang hoạt động" hơn là một dự án đã hoàn thiện và tốn kém. Phương pháp này thực sự thu hút các nhóm thường bị bỏ qua trong các cuộc thảo luận chính thức, chẳng hạn như trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật, vào quá trình thiết kế. Mô hình mẫu cho phép xác định lỗi và thiếu sót ngay từ giai đoạn đầu, giúp tiết kiệm đáng kể thời gian và tiền bạc. Bằng cách này, quá trình tham vấn thụ động chuyển thành một quá trình đồng sáng tạo chủ động và sáng tạo, và quá trình tái thiết trở thành một phản ứng đích thực đối với nhu cầu thực sự của cộng đồng, xây dựng niềm tin, củng cố mối quan hệ láng giềng và tạo ra một nơi sống tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người.

Đề tài:

Xây dựng khả năng phục hồi của thành phố trước các cuộc khủng hoảng với sự tham gia của cộng đồng địa phương

Mục tiêu chung của khóa học:

Trình bày cho người tham gia bản chất của các tình huống khủng hoảng có thể ảnh hưởng đến thành phố và các nguyên tắc xây dựng khả năng phục hồi đô thị trong các lĩnh vực chính của đời sống thành phố, cũng như phát triển các kỹ năng và thái độ liên quan đến việc sử dụng phương pháp động não để tạo ra các giải pháp tăng cường khả năng phục hồi của thành phố.

Nội dung khóa học:

1. Giới thiệu về chủ đề tình hình khủng hoảng ở các thành phố.
2. Tổng quan về các vấn đề phục hồi đô thị.
3. Vai trò của cộng đồng địa phương trong việc xây dựng khả năng phục hồi đô thị.
4. Động não như một công cụ để tạo ra ý tưởng xây dựng khả năng phục hồi đô thị thông qua sự tham gia của những người trẻ tuổi.

Tổng thời lượng khóa học :

180 phút, bao gồm: phần lý thuyết - 60 phút và phần thực hành - 120 phút

Kết quả học tập đạt được trong lớp học:

Các lĩnh vực học tập	Kết quả học tập	Phương pháp xác minh kết quả học tập
Kiến thức	1. Học sinh có kiến thức cơ bản về các tình huống khủng hoảng ở các thành phố	Thảo luận trong các lớp học, bao gồm sau phần lý thuyết và như một phần của phần tóm tắt
	2. Học sinh hiểu được các nguyên tắc xây dựng khả năng phục hồi đô thị và các lĩnh vực hoạt động của thành phố có thể phát triển khả năng này.	
	3. Học sinh biết các nguyên tắc của phương pháp động não như một công cụ để tạo ra ý tưởng xây dựng khả năng phục hồi đô thị thông qua sự tham gia của những người trẻ tuổi.	
Kỹ năng và thái độ	1. Học sinh có thể xác định các ví dụ về tình huống khủng hoảng có thể ảnh hưởng đến thành phố nơi họ sinh sống.	Đánh giá các bài thuyết trình được thực hiện theo nhóm như một phần của bài tập
	2. Học sinh có thể xác định các ví dụ về hoạt động giúp xây dựng khả năng phục hồi đô thị.	
	3. Học sinh có khả năng động não theo các bước được trình bày trong Bảng 1 về các chủ đề liên quan đến việc xây dựng khả năng phục hồi đô thị.	

Kế hoạch bài học**I. Giới thiệu chủ đề (45 phút)**

Chào đón người tham gia:

Trình bày mục tiêu và kế hoạch bài học.

Giới thiệu lý thuyết cho lớp học (tài liệu văn bản hỗ trợ giáo viên)

Hơn một nửa dân số thế giới sống ở khu vực thành thị, và dự báo cho thấy đến năm 2050, tỷ lệ này sẽ tăng lên gần 70%. Các thành phố là trung tâm của đổi mới, văn hóa, tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Đồng thời, sự tập trung dân số, cơ sở hạ tầng, tiềm năng và tài nguyên này khiến chúng cực kỳ dễ bị tổn thương trước nhiều loại khủng hoảng khác nhau, chẳng hạn như đại dịch COVID-19 toàn cầu, đã làm tê liệt đời sống công cộng và nền kinh tế. Ở một số nơi trên thế giới, các thành phố cũng đang trở thành đấu trường cho các cuộc tấn công khủng bố hoặc xung đột vũ trang, phá vỡ sự ổn định cuộc sống của cư dân và làm giảm cảm giác an toàn của họ. Trong bối cảnh này, khả năng phục hồi của đô thị đang trở thành một khái niệm then chốt cho tương lai của phát triển đô thị, quản lý đô thị và đời sống xã hội.

Khả năng phục hồi đô thị là khả năng của một thành phố, bao gồm cư dân, các tổ chức, doanh nghiệp và hệ thống cơ sở hạ tầng, để tồn tại, thích nghi và phát triển trước những áp lực và cú sốc bất ngờ khác nhau, bao gồm thiên tai và các tình trạng khẩn cấp, chẳng hạn như mất điện. Điều quan trọng là không nên nhầm lẫn khả năng phục hồi với sức chịu đựng đơn thuần. Một thành phố có khả năng phục hồi có thể chịu đựng được thảm họa, nhưng lại gặp khó khăn trong việc trở lại trạng thái bình thường sau đó. Một thành phố có khả năng phục hồi không chỉ có thể hấp thụ các cú sốc và nhanh chóng phục hồi các chức năng cơ bản, mà còn học hỏi từ khủng hoảng và tự chuyển đổi theo hướng mạnh mẽ hơn và sẵn sàng hơn cho những thách thức trong tương lai. Do đó, đây là một quá trình năng động kết hợp các yếu tố hấp thụ, thích ứng và chuyển đổi.

Các mối đe dọa đối với thành phố có thể được chia thành hai loại chính:

a) những cú sốc đột ngột, tức là những sự kiện dữ dội, bất ngờ trên quy mô lớn, chẳng hạn như:

- đại dịch và dịch bệnh: như đại dịch COVID-19 đã chỉ ra, một cuộc khủng hoảng sức khỏe có thể dẫn đến việc phong tỏa, hệ thống chăm sóc sức khỏe quá tải và suy thoái kinh tế sâu sắc,
- xung đột vũ trang và các cuộc tấn công khủng bố: chúng gây ra sự tàn phá trực tiếp và đe dọa đến tính mạng và sức khỏe của con người,
- khủng hoảng người tị nạn và chấn thương xã hội: các thành phố ở nhiều nước châu Âu đã gián tiếp trải qua điều này, khi phải đối mặt với thách thức tiếp nhận hàng triệu người tị nạn, ví dụ như từ Ukraine,
- thiên tai: lũ quét, bão, động đất và nắng nóng khắc nghiệt;
- sự cố công nghệ: mất điện hàng loạt, sự cố hệ thống cấp nước hoặc tấn công mạng vào cơ sở hạ tầng quan trọng (ví dụ: hệ thống quản lý giao thông, ngân hàng).

b) căng thẳng mãn tính: quá trình chậm, kéo dài làm suy yếu các thành phố từ bên trong, khiến chúng dễ bị tổn thương hơn trước những cú sốc đột ngột, bao gồm:

- biến đổi khí hậu: nhiệt độ trung bình tăng dần, hạn hán thường xuyên hơn, thiếu nước,
- các vấn đề xã hội: bất bình đẳng xã hội cao, thất nghiệp, dân số già, thiếu nhà ở.
- suy thoái môi trường: ô nhiễm không khí, thiếu nước, mất đa dạng sinh học,
- bất ổn kinh tế: phụ thuộc vào một lĩnh vực duy nhất của nền kinh tế, chuỗi cung ứng không ổn định.

Đại dịch COVID-19 là một cú sốc, nhưng các thành phố có mức độ căng thẳng mãn tính cao (ví dụ như dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiếu kinh phí và bất bình đẳng đáng kể trong việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc) đã đối phó kém hơn nhiều.

Xây dựng khả năng phục hồi không phải là nhiệm vụ của riêng một sở ban ngành nào trong hội đồng thành phố. Đây là một quá trình đòi hỏi cách tiếp cận toàn diện và sự hợp tác ở nhiều cấp độ, chẳng hạn như:

- cơ sở hạ tầng và môi trường, ví dụ như đầu tư vào cái gọi là cơ sở hạ tầng xanh và xanh lam (công viên, mái nhà xanh, vườn mưa, hồ chứa) giúp quản lý nước mưa và giảm thiểu hiệu ứng đảo nhiệt đô thị; dự phòng các hệ thống quan trọng đảm bảo nguồn điện và nước

dự phòng hoặc các tuyến đường giao thông thay thế, trong khi các tòa nhà nên được thiết kế để thích ứng với các điều kiện thay đổi,

- nền kinh tế và chuỗi cung ứng, ví dụ như đa dạng hóa nền kinh tế và không phụ thuộc vào một ngành công nghiệp duy nhất, vì điều này tạo ra sự phụ thuộc nguy hiểm vào chuỗi cung ứng toàn cầu; do đó, điều quan trọng là phải tăng cường tinh thần kinh doanh tại địa phương, hỗ trợ sản xuất lương thực tại địa phương (ví dụ thông qua nông nghiệp đô thị) và rút ngắn chuỗi cung ứng để tăng cường an ninh kinh tế của thành phố,
- quản lý và lập kế hoạch, ví dụ như các kế hoạch quản lý khủng hoảng linh hoạt và thích ứng được điều chỉnh theo bản chất của mối đe dọa tiềm ẩn, bao gồm các hệ thống cảnh báo sớm, các cuộc tập trận thường xuyên và mô phỏng khủng hoảng, và việc sử dụng phân tích dữ liệu (dữ liệu lớn) để theo dõi các mối đe dọa và mô hình hóa tác động của chúng,
- Sự gắn kết xã hội, ví dụ như xây dựng lòng tin giữa người dân và giữa người dân với chính quyền, phát triển hợp tác ở cấp địa phương và củng cố ý thức cộng đồng, có thể ứng phó hiệu quả hơn nhiều với các cuộc khủng hoảng. Điều thiết yếu là đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng các dịch vụ cơ bản (chăm sóc sức khỏe, giáo dục, hỗ trợ xã hội) cho tất cả các nhóm, kể cả những người yếu thế nhất.

Cộng đồng địa phương đóng vai trò không thể thay thế trong việc xây dựng khả năng phục hồi của các thành phố. Các chiến lược hành động và đầu tư cơ sở hạ tầng là thiết yếu, nhưng khả năng phục hồi thực sự được hình thành từ cấp độ đường phố, khu nhà ở và khu dân cư. Cộng đồng địa phương không phải là người thụ động nhận hỗ trợ, mà là người tham gia tích cực vào quá trình xây dựng khả năng phục hồi. Vai trò của họ là không thể đánh giá quá cao. Dưới đây là các lĩnh vực chuyên đề mà sự tham gia của cư dân đặc biệt cần thiết:

- a) Kiến thức địa phương và phản ứng nhanh chóng – cư dân hiểu rõ môi trường xung quanh mình nhất, họ biết ai cần giúp đỡ và điểm yếu của cơ sở hạ tầng địa phương nằm ở đâu. Trong những giờ đầu của cuộc khủng hoảng, trước khi các dịch vụ được tổ chức đến, sự giúp đỡ của hàng xóm thường là yếu tố then chốt.
- b) Sáng kiến cộng đồng: Đại dịch COVID-19 là ví dụ điển hình nhất cho thấy những hành động tự phát, chẳng hạn như may khẩu trang, mua sắm cho người cao tuổi, tổ chức quyên góp cho nhân viên y tế hay thành lập các nhóm hỗ trợ trực tuyến, đã thể hiện sức mạnh to lớn của vốn xã hội. Tương tự, để ứng phó với cuộc khủng hoảng người tị nạn sau cuộc xâm lược Ukraine, chính người dân và các tổ chức phi chính phủ địa phương đã cung cấp tuyến hỗ trợ đầu tiên tại nhiều quốc gia.
- c) Xây dựng vốn xã hội: các hoạt động như quản lý vườn cộng đồng, tổ chức lễ hội khu phố hoặc thành lập các trung tâm hoạt động địa phương giúp củng cố mối quan hệ giữa các cá nhân. Những mối quan hệ và niềm tin này sẽ được đền đáp trong thời kỳ khủng hoảng, tạo nên một mạng lưới an toàn tự nhiên.

Chính quyền thành phố có nhiệm vụ hỗ trợ và tạo điều kiện cho các sáng kiến cơ sở này bằng cách cung cấp các khoản tài trợ nhỏ, cung cấp không gian công cộng và tạo ra nền tảng giao tiếp giữa cư dân và chính quyền.

Những người trẻ có sức mạnh to lớn trong việc xây dựng các thành phố kiên cường và có thể tham gia vào các hoạt động này theo nhiều cách.

Để hữu ích trong quá trình này, người trẻ nên bắt đầu từ giáo dục. Điều quan trọng là tìm hiểu về các mối đe dọa tại địa phương, chẳng hạn như biến đổi khí hậu và nguy cơ lũ lụt, và chia sẻ kiến thức đáng tin cậy trên mạng xã hội. Học sinh, sinh viên cũng có thể tham gia hoạt động tình nguyện, chẳng hạn như tại các tổ chức cứu trợ, nhà tạm trú hoặc trong các chiến dịch bảo vệ môi trường, chẳng hạn như trồng cây và dọn dẹp công viên.

Những người trẻ cũng có trách nhiệm chăm sóc cộng đồng của mình: giúp đỡ những người hàng xóm lớn tuổi đi mua sắm hoặc sử dụng công nghệ, tổ chức các buổi quyên góp tại địa phương và hình thành mối quan hệ vô cùng quý giá trong thời điểm khủng hoảng.

Người trẻ nên là tiếng nói của thế hệ mình, điều này có thể được thể hiện bằng cách tham gia hội đồng thành phố dành cho thanh niên, tham gia các buổi tham vấn cộng đồng và cùng nhau kiến tạo các giải pháp giúp thành phố xanh hơn và an toàn hơn cho tất cả cư dân. Mỗi sáng kiến, dù nhỏ bé, đều góp phần củng cố khả năng phục hồi của thành phố và xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn.

Tài liệu bổ sung cho phần lý thuyết (mở rộng kiến thức):

1. Tài liệu dự án, bao gồm:
Phần 1 – Phương pháp xây dựng và giảng dạy khóa học: Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của người dân vào phát triển đô thị.

Phần 2 – Công cụ để thu hút người dân và trao quyền cho cộng đồng

Phần 3 – Hướng dẫn và khuyến nghị chính sách cho chính quyền địa phương/khu vực về: Cách làm việc với người dân.

Phụ lục – nghiên cứu điển hình

2. Các trang web về vấn đề xây dựng khả năng phục hồi đô thị và thu hút giới trẻ tham gia vào các hoạt động này:

weADAPT (Viện Môi trường Stockholm)

<https://weadapt.org/knowledge-base/cities-and-climate-change/factsheet-for-young-people-urban-development-and-city-resilience/>

Chương trình UN-Habitat vì khả năng phục hồi đô thị:

<https://urbanresiliencehub.org/>

Mạng lưới hành động vì khí hậu C40 của các thành phố – Sự tham gia của thanh niên

<https://www.c40.org/what-we-do/building-a-movement/youth-engagement/>

Mạng lưới các thành phố có khả năng phục hồi

<https://resilientcitiesnetwork.org/category/publications/>

3. Bài báo khoa học:

Strzelecka, Elżbieta. "Khái niệm về khả năng phục hồi và phát triển của các thị trấn nhỏ và khu vực nông thôn." Phong vũ biểu khu vực. Phân tích và Dự báo 16.3 (2018): 121-130.

Stumpp, EM (2013). Mới đến? Về khả năng phục hồi và "Thành phố có khả năng phục hồi". Thành phố, 32, 164-166.

Mehmood, A. (2016). Về những nơi có khả năng phục hồi: lập kế hoạch cho khả năng phục hồi đô thị. Nghiên cứu quy hoạch châu Âu, 24(2), 407-419.

II. Phần hỏi đáp (15 phút)

Người hướng dẫn tham gia thảo luận với những người tham gia để đảm bảo rằng họ hiểu nội dung được trình bày và khuyến khích họ đặt câu hỏi cũng như chia sẻ ý kiến và kinh nghiệm của mình về các ví dụ về sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ vào quá trình tham gia xã hội.

III. Bài tập (60 phút)

Đưa ra ý tưởng xây dựng khả năng phục hồi đô thị thông qua sự tham gia của thanh niên

Giới thiệu bài tập (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên , 15 phút)

Mỗi ngày, bạn di chuyển khắp thành phố, đến trường hoặc đại học, gặp gỡ bạn bè, sử dụng phương tiện giao thông công cộng. Chắc chắn bạn có quan điểm riêng về những gì hiệu quả trong thành phố và những gì cần thay đổi. Nhưng làm thế nào để biến những quan sát thường nhật này thành những ý tưởng thực tế, sáng tạo? Một trong những công cụ hiệu quả nhất là động não. Đây không

chỉ là một cuộc thảo luận, mà là một kỹ thuật nhóm sáng tạo nhằm tạo ra càng nhiều ý tưởng càng tốt trong một khoảng thời gian ngắn.

Khi chuẩn bị một buổi động não thành công, bốn nguyên tắc cơ bản cần được lưu ý để đảm bảo một không gian an toàn cho sự sáng tạo. Những nguyên tắc này được trình bày dưới đây:

- Không chỉ trích hay phán xét:** trong giai đoạn hình thành ý tưởng, mọi đề xuất đều đáng được xem xét. Mọi ý tưởng, kể cả những ý tưởng vô lý nhất, đều được hoan nghênh. Phán xét sẽ giết chết sự sáng tạo và ngăn cản người khác chia sẻ ý tưởng của họ.
- Số lượng hơn chất lượng (chỉ áp dụng lúc đầu thôi!):** Mục tiêu là thu thập càng nhiều ý tưởng càng tốt. Ở giai đoạn này, không cần phải cân nhắc xem ý tưởng có thực tế hay khả thi hay không. Việc phân tích sẽ diễn ra sau. Càng nhiều ý tưởng, cơ hội tìm ra ý tưởng tốt nhất càng cao.
- Hãy suy nghĩ vượt ra ngoài khuôn khổ:** khuyến khích những ý tưởng táo bạo, phóng đại và thậm chí hài hước. Đôi khi, chính những ý tưởng điên rồ nhất lại dẫn đến một giải pháp đột phá.
- Phát triển ý tưởng của người khác:** Động não đòi hỏi phải lắng nghe cẩn thận những gì người khác nói. Nếu ý tưởng của ai đó truyền cảm hứng cho bạn, hãy phát triển nó! Điều này xây dựng sự hợp tác và dẫn đến những khái niệm tốt hơn nữa.

Các bước tiến hành một buổi động não được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 1. Các bước tiến hành một buổi động não

KH ÔN G	Tên bước	Sự miêu tả
	Chuẩn bị và mục tiêu	Trước khi mời nhóm, hãy đặt vấn đề dưới dạng câu hỏi mở, ví dụ: "Làm thế nào để chúng ta có thể khôi phục câu lạc bộ sinh viên để thu hút nhiều người hơn?". Chuẩn bị không gian, một tấm bảng lớn hoặc một bức tường trống, giấy nhớ và bút dạ cho tất cả mọi người. Đảm bảo nhóm người tham gia đa dạng.
2	Giới thiệu và quy tắc	Bắt đầu bằng một câu chuyện khởi đầu ngắn, trình bày mục đích của cuộc họp và các quy tắc của cuộc họp: Không có lời chỉ trích – tất cả ý tưởng đều tốt. Số lượng, không phải chất lượng – chúng tôi tạo ra càng nhiều khái niệm càng tốt. Những ý tưởng táo bạo – chúng tôi suy nghĩ vượt ra ngoài khuôn khổ. Kết hợp và phát triển – xây dựng dựa trên ý tưởng của người khác. Nhiệm vụ của người điều hành là đảm bảo các quy tắc này được tuân thủ trong suốt buổi thảo luận.
3	Tạo ra ý tưởng	Đặt giới hạn thời gian (ví dụ: 15-25 phút). Khuyến khích người tham gia viết ra mỗi ý tưởng một tờ giấy và dán lên bảng. Duy trì trạng thái tích cực và nhắc nhở người tham gia về các quy tắc nếu cuộc thảo luận vượt quá tầm kiểm soát.
4	Tổng hợp và nhóm	Sau khi hết thời gian quy định, hãy cùng nhau đọc to tất cả các ý tưởng. Yêu cầu nhóm nhóm chúng thành các nhóm chủ đề (ví dụ: "Sự kiện", "Thiết bị", "Khuyến mãi"). Giúp các em đặt tên cho các nhóm này. Đây là thời điểm quan trọng để khám phá các mô hình và nhu cầu chính.
5	Ưu tiên và hành động	Cho người tham gia bỏ phiếu (ví dụ: 3 nhãn dán) để phân bổ cho những ý tưởng quan trọng nhất hoặc thực tế nhất. Sau khi bỏ phiếu, hãy thảo luận 1-3 ý tưởng được đánh giá cao nhất. Kết thúc buổi họp bằng câu hỏi: "Bước nhỏ đầu tiên của chúng ta hướng tới việc triển khai ý tưởng này là

		gì và ai sẽ thực hiện?". Hãy biến năng lượng của buổi họp thành hạt giống cho hành động thực tế.
--	--	--

Nguồn: tác phẩm của riêng tôi

Làm việc nhóm – động não để đưa ra ý tưởng xây dựng khả năng phục hồi đô thị thông qua sự tham gia của những người trẻ tuổi (45 phút)

Nhiệm vụ của người điều phối:

1. Thảo luận với những người tham gia về kịch bản động não như một hoạt động để tạo ra ý tưởng xây dựng khả năng phục hồi đô thị thông qua sự tham gia của những người trẻ tuổi, bằng cách sử dụng tài liệu có sẵn trong tài liệu dự án (phần 2 – Công cụ để thu hút công dân và trao quyền cho cộng đồng).
2. Trình bày chi tiết về quá trình động não cho người tham gia:
 - xác định chủ đề của buổi động não;
 - lựa chọn người điều phối buổi động não;
 - thành lập nhóm tham gia động não;
3. Chia người tham gia thành ít nhất 3 đội.
4. Tham vấn liên tục về các nhiệm vụ do nhóm thực hiện.

Nhiệm vụ của người tham gia trong từng nhóm:

1. Phân chia vai trò trong các nhóm (người điều phối, người tham gia)
2. Tiến hành buổi động não.
3. Chuẩn bị trình bày kết quả thảo luận nhóm.
4. Tham gia thảo luận về kết quả của buổi động não.

Ví dụ về chủ đề động não:

1. Biến đổi xanh khu phố của chúng ta: Làm thế nào chúng ta có thể "xanh hóa" không gian xung quanh trường học/đại học để bảo vệ chúng ta khỏi nắng nóng và mưa lớn?
2. Cầu nối liên thế hệ: Làm thế nào chúng ta có thể sử dụng năng lượng và kỹ năng số của người trẻ để hỗ trợ người cao tuổi trong khu phố của chúng ta trong thời kỳ khủng hoảng?
3. Cuộc sống thứ hai cho đồ vật: Làm thế nào chúng ta có thể tổ chức một hệ thống tại trường đại học hoặc trường học của mình để giảm thiểu chất thải (thực phẩm, quần áo, đồ dùng) và thúc đẩy trao đổi địa phương?

IV. Trình bày kết quả thực hiện bài tập của các đội (30 phút)

Mỗi đội trình bày và giải thích cách thức tiến hành buổi động não và kết quả của buổi. Sau đó, người tham gia trình bày kết quả của buổi động não, tức là các ý tưởng do từng nhóm đưa ra, và thảo luận về khả năng triển khai chúng (bước 4 và 5 trong Bảng 1), cũng như bản thân buổi động não.

Sau mỗi bài thuyết trình, các học viên khác và giảng viên có thể đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về kết quả làm việc của từng nhóm. Giảng viên cũng có thể đặt thêm câu hỏi để kiểm tra kiến thức đã học trong lớp.

V. Đánh giá công việc nhóm của giảng viên (15 phút)

Người hướng dẫn nên đánh giá bài thuyết trình của người tham gia dựa trên các tiêu chí sau:

- đánh giá quá trình động não,
- chất lượng và cách trình bày các ý tưởng được đưa ra liên quan đến khả năng phục hồi đô thị,
- sự tham gia của từng thành viên trong nhóm.

Mỗi đội sẽ nhận được phản hồi bằng lời từ người hướng dẫn.

VI. Tóm tắt (15 phút)

Kết luận chính từ lớp học (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên)

Các thành phố đương đại là trung tâm đổi mới sáng tạo, nhưng cũng là những khu vực cực kỳ dễ bị tổn thương trước khủng hoảng. Đại dịch COVID-19, xung đột vũ trang và thiên tai đã làm nổi bật nhu cầu xây dựng khả năng phục hồi đô thị. Đây là khả năng của toàn bộ hệ thống đô thị (cư dân, thể chế, cơ sở hạ tầng) để tồn tại, thích nghi và phát triển trước các mối đe dọa. Khả năng phục hồi không chỉ đơn thuần là sức chịu đựng - đó là một quá trình năng động hấp thụ sốc, phục hồi nhanh chóng và chuyển đổi để chuẩn bị tốt hơn cho tương lai.

Các mối đe dọa đối với thành phố được chia thành hai loại. Loại thứ nhất là những cú sốc đột ngột, tức là các sự kiện bạo lực như đại dịch, xung đột vũ trang, thiên tai (lũ lụt, nắng nóng) hoặc sự cố công nghệ (mất điện, tấn công mạng). Loại thứ hai là những căng thẳng mãn tính, tức là những quá trình lâu dài làm suy yếu một thành phố từ bên trong, chẳng hạn như biến đổi khí hậu, bất bình đẳng xã hội, suy thoái môi trường và bất ổn kinh tế. Những tác nhân gây căng thẳng chậm này khiến các thành phố dễ bị tổn thương hơn trước những cú sốc đột ngột.

Việc xây dựng khả năng phục hồi đòi hỏi hành động tích hợp ở nhiều lĩnh vực, chẳng hạn như cơ sở hạ tầng và môi trường, kinh tế, quản lý và quy hoạch, cũng như gắn kết xã hội.

Nền tảng của khả năng phục hồi chính là sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương, vốn không phải là người thụ động tiếp nhận viện trợ mà là một chủ thể chủ chốt. Sức mạnh của khả năng phục hồi nằm ở kiến thức địa phương, khả năng ứng phó nhanh chóng và thân thiện, cũng như các sáng kiến cộng đồng, thể hiện qua các nỗ lực cứu trợ trong đại dịch và cuộc khủng hoảng người tị nạn. Thanh niên đóng một vai trò đặc biệt quan trọng, vì họ có thể tham gia thông qua giáo dục về các rủi ro tại địa phương, hoạt động tình nguyện, hỗ trợ trực tiếp tại khu vực của mình (ví dụ: hỗ trợ người cao tuổi) và tham gia tích cực vào đời sống cộng đồng, ví dụ như trong các hội đồng thành phố dành cho thanh niên.

Động não là một công cụ thiết thực để thu hút người trẻ tham gia sáng tạo ý tưởng. Mục tiêu của nó là tạo ra càng nhiều giải pháp càng tốt cho một vấn đề cụ thể. Các nguyên tắc chính là: không chỉ trích, tập trung vào số lượng hơn là chất lượng ý tưởng (trong giai đoạn đầu), cởi mở với những khái niệm độc đáo và phát triển ý tưởng của người khác. Quá trình này bao gồm các bước cho phép năng lượng sáng tạo được chuyển hóa thành hạt giống của sự thay đổi thực sự trong thành phố.

Đề tài:***Người trẻ là người đồng sáng tạo nên Thành phố thông minh*****Mục tiêu chung của lớp học:**

Nhằm giới thiệu cho người tham dự vai trò và tầm quan trọng của thanh thiếu niên, một nhóm đối tượng mục tiêu, những người nên tham gia vào quá trình phát triển đô thị, biến chúng thành những không gian phục vụ bản thân, gia đình, hàng xóm và bạn bè trong ít nhất vài thập kỷ hoạt động tích cực trong đời sống nghề nghiệp, xã hội và cá nhân. Khóa học cũng sẽ mang đến cơ hội tìm hiểu về khái niệm Thành phố Thông minh như một mô hình phát triển đô thị trong quá khứ, việc triển khai khái niệm này đòi hỏi sự tham gia tích cực của những người tham gia lâu năm trong không gian này. Người tham dự sẽ được trang bị các kỹ năng và phát triển thái độ liên quan đến việc đồng sáng tạo không gian công cộng thông qua việc tham gia các hoạt động có sự tham gia dưới hình thức quan sát chủ động (đi bộ nghiên cứu).

Phạm vi của các lớp học:

1. Giới thiệu về chủ đề sự tham gia của thanh niên vào các quá trình tham gia.
2. Khái niệm về "thành phố thông minh" và các thành phần của nó
3. Đặc điểm của thanh niên với tư cách là bên liên quan trong quá trình tham gia công dân
4. Quan sát chủ động và đi nghiên cứu như là phương pháp phân tích các quá trình liên quan đến việc xây dựng một "thành phố thông minh".

Tổng thời lượng khóa học :

180 phút, bao gồm: phần lý thuyết - 45 phút và phần thực hành - 135 phút

Kết quả học tập đạt được trong lớp học:

Các lĩnh vực học tập	Kết quả học tập	Phương pháp xác minh kết quả học tập
Kiến thức	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh viên có kiến thức cơ bản về vai trò của thanh niên trong các quá trình tham gia và các đặc điểm phân biệt thanh niên với tư cách là nhóm bên liên quan. 2. Học sinh/sinh viên đã quen thuộc với các nguyên tắc cơ bản của khái niệm "thành phố thông minh" 3. Học sinh biết các nguyên tắc của quan sát tích cực và đi bộ nghiên cứu 	Thảo luận trong các lớp học, bao gồm sau phần lý thuyết và như một phần của phần tóm tắt
Kỹ năng và thái độ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Học sinh có khả năng chứng minh nhu cầu tham gia của thanh niên vào các hình thức tham gia công dân khác nhau 2. Sinh viên có thể xác định các lĩnh vực ứng dụng cơ bản của khái niệm "thành phố thông minh" trong các thành phố 3. Học sinh có khả năng thực hiện quan sát tham gia đơn giản dưới hình thức đi bộ nghiên cứu 	Đánh giá các bài thuyết trình được thực hiện theo nhóm như một phần của bài tập

Kế hoạch bài học**I. Giới thiệu chủ đề (30 phút)**

Chào đón người tham gia:

Trình bày mục tiêu và kế hoạch bài học.

Giới thiệu lý thuyết cho lớp học (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên)

Các thành phố đương đại là những hệ sinh thái năng động, không ngừng phát triển dưới tác động của các quá trình xã hội, công nghệ và kinh tế, cũng như biến đổi khí hậu, thay đổi nhân khẩu học và thay đổi lối sống của cư dân (ví dụ như di cư ra ngoại ô). Mặc dù chìa khóa cho sự phát triển đô thị bền vững và sáng tạo nằm ở tiềm năng và sự tham gia của tất cả các nhóm cư dân, nhưng chính những người trẻ tuổi sẽ là những người sử dụng không gian đô thị đang nổi lên hoặc đang thay đổi trong thời gian dài nhất, đó là lý do tại sao việc đáp ứng nhu cầu của họ và thu hút họ đến với thành phố lại quan trọng đến vậy. Do đó, việc kích hoạt giới trẻ không được coi là một cử chỉ thiện chí hay một hoạt động bên lề đảm bảo việc đáp ứng điều kiện hòa nhập, mà là một sự đầu tư chiến lược cho tương lai và hiện tại của cấu trúc đô thị.

Một cách tiếp cận đổi mới trong phát triển đô thị dựa trên, cùng với những yếu tố khác, khái niệm thành phố thông minh (smart city) là một tầm nhìn về phát triển đô thị, trong đó công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) hiện đại được sử dụng để cải thiện chất lượng cuộc sống của cư dân và các bên liên quan khác tại các không gian công cộng, nâng cao hiệu quả của các dịch vụ đô thị và đảm bảo phát triển bền vững. Cách tiếp cận này xem thành phố như một thực thể sống phức tạp, với mục tiêu không phải là tích lũy công nghệ mà là sử dụng công nghệ một cách khôn ngoan để giải quyết các vấn đề thực tế.

Cốt lõi của khái niệm thành phố thông minh nằm ở việc tích hợp và phân tích dữ liệu. Một thành phố được trang bị mạng lưới cảm biến (ví dụ: giám sát giao thông, chất lượng không khí, mức độ đầy thùng rác hoặc mức tiêu thụ nước), camera và các thiết bị khác được tích hợp trong Internet vạn vật (IoT) sẽ thu thập lượng thông tin khổng lồ theo thời gian thực. Dữ liệu này, sau khi được xử lý bởi các hệ thống phân tích tiên tiến (bao gồm trí tuệ nhân tạo), sẽ trở thành nền tảng cho việc ra quyết định tốt hơn, tối ưu hóa tài nguyên và tự động hóa nhiều quy trình.

Khái niệm về thành phố thông minh bao gồm một số trụ cột chính tạo thành một hệ thống tích hợp:

- *Di chuyển thông minh bao gồm việc tạo ra một hệ thống giao thông hiệu quả, thân thiện với môi trường và thân thiện với người dùng, ví dụ như hệ thống đèn giao thông thích ứng giúp giảm ùn tắc giao thông, các ứng dụng tích hợp giao thông công cộng với dịch vụ chia sẻ xe đạp và xe tay ga, và bãi đậu xe thông minh chỉ ra các chỗ trống.*
- *Môi trường thông minh đề cập đến việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động tiêu cực của các thành phố đến khí hậu và bao gồm, trong số những thứ khác, lưới điện thông minh giúp tối ưu hóa mức tiêu thụ điện, hệ thống giám sát ô nhiễm, đọc đồng hồ từ xa và quản lý chất thải hiệu quả.*
- *Quản lý thông minh (Smart Governance) đề cập đến việc theo đuổi nền hành chính minh bạch, công khai và hiệu quả, có thể đạt được thông qua việc số hóa các dịch vụ công (dịch vụ điện tử), tạo ra các nền tảng tham vấn công khai, cung cấp dữ liệu công khai (dữ liệu mở) và các hệ thống cho phép người dân dễ dàng báo cáo các vấn đề và giao tiếp với chính quyền.*
- *Sống Thông Minh hướng đến việc cải thiện chất lượng cuộc sống trong các lĩnh vực an toàn, y tế, văn hóa và giáo dục. Lĩnh vực này bao gồm hệ thống giám sát video thông minh, dịch*

vụ chăm sóc sức khỏe từ xa cho người cao tuổi, các ứng dụng thông tin về các sự kiện văn hóa và công cụ kỹ thuật số trong trường học.

- Người Thông Minh đề cập đến việc tăng cường giáo dục công dân bằng cách đầu tư không chỉ vào công nghệ, mà trên hết là vào những người tham gia có ý thức và tích cực vào đời sống đô thị, những người sẵn sàng tham gia và cùng kiến tạo các giải pháp. Thanh niên đóng một vai trò đặc biệt trong nhóm đối tượng mục tiêu của người sử dụng không gian đô thị.

Mục tiêu chính của việc thu hút người trẻ tham gia vào quá trình ra quyết định là khai thác góc nhìn độc đáo của họ. Lớn lên trong thời đại kỹ thuật số, người trẻ mang đến những góc nhìn mới mẻ, những ý tưởng độc đáo và khả năng sử dụng công nghệ mới một cách tự nhiên. Chính người trẻ thường là những người đầu tiên sử dụng các giải pháp hoặc dịch vụ công sáng tạo trong lĩnh vực giao thông, truyền thông và sinh thái. Tiếng nói của người trẻ trong quy hoạch không gian có thể dẫn đến việc tạo ra những không gian chức năng và hấp dẫn hơn, chẳng hạn như sân trượt ván hiện đại, không gian làm việc chung hoặc không gian thư giãn xanh, đáp ứng nhu cầu thực tế chứ không chỉ là ý tưởng của thế hệ trước.

Tuy nhiên, tầm quan trọng của sự tham gia của thanh thiếu niên không chỉ giới hạn ở sự đổi mới. Việc thu hút thanh thiếu niên thông qua các công cụ như hội đồng thành phố dành cho thanh thiếu niên, ngân sách tham gia và tham vấn cộng đồng là nền tảng cho việc xây dựng một xã hội dân sự lành mạnh. Bằng cách tham gia vào đời sống cộng đồng địa phương, thanh thiếu niên học được các nguyên tắc dân chủ, đối thoại, thỏa hiệp và trách nhiệm đối với môi trường. Họ tích lũy được những kỹ năng xã hội và lãnh đạo quý giá, những kỹ năng này sẽ mang lại lợi ích cho cuộc sống trưởng thành của họ. Một thành phố cho phép thanh thiếu niên lên tiếng sẽ nuôi dưỡng những công dân có ý thức và tích cực, sẵn sàng gánh vác trách nhiệm cho cộng đồng trong tương lai.

Một khía cạnh quan trọng khác là khía cạnh xã hội. Sự tham gia tích cực vào đời sống đô thị củng cố cảm giác thuộc về và bản sắc địa phương. Những người trẻ có ảnh hưởng thực sự đến khu phố hoặc quận của mình cảm thấy họ là đồng chủ nhà. Điều này, đến lượt nó, giúp chống lại sự gạt ra ngoài lề, thờ ơ và các hành vi phá hoại. Hơn nữa, những thành phố mang đến cho người trẻ triển vọng phát triển và cơ hội hoàn thiện bản thân sẽ trở thành những nơi hấp dẫn để họ sinh sống, học tập và làm việc. Theo cách này, hoạt động kích hoạt trở thành một công cụ ngăn chặn hiện tượng "chảy máu chất xám", tức là sự di cư của những cá nhân tài năng nhất đến các khu vực đô thị lớn hơn.

Tóm lại, có thể cho rằng những người trẻ tuổi là những người tham gia tích cực vào các quá trình tham gia ở các thành phố được phân biệt bởi những đặc điểm như sau:

- năng lực công nghệ tự nhiên, có được nhờ lớn lên trong thế giới kỹ thuật số và hiểu biết trực quan về các công nghệ mới;
- sự cởi mở với đổi mới và thử nghiệm và sẵn sàng thử những điều mới, điều này được phản ánh trong sự tham gia của họ vào các chương trình thí điểm thông minh, ví dụ như các hình thức di chuyển siêu nhỏ mới và các ứng dụng kinh tế chia sẻ (xe tay ga, xe đạp);
- tập trung mạnh mẽ vào phát triển bền vững do có sự nhạy cảm cao với các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu, khiến những người trẻ ủng hộ các giải pháp thành phố thông minh thúc đẩy năng lượng xanh (lưới điện thông minh), giảm thiểu chất thải (thùng rác thông minh) và giao thông bền vững;
- kỳ vọng về tính tức thời và tiện lợi (tư duy lấy người dùng làm trung tâm), tức là quen với các dịch vụ nhanh chóng, mượt mà và được cá nhân hóa (như Netflix hoặc Spotify), đang chuyển sang các dịch vụ công cộng, buộc các thành phố phải tạo ra các dịch vụ điện tử trực quan hơn, hướng đến người dùng (ví dụ như trong các văn phòng công cộng) và các hệ thống thông tin thời gian thực;

- làm chủ mạng lưới truyền thông cho phép huy động tức thời các nhóm và phổ biến thông tin qua phương tiện truyền thông xã hội, có thể được sử dụng để nhanh chóng thu thập ý kiến, thúc đẩy các sáng kiến thành phố thông minh và xây dựng cộng đồng kỹ thuật số xung quanh các dự án đô thị;
- sự sáng tạo trong việc sử dụng dữ liệu và không gian liên quan đến tư duy phi truyền thống, kết nối thế giới số và thế giới thực, cũng như việc sử dụng sáng tạo dữ liệu thành phố mở (ví dụ: tạo bản đồ chất lượng không khí) hoặc triển khai các yếu tố trò chơi điện tử trong không gian công cộng để khuyến khích hành vi thân thiện với môi trường;
- yêu cầu cao về tính minh bạch và rõ ràng trong chính sách của chính quyền công và địa phương, đây là nền tảng của một thành phố thực sự thông minh và dân chủ;
- chủ nghĩa thực dụng và tư duy hướng đến nhiệm vụ về các vấn đề cụ thể và giải pháp nhanh chóng, vượt qua các rào cản tinh thần quan liêu;
- một tư duy hợp tác và đồng sáng tạo theo tinh thần làm việc nhóm và chia sẻ kiến thức trực tuyến, thúc đẩy sự phát triển của các hình thức tham gia liên quan đến việc cùng nhau tạo ra các dịch vụ đô thị từ đầu.
- một tầm nhìn dài hạn và cảm giác "lợi ích" xuất phát từ nhận thức rằng những quyết định được đưa ra hôm nay sẽ định hình thế giới mà các thế hệ này sẽ sống trong nhiều thập kỷ tới. Điều này mang lại cho họ động lực mạnh mẽ để tham gia vào quy hoạch đô thị chiến lược, đặc biệt là về các vấn đề sẽ quyết định khả năng phục hồi của thành phố trước các cuộc khủng hoảng trong tương lai (khí hậu, xã hội, kinh tế).

Tóm lại, việc kích hoạt thanh niên một cách có ý thức và có hệ thống là một quá trình mang lại lợi ích cho cả hai bên. Thanh niên có được nền tảng phát triển và ảnh hưởng thực sự, trong khi thành phố có được năng lượng, sự sáng tạo và nền tảng để xây dựng một cộng đồng dân chủ vững mạnh. Đầu tư vào các cơ chế cho sự tham gia của thanh niên không phải là một khoản chi phí, mà là khoản đầu tư chắc chắn nhất cho một tương lai năng động, chống chịu được khủng hoảng và đơn giản là tốt đẹp hơn cho mọi trung tâm đô thị.

Tài liệu bổ sung cho phần lý thuyết (mở rộng kiến thức):

1. Tài liệu dự án, bao gồm:

Phần 1 – Phương pháp xây dựng và giảng dạy khóa học: Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của người dân vào phát triển đô thị.

Phần 2 – Công cụ để thu hút người dân và trao quyền cho cộng đồng

Phần 3 – Hướng dẫn và khuyến nghị chính sách cho chính quyền địa phương/khu vực về: Cách làm việc với người dân.

Phụ lục – nghiên cứu điển hình

2. Các trang web về phát triển thành phố thông minh và sự tham gia của thanh niên:

UN-Habitat dành cho thanh thiếu niên

www.unhabitat.org/youth

Hội đồng Thành phố Thông minh

www.smartcitiescouncil.com

Thành phố ngày nay

www.cities-today.com

Quỹ Trẻ em trong Thành phố

www.childinthecity.org

3. Bài báo khoa học:

Masucci, M., Pearsall, H., & Wiig, A. (2021). Bài toán thành phố thông minh cho công bằng xã hội: Quan điểm của giới trẻ về công nghệ số và chuyển đổi đô thị. Trong Không gian và Địa điểm Thông minh (trang 145-153). Routledge.

Marchesani, F., Masciarelli, F., & Doan, HQ (2022). Đổi mới sáng tạo ở các thành phố - động lực thúc đẩy dòng chảy tri thức: Khám phá mối quan hệ giữa các công ty công nghệ cao, tính di động của sinh viên và vai trò của tinh thần khởi nghiệp trẻ. Cities, 130, 103852.

Wawer, M., Grzesiuk, K., & Jegorow, D. (2022). Di chuyển thông minh trong Thành phố Thông minh trong bối cảnh phát triển bền vững của Thế hệ Z, sử dụng CNTT và sự tham gia. Năng lượng, 15(13), 4651.

II. Phần hỏi đáp (15 phút)

Giảng viên tham gia thảo luận với những người tham gia để đảm bảo rằng họ hiểu nội dung được trình bày và khuyến khích họ đặt câu hỏi cũng như chia sẻ ý kiến và kinh nghiệm của riêng mình về các ví dụ liên quan đến việc triển khai khái niệm thành phố thông minh tại các thành phố và sự tham gia của những người trẻ tuổi vào quá trình phát triển của họ.

III. Bài tập (75 phút)

Quan sát tích cực như một phương pháp chẩn đoán nhu cầu của thanh niên ở các thành phố

Giới thiệu bài tập (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên , 15 phút)

Quan sát là việc theo dõi một cách có hệ thống và trực tiếp hành vi, tương tác xã hội hoặc quá trình của con người trong môi trường tự nhiên của họ. Việc thực hiện quan sát đòi hỏi phải xác định một đối tượng, người hoặc hiện tượng cụ thể mà chúng ta muốn quan sát tại một thời điểm và địa điểm cụ thể, sau đó ghi chép lại một cách có hệ thống những quan sát của chúng ta vào một phiếu quan sát đặc biệt. Khi sử dụng phương pháp quan sát, có thể sử dụng nhiều kỹ thuật nghiên cứu khác nhau:

- *quan sát bên ngoài (không tham gia): nhà nghiên cứu có mặt trong nhóm người được quan sát nhưng không tham gia vào các hoạt động của họ, thay vào đó ghi nhận hành vi và các chi tiết của họ một cách chi tiết;*
- *quan sát có sự tham gia: nhà nghiên cứu bước vào môi trường xã hội được quan sát, thiết lập mối quan hệ trực tiếp với đối tượng và tham gia vào các tình huống được quan sát, đôi khi thậm chí còn kích động chúng để hiểu rõ hơn ý nghĩa của hành vi của đối tượng.*

Quan sát được thực hiện tốt đòi hỏi:

- *sự hiểu biết sâu sắc, tức là tìm kiếm mối quan hệ và sự phụ thuộc giữa các hiện tượng được quan sát;*
- *tính toàn diện, tức là tính đến tất cả các khía cạnh và chi tiết của một hiện tượng nhất định, có tác động đáng kể đến kết quả;*
- *tính khách quan, tức là sự vô tư hoàn toàn của người quan sát, không có kinh nghiệm cá nhân trước đó hoặc thái độ chủ quan đối với chủ thể hoặc hiện tượng đang được nghiên cứu.*

Trong bối cảnh quan sát người trẻ, việc nhấn mạnh tính khách quan trong quan sát là vô cùng quan trọng vì nó rèn luyện tư duy phản biện, nhận thức về khả năng thiên vị và thực hành nghiên cứu đạo đức, vốn là những năng lực công dân cơ bản. Người tham gia học cách ghi chép sự kiện thay vì diễn giải, và nhận ra những đánh giá của chính mình, điều này góp phần trực tiếp vào sự phát triển của họ như những công dân có trách nhiệm, có khả năng rút ra kết luận dựa trên bằng chứng.

Các công cụ được sử dụng trong quan sát là các bảng quan sát để ghi lại các quan sát và thường là các chuyến đi quan sát, cho phép cấu trúc các quan sát tốt hơn, ví dụ tập trung vào các địa điểm, thời gian trong ngày hoặc tương tác với các nhóm mục tiêu đã chọn.

Đi bộ nghiên cứu, hay đi bộ quan sát, là một phương pháp nghiên cứu bao gồm việc đi bộ có chủ đích và có hệ thống qua một không gian cụ thể để thu thập dữ liệu về chức năng, đặc điểm vật lý, hành vi và tương tác của con người trong đó. Công cụ này cho phép nhà nghiên cứu "đắm chìm" vào môi trường đang được nghiên cứu và hiểu nó từ góc nhìn trải nghiệm trực tiếp, thay vì chỉ thông qua phân tích dữ liệu thống kê hoặc bản đồ.

Cơ sở của một chuyến đi nghiên cứu là sự quan sát chủ động và chú ý. Nhà nghiên cứu không phải là một người qua đường thụ động, mà là một nhà phân tích tìm kiếm câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu đã được đặt ra trước đó trong lĩnh vực này. Trước khi đi thực địa, nhà nghiên cứu xác định mục đích của nghiên cứu (ví dụ: cách sinh viên sử dụng công viên gần trường đại học), vạch ra lộ trình đi bộ và chuẩn bị các công cụ ghi chép - thường là sổ tay, máy ảnh, máy ghi âm và đôi khi là một hình thức để ghi lại các quan sát. Trong quá trình đi bộ, nhà nghiên cứu chú ý đến nhiều khía cạnh, chẳng hạn như các đặc điểm vật lý của không gian, hoạt động của mọi người, dấu vết và cách sử dụng không gian, bầu không khí và các giác quan, ví dụ như tiếng ồn, mùi, cảm giác an toàn, tâm trạng chung ở một địa điểm nhất định, v.v. Tất cả các quan sát đều được ghi lại, chụp ảnh hoặc ghi lại một cách liên tục. Điều quan trọng là tài liệu phải càng chi tiết càng tốt, vì điều này cho phép phân tích sâu hơn về tài liệu đã thu thập được sau này.

Làm việc nhóm – đi bộ nghiên cứu quanh địa điểm hoặc khu vực xung quanh (60 phút)

Nhiệm vụ của người hướng dẫn:

1. Thảo luận với những người tham gia về hình thức đi bộ nghiên cứu bằng cách sử dụng tài liệu có sẵn trong tài liệu dự án (phần 2 – Công cụ thu hút sự tham gia của công dân và trao quyền cho cộng đồng) và giải thích các quy tắc để tiến hành quan sát.
2. Trình bày chi tiết về quá trình quan sát tích cực trong quá trình đi bộ cho người tham gia:
 - nơi tiến hành quan sát;
 - những người cần được quan sát;
 - cần chú ý điều gì;
 - những gì có thể thảo luận với những người được quan sát.
3. Trình bày chủ đề nghiên cứu cho người tham gia.
4. Tham vấn liên tục về nhiệm vụ mà nhóm đang thực hiện.

Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm:

1. Phân chia vai trò trong nhóm (người điều phối, thư ký, nhiếp ảnh gia, người quan sát, người phỏng vấn, v.v.).
2. Thảo luận về chủ đề hội thảo.
2. Tiến hành quan sát dưới hình thức đi bộ nghiên cứu.
3. Chuẩn bị trình bày kết luận từ các quan sát.

Một ví dụ về một dự án có thể là chủ đề của chuyến đi quan sát.

Không gian học thuật bền vững¹

Chuyến đi này tập trung vào trụ cột Môi trường Thông minh. Nhiệm vụ của nhóm là quan sát cách trường đại học quản lý "thông minh" các nguồn lực như chất thải, nước và năng lượng trong không gian học thuật. Mục tiêu là xác định những điểm chưa hiệu quả và đề xuất các cải tiến cụ thể,

¹Bài tập này cũng có thể áp dụng cho môi trường học tập cân bằng.

thường là về mặt công nghệ, đồng thời quan sát hành vi của sinh viên và nhân viên trường đại học liên quan đến việc tạo ra chất thải, sử dụng nước và năng lượng. Nhiệm vụ của nhóm cũng là thu thập ý kiến của các bên liên quan sử dụng không gian học thuật về vấn đề này. Để hoàn thành nhiệm vụ này, nhóm có thể chia thành nhiều nhóm nhỏ hơn để phân tích, trong số những vấn đề khác: Thùng phân loại rác được đặt ở đâu? Chúng có được đánh dấu rõ ràng không? Thùng rác có thường xuyên bị đầy hoặc rỗng không?

Có nguồn nước uống nào trong khuôn viên trường có thể giúp giảm lượng tiêu thụ nhựa không?

Loại đèn nào được sử dụng ở hành lang và bên ngoài? Đèn được bật trong phòng trống hay ban ngày? Bạn có thấy tấm pin mặt trời, cảm biến chuyển động điều khiển đèn hoặc các thiết bị lưới điện thông minh khác không?

IV. Trình bày kết quả bài tập của nhóm (30 phút)

Nhóm trình bày và nhận xét về kết quả của chuyến đi nghiên cứu, sử dụng hình ảnh, bản ghi âm và ghi chép, cùng nhiều tài liệu khác. Sau bài thuyết trình, sẽ có một cuộc thảo luận về không gian học thuật bên vững mục tiêu, xem xét kết quả quan sát. Không chỉ kết quả của chuyến đi quan sát được xem xét, mà còn cả diễn biến của chuyến đi, sự tham gia bình đẳng của mỗi sinh viên vào bài thuyết trình, và việc sử dụng các hình thức quan sát khác nhau. Giảng viên đặt thêm câu hỏi cho người tham gia để kiểm tra kiến thức đã tiếp thu trong lớp học.

V. Đánh giá bài làm của nhóm của giảng viên hướng dẫn (15 phút)

Giảng viên nên đánh giá công việc của những người tham gia đi quan sát bằng các tiêu chí sau:

- chất lượng quan sát và các khía cạnh của vấn đề quan sát được đưa vào xem xét;
- các công cụ và phương pháp quan sát được sử dụng trong quá trình đi bộ, ví dụ như ảnh, bản ghi âm, phỏng vấn, v.v.
- sự tham gia của từng thành viên trong nhóm.

Mỗi đội sẽ nhận được phản hồi bằng lời từ người hướng dẫn.

VI. Tóm tắt (15 phút)

Kết luận chính từ lớp học (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên)

Các thành phố hiện đại đang phải chịu những thay đổi liên tục về xã hội, công nghệ và khí hậu, nhưng họ cũng tập trung vào phát triển bền vững dựa trên tiềm năng của tất cả cư dân, trong đó người trẻ đang trở thành một nhóm đặc biệt quan trọng. Là những người sử dụng không gian đô thị lâu dài trong tương lai, người trẻ nên có tiếng nói thực sự trong việc định hình không gian này. Việc thu hút người trẻ không còn bị coi là một động thái bên lề, mà là một khoản đầu tư chiến lược cho hiện tại và tương lai của thành phố, nhằm tạo ra một không gian đáp ứng nhu cầu của họ và khuyến khích họ ở lại.

Một cách tiếp cận sáng tạo trong phát triển đô thị là khái niệm thành phố thông minh. Thành phố thông minh sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) hiện đại và Internet vạn vật (IoT) để cải thiện chất lượng cuộc sống, nâng cao hiệu quả dịch vụ đô thị và đảm bảo phát triển bền vững. Nền tảng của thành phố thông minh là việc tích hợp và phân tích dữ liệu thời gian thực được thu thập từ mạng lưới cảm biến và camera. Được xử lý bởi các hệ thống tiên tiến, bao gồm trí tuệ nhân tạo, dữ liệu này cho phép tối ưu hóa tài nguyên và đưa ra quyết định tốt hơn.

Giới trẻ nổi bật với vai trò là người tham gia vào các quá trình mang tính tham gia nhờ một số đặc điểm, chẳng hạn như năng lực công nghệ bẩm sinh, cởi mở với thử nghiệm, sáng tạo và tư duy lấy người dùng làm trọng tâm, thúc đẩy đổi mới. Trọng tâm mạnh mẽ vào phát triển bền vững và kỳ vọng cao về tính minh bạch từ chính quyền khiến họ trở thành những người ủng hộ chính sách đô thị có trách nhiệm. Đồng thời, họ được đặc trưng bởi tính thực dụng, tư duy hợp tác và tầm nhìn dài hạn, xuất phát từ nhận thức rằng họ sẽ phải gánh chịu hậu quả từ những quyết định hiện tại. Để nghiên cứu những hiện tượng và nhu cầu này, các phương pháp nghiên cứu như quan sát được sử dụng. Phương pháp này bao gồm việc theo dõi một cách có hệ thống hành vi trong môi trường tự nhiên và có thể được thực hiện dưới hình thức quan sát bên ngoài (người quan sát không tham gia vào các hoạt động) hoặc quan sát có sự tham gia (nhà nghiên cứu tương tác với nhóm được nghiên cứu). Chìa khóa thành công của phương pháp này là sự thấu hiểu, tỉ mỉ và khách quan, tức là tính công bằng và tránh những đánh giá chủ quan. Trong bối cảnh của giới trẻ, việc học quan sát khách quan là một bài học quý giá về tư duy phản biện và là nền tảng cho sự phát triển năng lực công dân.

Một công cụ quan sát đặc biệt là đi bộ nghiên cứu. Đây là một chuyến đi có chủ đích, có cấu trúc qua một không gian cụ thể để thu thập dữ liệu về chức năng, đặc điểm vật lý và tương tác của con người. Được trang bị các công cụ ghi chép, nhà nghiên cứu chủ động phân tích môi trường dựa trên các câu hỏi được xác định trước, chú ý đến các chi tiết, bầu không khí và dấu hiệu sử dụng. Phương pháp này cho phép "đắm chìm" vào môi trường đang nghiên cứu và hiểu nó từ góc nhìn của trải nghiệm trực tiếp.

Việc kích hoạt thanh thiếu niên một cách hệ thống, dựa trên việc thấu hiểu những đặc điểm và nhu cầu riêng biệt của họ (ví dụ thông qua các phương pháp quan sát), là một quá trình cùng có lợi. Thành phố được tiếp thêm năng lượng và sự đổi mới, trong khi thanh thiếu niên có được nền tảng phát triển và ảnh hưởng thực sự, đây chính là khoản đầu tư chắc chắn nhất cho một tương lai năng động và chống chịu khủng hoảng cho bất kỳ trung tâm đô thị nào.

Đề tài:**Đạo đức, trách nhiệm, hòa nhập xã hội trong quá trình ra quyết định****Mục tiêu chung của khóa học:**

Trình bày cho người tham gia về vai trò và tầm quan trọng của đạo đức, trách nhiệm và hòa nhập xã hội trong quá trình ra quyết định, cũng như rèn luyện kỹ năng tổ chức các hội thảo hỗ trợ việc ra quyết định bằng công cụ "Thách thức và Cơ hội", đặc biệt là trong việc xác định những thách thức và cơ hội quan trọng ở giai đoạn đầu của quá trình thiết kế, ví dụ như không gian công cộng hoặc dịch vụ. Điều này giúp đưa ra quyết định cuối cùng về việc tiếp tục hay hủy bỏ một dự án.

Phạm vi lớp học:

1. Chiều hướng đạo đức của hoạt động chính quyền địa phương.
2. Trách nhiệm đối với các quyết định được đưa ra trong các vấn đề công cộng.
3. Nguyên tắc hòa nhập xã hội trong quá trình ra quyết định.
4. Lập bản đồ các thách thức và cơ hội như một phần của hội thảo "Thách thức và Cơ hội".

Tổng thời lượng buổi học :

180 phút, bao gồm: phần lý thuyết - 60 phút và phần thực hành - 120 phút

Kết quả học tập đạt được trong suốt khóa học:

Các lĩnh vực học tập	Kết quả học tập	Phương pháp xác minh kết quả học tập
Kiến thức	1. Sinh viên có kiến thức cơ bản về đạo đức và trách nhiệm ra quyết định trong hoạt động của chính quyền địa phương	Thảo luận trong các lớp học, bao gồm sau phần lý thuyết và như một phần của phần tóm tắt
	2. Học sinh/sinh viên biết các nguyên tắc cơ bản của hòa nhập xã hội trong quá trình ra quyết định	
	3. Học sinh/sinh viên biết các nguyên tắc tổ chức và thực hiện hội thảo "Thách thức và Cơ hội" và lập bản đồ các thách thức và cơ hội cho bất kỳ dự án cộng đồng địa phương nào	
Kỹ năng và thái độ	1. Học sinh có thể phân biệt giữa hành vi đạo đức và phi đạo đức điển hình trong chính quyền địa phương	Đánh giá các bài thuyết trình của nhóm như một phần của bài tập
	2. Sinh viên có thể xác định các ví dụ về hòa nhập xã hội trong các quá trình ra quyết định ở chính quyền địa phương và các ví dụ về các dự án mà họ có thể áp dụng	
	3. Học sinh có khả năng lập bản đồ đơn giản về những thách thức và cơ hội cho bất kỳ dự án nào liên quan đến cộng đồng địa phương	

Kế hoạch bài học**I. Giới thiệu chủ đề (45 phút)**

Chào đón người tham gia:

Trình bày mục tiêu và kế hoạch bài học.

Giới thiệu lý thuyết vào lớp (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên)

Sứ mệnh của chính quyền địa phương là chăm lo cho sự thịnh vượng của cộng đồng, được thể hiện qua việc xây dựng niềm tin xã hội bền vững. Các trụ cột chính mà quá trình này dựa trên là đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm giải trình với các bên liên quan tại địa phương và sự tham gia thực sự của người dân vào quá trình ra quyết định. Ba yếu tố này, đan xen vào nhau, tạo thành nền tảng của một nền quản trị tốt.

Đạo đức trong quản lý chính quyền địa phương là một tập hợp các giá trị và nguyên tắc đặt ra các tiêu chuẩn ứng xử cho cán bộ và công chức, vượt ra ngoài các yêu cầu tối thiểu được quy định trong luật. Các nguyên tắc như trung thực, thượng tôn pháp luật, công bằng, chuyên nghiệp, minh bạch và trách nhiệm giải trình nên là kim chỉ nam cho hành vi của những người đại diện cho chính quyền địa phương. Những người đưa ra quyết định thay mặt chính quyền địa phương nên được hướng dẫn bởi các nguyên tắc này, có tính đến lợi ích của các bên liên quan khác nhau. Một ví dụ về hành vi đạo đức là việc đối xử công bằng với các nhóm đối tượng thụ hưởng trong quy trình ngân sách của chính quyền địa phương, trong khi một ví dụ về hành vi phi đạo đức trong trường hợp này là việc cố tình bỏ sót một nhóm các bên liên quan quá yếu kém để khẳng định quyền của họ.

Tiêu chuẩn đạo đức cao hợp thức hóa các hành động của chính quyền và xây dựng niềm tin rằng các quyết định được đưa ra một cách công bằng, minh bạch và không bị chi phối bởi lợi ích cá nhân. Cách tiếp cận đạo đức của chính quyền địa phương tạo dựng niềm tin giữa các bên liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai ngay cả những cái cách khó khăn và huy động cộng đồng cùng hành động.

Đạo đức trong chính quyền địa phương là rào cản hiệu quả nhất đối với sự phát triển của tham nhũng và nạn gia đình trị. Đó là lý do tại sao nhiều chính quyền địa phương chính thức hóa các nguyên tắc đạo đức của mình bằng cách ban hành các văn bản nội bộ điều chỉnh những vấn đề này, chẳng hạn như Bộ Quy tắc Đạo đức, trong đó nhấn mạnh tính chất phục vụ của công chức đối với cộng đồng địa phương. Mặc dù các văn bản này không phải là nguồn luật áp dụng chung, nhưng chúng đóng vai trò quan trọng trong việc định hình văn hóa tổ chức của cơ quan.

Trách nhiệm trong việc ra quyết định nghĩa là chịu trách nhiệm về hậu quả của hành động. Nhiệm vụ của người ra quyết định bao gồm thu thập và phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn khác nhau và tác động tiềm tàng của chúng, đưa ra quyết định cuối cùng và thực hiện quyết định đó, cũng như theo dõi tác động của quyết định và thực hiện bất kỳ điều chỉnh cần thiết nào.

Trách nhiệm của chính quyền địa phương có thể được đánh giá trên nhiều phương diện. Trách nhiệm pháp lý đóng vai trò then chốt, bao gồm trách nhiệm hình sự (ví dụ đối với hành vi vi phạm pháp luật), trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm tài chính đối với thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật gây ra. Trách nhiệm giải trình chính trị đối với cử tri, những người đã bầu ra chính quyền địa phương và giao phó cho họ quản lý công việc, cũng quan trọng không kém. Hình thức trách nhiệm giải trình này là nền tảng của chính quyền tự quản địa phương, đảm bảo chính quyền địa phương đáp ứng nhu cầu và ý kiến của người dân.

Trách nhiệm quản lý, liên quan đến việc quản lý hiệu quả và tiết kiệm ngân sách công, cũng đang ngày càng được chú trọng, và trách nhiệm xã hội, bao gồm việc hành động bền vững và cân nhắc đến phúc lợi của các thế hệ tương lai. Các cơ chế giải trình được xác định rõ ràng và thực thi hiệu quả tạo ra cảm giác rằng chính quyền không tránh khỏi sự trừng phạt và hành động của họ phải chịu sự giám sát, điều này cũng củng cố niềm tin của người dân.

Trách nhiệm đưa ra quyết định thường mang tính tài chính và liên quan đến việc thực thi pháp luật, ngay cả khi điều này không phải là điều xã hội mong muốn. Một ví dụ điển hình là quyết định rút trợ cấp cho một mục đích xã hội quan trọng nếu khoản trợ cấp đó được thực hiện vi phạm pháp luật.

Đạo đức và trách nhiệm gắn liền chặt chẽ với sự tham gia của công dân, tức là sự tham gia vào quá trình ra quyết định. Đây là một sự bổ sung đặc biệt quan trọng cho các hành động đạo đức và có trách nhiệm, vì chính người dân là người hiểu rõ nhất nhu cầu và vấn đề của họ. Việc người dân tham gia vào quá trình ra quyết định mang lại những lợi ích đáng kể: nó dẫn đến những quyết định tốt hơn, chính xác hơn, đáp ứng nhu cầu xã hội thực tế; nó làm tăng sự chấp thuận đối với các hành động của chính quyền và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chúng; nó xây dựng vốn xã hội, củng cố mối quan hệ và ý thức về bản sắc địa phương. Các hoạt động của chính quyền địa phương cho phép sử dụng một loạt các công cụ cho phép người dân có tác động thực sự đến quá trình ra quyết định. Những công cụ này bao gồm tham vấn cộng đồng, cho phép người dân bày tỏ ý kiến của họ về các hoạt động đã được lên kế hoạch, dự thảo nghị quyết hoặc chiến lược phát triển. Mặc dù kết quả của chúng thường không mang tính ràng buộc, nhưng chúng là một nguồn thông tin quý giá cho chính quyền và là một hình thức đối thoại với cộng đồng. Trong quá trình này, công cụ "Thách thức và Cơ hội" có thể được sử dụng, rất hữu ích trong việc xác định các rào cản tiềm ẩn và các yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các dự án thường là chủ đề của tham vấn.

Tóm lại, đạo đức, trách nhiệm giải trình và việc ra quyết định có sự tham gia không chỉ là những khái niệm trừu tượng mà còn là những công cụ thiết thực cho việc quản lý công hiệu quả ở cấp địa phương. Một chính quyền địa phương hành động dựa trên các nguyên tắc đạo đức minh bạch, thực sự chịu trách nhiệm về các quyết định của mình và có khả năng đối thoại cởi mở với người dân sẽ xây dựng nền tảng cho một cộng đồng vững mạnh và tận tâm.

Tài liệu bổ sung cho phần lý thuyết (mở rộng kiến thức):

1. Tài liệu dự án, bao gồm:

- Phần 1 – Phương pháp xây dựng và giảng dạy khóa học: Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của người dân vào phát triển đô thị.
- Phần 2 – Công cụ để thu hút người dân và trao quyền cho cộng đồng
- phần 3 – Hướng dẫn và khuyến nghị chính sách cho chính quyền địa phương/khu vực về: Cách làm việc với người dân.
- Phụ lục – nghiên cứu điển hình

2. Trang web của các tổ chức phi chính phủ châu Âu giải quyết các vấn đề về đạo đức và trách nhiệm giải trình trong đời sống công cộng:

- Tổ chức Minh bạch Quốc tế EU
<https://transparency.eu/>
- ALDA - Hiệp hội Dân chủ Địa phương Châu Âu
<https://www.alda-europe.eu/>
- Đôi tác Chính phủ Mở (OGP)
<https://www.opengovpartnership.org/>
- Hội đồng Châu Âu - Trung tâm Chuyên môn về Quản trị Tốt
<https://www.coe.int/en/web/good-governance>

3. Bài báo khoa học:

- Stander, A. (2022). Đạo đức trong Chính quyền địa phương. Tạp chí CIGFARO (Viện Kiểm toán và Quản lý Rủi ro Tài chính Chính phủ), 23(1), 14-20.
- Svara, JH (2021). Cẩm nang đạo đức dành cho cán bộ quản lý công trong các tổ chức chính phủ và phi lợi nhuận. Jones & Bartlett Learning.
- Farazmand, A. (Biên tập). (2023). Bách khoa toàn thư toàn cầu về hành chính công, chính sách công và quản trị. Springer Nature.

II. Phần hỏi đáp (15 phút)

Giảng viên tham gia thảo luận với những người tham gia để đảm bảo rằng họ hiểu nội dung được trình bày và khuyến khích họ đặt câu hỏi và chia sẻ ý kiến cũng như kinh nghiệm của riêng mình về các ví dụ về hành động đạo đức và phi đạo đức, cũng như các ví dụ về hành động liên quan đến nhiều loại quyết định khác nhau trong chính quyền địa phương, bao gồm các ví dụ về hòa nhập xã hội trong quá trình ra quyết định.

III. Bài tập (60 phút)

Hòa nhập xã hội của người dân vào quá trình ra quyết định liên quan đến việc thực hiện một dự án công thông qua việc tham gia hội thảo "Thách thức và Cơ hội"

Giới thiệu bài tập (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên , 15 phút)

Hội thảo "Thách thức và Cơ hội" có thể được sử dụng ở giai đoạn đầu của các dự án liên quan đến, ví dụ, phát triển không gian công cộng hoặc triển khai các dịch vụ công. Công cụ này được sử dụng để xác định những thách thức và rào cản tiềm ẩn cũng như các yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các loại dự án khác nhau mà cộng đồng địa phương là bên liên quan. Ngoài ra, việc sử dụng công cụ này nên được kết hợp với việc ra quyết định có đạo đức, có trách nhiệm và bao trùm, mà hậu quả của nó sẽ ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương. Việc sử dụng công cụ này cho phép có một cái nhìn cân bằng về dự án, để các nhóm bên liên quan khác nhau có thể thấy được cả những yếu tố có thể cản trở hoặc hạn chế việc triển khai dự án và những yếu tố sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai và giảm thiểu các tác động tiêu cực tiềm ẩn. Sự tham gia của đại diện từ các nhóm bên liên quan khác nhau, đại diện cho các quan điểm và ý kiến khác nhau về việc triển khai dự án, thể hiện trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc đối thoại với cộng đồng địa phương, cho phép tính khách quan trong quá trình chuẩn bị dự án và đảm bảo tính bao trùm của quá trình này. Trong hội thảo, quý vị có thể sử dụng bản đồ thách thức và cơ hội (Bảng 1).

Bảng 1. Bản đồ các thách thức và cơ hội cho dự án xây dựng khu vui chơi giải trí cho trẻ em và thanh thiếu niên trong công viên thành phố

Khu vực	Thách thức	Những cơ hội
Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Phá hoại Đảm bảo an toàn Thích ứng với nhu cầu của các nhóm tuổi khác nhau và những người 	<ul style="list-style-type: none"> Hội nhập xã hội và liên thế hệ Thúc đẩy lối sống năng động và lành mạnh Cải thiện hình ảnh và sức hấp dẫn của thành phố

	<ul style="list-style-type: none"> • Có nhu cầu khác nhau • Rào cản quan liêu và thủ tục chính thức 	<ul style="list-style-type: none"> • Tăng cường an toàn trong khu phố • Tạo ra một không gian thân thiện với thanh thiếu niên
Thuộc kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo nguồn vốn đầu tư cũng như nguồn vốn bảo trì khu vực và trang thiết bị 	<ul style="list-style-type: none"> • Tạo ra không gian nơi có thể tạo ra việc làm, ví dụ như dịch vụ ăn uống, vị trí cho nhân viên chịu trách nhiệm duy trì không gian • Tăng giá trị của bất động sản xung quanh
Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> • Những kỳ vọng khác nhau và xung đột lợi ích giữa những người sử dụng công viên – những người "bảo vệ môi trường" so với những người "ủng hộ việc phục hồi công viên" • Các hạn chế đầu tư liên quan đến di tích thiên nhiên và các công ty bảo tồn thiên nhiên khác trong công viên 	<ul style="list-style-type: none"> • Khả năng giới thiệu các giải pháp sáng tạo và thân thiện với môi trường • Thành lập trung tâm giáo dục môi trường

Nguồn: nghiên cứu riêng

Làm việc nhóm – tiến hành hội thảo “Thách thức và Cơ hội” với đại diện của ba nhóm bên liên quan: sinh viên (học sinh), giảng viên (giáo viên) và cán bộ hành chính của trường đại học (trường) (45 phút)

Nhiệm vụ của người dẫn dắt hội thảo:

1. Thảo luận về kịch bản của hội thảo "Thách thức và Cơ hội" với những người tham gia (phần 2 – Công cụ thu hút sự tham gia của công dân và trao quyền cho cộng đồng) và giải thích các quy tắc đề tạo bản đồ về thách thức và cơ hội.
2. Trình bày nội dung cụ thể của hội thảo cho người tham dự:
 - xác định những bên liên quan nên được mời tham gia hội thảo;
 - vai trò người điều hành và thư ký hội thảo;
 - các khía cạnh liên quan đến đạo đức, trách nhiệm đối với các quyết định và tính bao hàm của quy trình cần được lưu ý khi tổ chức hội thảo;
 - cách thức giao tiếp với các bên liên quan để đảm bảo quyền tiếp cận thông tin về hội thảo và sự tham gia của đại diện tất cả các nhóm bên liên quan;
 - cách trình bày chủ đề hội thảo một cách khách quan;
 - kịch bản hội thảo;
 - đánh giá kết quả hội thảo.
3. Chỉ định đại diện của từng nhóm bên liên quan và người điều hành hội thảo.
4. Tham vấn liên tục về các nhiệm vụ do nhóm thực hiện.

Nhiệm vụ của người tham gia trong từng nhóm:

1. Phân chia vai trò trong nhóm (người điều phối, thư ký, đại diện của từng nhóm bên liên quan).
2. Thảo luận về chủ đề hội thảo.
2. Chuẩn bị bản đồ phù hợp với tính chất cụ thể của dự án.
3. Chuẩn bị cho phần trình bày bản đồ của người điều hành và thư ký.

Một ví dụ về một dự án có thể là chủ đề của hoạt động nhóm.

Hãy làm cho thư viện của chúng ta trở nên sống động – hãy tạo ra một khu vực học tập và thư giãn hiện đại

Thư viện học thuật (trường học) của chúng tôi hiện chủ yếu được coi là một thư viện cho mượn sách yên tĩnh, nghĩa là hiếm khi thu hút người dùng vào thời gian rảnh rỗi. Hơn nữa, hành lang lại ồn ào và các bạn trẻ không có không gian để cùng nhau nghỉ ngơi trong một bầu không khí thân thiện và sáng tạo. Dự án bao gồm việc chuyển đổi một phần thư viện thành một khu vực đa chức năng, sẽ trở thành trung tâm của đời sống học thuật (trường học). Mục tiêu là tạo ra một không gian, một mặt tiếp tục thúc đẩy việc đọc sách, mặt khác, đáp ứng nhu cầu xã hội của tất cả người dùng không gian học thuật (trường học). Dự án dự kiến sẽ tách biệt và trang bị hai góc liền kề:

- khu vực thư giãn: ghế dài thoải mái, bàn thấp và trò chơi trên bàn;
- khu vực làm việc yên tĩnh: nhiều bàn làm việc và có điện.

IV. Trình bày kết quả thực hiện bài tập của nhóm (30 phút)

Một nhóm gồm người điều phối hội thảo, thư ký và đại diện của ba nhóm bên liên quan trình bày và giải thích cách lập bản đồ thách thức và cơ hội cho dự án đã phân tích. Sau phần trình bày, một cuộc thảo luận về hình dạng tối ưu của dự án được tiến hành, dựa trên các yếu tố được xác định bởi từng nhóm bên liên quan. Không chỉ hình dạng cuối cùng của bản đồ được xem xét, mà cả tiến trình của hội thảo, ví dụ như sự tham gia bình đẳng của đại diện mỗi nhóm bên liên quan trong quá trình thảo luận, cũng được xem xét. Giảng viên đặt thêm câu hỏi cho người tham gia để kiểm tra kiến thức đã tiếp thu được trong buổi học.

V. Đánh giá công việc nhóm của người hướng dẫn hội thảo (15 phút)

Người hướng dẫn nên đánh giá công việc của những người tham gia hội thảo dựa trên các tiêu chí sau:

- tính đầy đủ của bản đồ về việc xác định các thách thức và cơ hội;

- xem xét đúng mức các khía cạnh liên quan đến đạo đức, trách nhiệm đối với các quyết định và tính toàn diện của hội thảo;
 - sự tham gia của từng thành viên trong nhóm.
- Mỗi đội sẽ nhận được phản hồi bằng lời từ người hướng dẫn.

VI. Tóm tắt (15 phút)

Kết luận chính từ lớp học (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên)

Chìa khóa để xây dựng niềm tin của công chúng đối với chính quyền địa phương là hành động dựa trên ba trụ cột: đạo đức, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân vào quá trình ra quyết định. Những yếu tố này tạo thành nền tảng của quản trị tốt.

Đạo đức hành chính là một tập hợp các nguyên tắc, chẳng hạn như trung thực, công bằng và minh bạch, vượt ra ngoài các yêu cầu tối thiểu do pháp luật quy định. Hành vi đạo đức hợp pháp hóa thẩm quyền, xây dựng niềm tin vào sự công bằng của thẩm quyền và là rào cản hiệu quả nhất chống tham nhũng và gia đình trị. Nhiều chính quyền địa phương chính thức hóa các tiêu chuẩn này trong Bộ Quy tắc Đạo đức nội bộ, nhấn mạnh bản chất phục vụ của công chức.

Trách nhiệm giải trình nghĩa là gánh chịu hậu quả từ các quyết định của mình. Nó bao gồm nhiều khía cạnh: pháp lý (hình sự, kỷ luật), chính trị (trách nhiệm giải trình với cử tri), quản lý (liên quan đến việc quản lý hiệu quả các nguồn lực công) và xã hội. Các cơ chế trách nhiệm giải trình được xác định rõ ràng đảm bảo rằng những người nắm quyền lực không bị trừng phạt và phải chịu sự kiểm soát.

Sự tham gia ra quyết định (part-action) bổ sung cho các nguyên tắc trên. Việc thu hút những cư dân hiểu rõ nhất nhu cầu của mình sẽ dẫn đến những quyết định tốt hơn và chính xác hơn, tăng cường sự chấp nhận của họ và xây dựng vốn xã hội. Một trong những công cụ tham gia là tham vấn cộng đồng, trong đó có thể sử dụng hội thảo "Thách thức và Cơ hội". Với sự tham gia của nhiều nhóm bên liên quan, hội thảo này cho phép xác định các rào cản tiềm ẩn và các yếu tố thuận lợi cho việc triển khai dự án.

Chủ đề:

Các tổ chức phi chính phủ như là trung gian trong các quá trình tham gia công dân

Mục tiêu chung của khóa học:

Trình bày cho người tham gia về vai trò và tầm quan trọng của các tổ chức phi chính phủ trong các quá trình tham gia công dân, với trọng tâm đặc biệt vào nhiệm vụ trung gian của họ, đồng thời phát triển các kỹ năng và thái độ liên quan đến việc sử dụng công cụ lập bản đồ trong các quá trình dự án nhằm trực quan hóa và phân tích các mối liên hệ giữa các thành phần khác nhau của hệ thống, không gian hoặc quy trình, ví dụ như mối quan hệ giữa các bên liên quan và các hoạt động hỗ trợ quá trình tham gia công dân.

Phạm vi khóa học:

1. Giới thiệu về chủ đề tham gia công dân
2. Tầm quan trọng của các tổ chức phi chính phủ trong tham gia xã hội
3. Vai trò của các tổ chức phi chính phủ trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tham gia công dân
4. Lập bản đồ các vấn đề và mối quan hệ, đồng thời thiết kế các hoạt động hỗ trợ quá trình tham gia công dân

Tổng thời lượng khóa học:

180 phút, bao gồm: phần lý thuyết – 60 phút và phần thực hành – 120 phút

Các kết quả học tập đạt được trong khóa học:

Các lĩnh vực học tập	Kết quả học tập	Phương thức kiểm tra kết quả học tập
Kiến thức	1. Học viên có kiến thức cơ bản về quá trình tham gia công dân và các hình thức của nó. <i>Đánh giá:</i> Thảo luận trong lớp, bao gồm sau phần lý thuyết và trong phần tổng kết.	Thảo luận trong lớp, bao gồm sau phần lý thuyết và trong phần tổng kết
	2. Học viên hiểu vai trò của các tổ chức phi chính phủ trong các hoạt động tham gia và trong việc thúc đẩy quá trình tham gia công dân.	
	3. Học viên nắm được các nguyên tắc tạo bản đồ các mối quan hệ và hoạt động hỗ trợ quá trình tham gia công dân.	
Kỹ năng và thái độ	1. Học viên có khả năng nhận diện các ví dụ về các hình thức tham gia công dân. <i>Đánh giá:</i> Thông qua phần trình bày của các đội trong bài tập.	Đánh giá các bài trình bày của các đội trong khuôn khổ bài tập
	2. Học viên có khả năng nhận diện các lợi ích từ sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ trong quá trình tham gia công dân.	
	3. Học viên có khả năng phát triển một bản đồ đơn giản về các mối quan hệ và hoạt động hỗ trợ quá trình tham gia công dân.	

Kế hoạch bài học

I. Giới thiệu về chủ đề (45 phút)

Chào đón người tham gia:

- Giới thiệu mục tiêu và kế hoạch bài học.

Phân lý thuyết mở đầu lớp học (tài liệu hỗ trợ giảng viên)

Quá trình tham gia xã hội bao gồm sự tham gia tích cực của các công dân cá nhân hoặc các nhóm bên liên quan cụ thể (chính thức và phi chính thức) trong đời sống xã hội, chính trị và công cộng, từ đó gián tiếp giúp họ có ảnh hưởng đến các quyết định liên quan đến hoạt động của cộng đồng địa phương và môi trường xung quanh. **Tham gia công dân** là một hình thức của sự tham gia dân sự, cho phép cư dân cùng tạo lập và đồng quyết định các vấn đề địa phương.

Tham gia tích cực không phải là quan sát thụ động mà là sự tham gia chủ động vào việc khởi xướng và thực hiện các hoạt động xã hội, ra quyết định, tham vấn hoặc đồng quản lý. Điều này có thể thực hiện, ví dụ, thông qua việc tham gia vào các cuộc tham vấn công khai (khảo sát, họp, thăm dò ý kiến), hội thảo và tranh luận công khai, đồng quyết định về chi tiêu công trong khuôn khổ ngân sách tham gia, hoặc các sáng kiến công dân hay hội đồng xã hội với vai trò tư vấn. Quá trình tham gia công dân có thể bao gồm, ví dụ, hợp tác giữa các nhóm xã hội khác nhau hướng tới mục tiêu chung, như hợp tác giữa cư dân và các tổ chức địa phương yêu cầu tăng cường an toàn tại địa phương, hoặc sự tham gia của công dân vào các hoạt động do chính quyền khởi xướng, ví dụ như chuẩn bị chương trình tái tạo không gian công cộng.

Nhờ sự phát triển của quá trình tham gia công dân, niềm tin vào chính quyền đã được nâng cao và cư dân cũng như chính quyền đều có sự sẵn sàng cao hơn trong việc thực hiện thay đổi. Cảm giác trách nhiệm xã hội của cư dân đối với môi trường sống của họ cũng tăng lên, cùng với việc phát triển các kỹ năng quản lý và xã hội của họ.

Quá trình tham gia công dân bị hạn chế bởi bất bình đẳng xã hội, thiếu giáo dục, phân biệt đối xử và nhận thức xã hội thấp. Do đó, việc đảm bảo tiếp cận công bằng, giáo dục và minh bạch trong quá trình ra quyết định là vô cùng quan trọng. **Các tổ chức phi chính phủ (NGO)** đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động này, thực hiện chức năng then chốt trong xã hội dân sự và củng cố quá trình tham gia công dân.

Các NGO khuyến khích công dân tham gia vào các vấn đề công và xã hội, đồng thời hỗ trợ công dân và các nhóm xã hội giải quyết vấn đề. Một nhiệm vụ quan trọng là xây dựng không gian đối thoại giữa các nhóm bên liên quan khác nhau, đặc biệt trong những trường hợp hành động liên quan đến các thách thức có thể ảnh hưởng đến lợi ích của các bên. Không giống các cơ quan nhà nước, kể cả chính quyền địa phương hay các tổ chức kinh tế, NGO là các thực thể độc lập và các hoạt động của họ thường tập trung vào các lĩnh vực quan trọng về xã hội như giáo dục, môi trường, trợ giúp xã hội và quyền công dân. Ba vai trò chủ đạo của các tổ chức phi chính phủ có thể được xác định:

- Thúc đẩy sự tham gia của công dân** – NGO hỗ trợ cộng đồng địa phương trong việc đồng quyết định các vấn đề quan trọng với môi trường sống của họ, ví dụ: tham gia tham vấn công khai, thực hiện các chiến dịch thông tin hoặc thực hiện các sáng kiến chung thay mặt công dân;
- Hỗ trợ giải quyết vấn đề xã hội** – NGO lấp đầy khoảng trống mà các cơ quan công không thể tiếp cận, tức là hỗ trợ những người bị thiệt thòi, giúp người cao tuổi, tổ chức các hoạt động cho thanh thiếu niên, và thường đóng vai trò đại diện xã hội trong những vấn đề khó khăn và nhạy cảm đối với cộng đồng, như các hành động của chính quyền hoặc các tổ chức kinh tế;

c) Ảnh hưởng đến chính sách công – thông qua các hoạt động giáo dục, chiến dịch xã hội và tham gia tích cực vào quá trình ra quyết định, NGO có thể truyền cảm hứng thay đổi luật pháp hoặc, ví dụ, trong các chiến lược phát triển của các đơn vị chính quyền địa phương, thậm chí ảnh hưởng đến việc triển khai các dự án công hoặc thương mại.

Các NGO đóng vai trò then chốt trong việc huy động công dân tham gia vào quá trình ra quyết định. Họ hoạt động vì lợi ích của xã hội, đại diện cho lợi ích của các nhóm khác nhau và giúp hình thành chính sách công. Các hoạt động của họ bao gồm nhiều lĩnh vực quan trọng:

a) Trung gian giữa công dân và cơ quan quản lý, chính quyền – NGO tổ chức hoặc tạo điều kiện tham vấn công khai để thu thập ý kiến của cư dân và các nhóm bên liên quan khác về các vấn đề quan trọng với cộng đồng, sau đó chuyển các đề xuất này tới, ví dụ, chính quyền địa phương, từ đó tác động chính thức đến các quyết định liên quan đến các nhóm bên liên quan và các quy định địa phương hoặc quốc gia;

b) Hoạt động vận động (advocacy) – NGO thực hiện các chiến dịch xã hội, giáo dục và thông tin nhằm nâng cao nhận thức công dân và huy động cư dân tham gia tích cực vào đời sống công;

c) Giám sát hành động của chính quyền – NGO giám sát các quyết định hành chính, phân tích hiệu quả và can thiệp trong các trường hợp, ví dụ, vi phạm quyền công dân hoặc quản lý kém quỹ công;

d) Tạo không gian đối thoại – NGO tổ chức các hoạt động tham gia như tranh luận, họp mặt và hội thảo cho phép cư dân bày tỏ ý kiến và cùng tạo ra các giải pháp cho cộng đồng;

e) Hỗ trợ trực tiếp cho công dân – NGO giúp cư dân giải quyết các vấn đề địa phương, ví dụ vấn đề xã hội, bằng cách tổ chức các sáng kiến khác nhau và cung cấp công cụ để hành động hiệu quả và hợp tác với các cơ quan công.

Ví dụ về các hoạt động của NGO ảnh hưởng đến cộng đồng:

- Các hiệp hội địa phương chăm sóc không gian đô thị – tổ chức họp mặt, lập bản đồ vấn đề và tham vấn với cư dân.
- Các quỹ hỗ trợ quyền công dân – giúp cộng đồng phát triển các giải pháp pháp lý và tổ chức.
- Các tổ chức môi trường thúc đẩy phát triển bền vững – khởi xướng các chiến dịch bảo vệ môi trường, hợp tác với cả cư dân và chính quyền.
- Các tổ chức địa phương làm đại diện cho cộng đồng, ví dụ trong các cuộc tham vấn công khai.
- Các tổ chức giải quyết các vấn đề cụ thể, ví dụ: giáo dục người thiệt thòi hoặc hòa nhập người di cư, đóng vai trò quan trọng trong đời sống cộng đồng vì thực hiện các hành động mà chính quyền địa phương thường chưa thực hiện đầy đủ.
- Các tổ chức chuyên môn về trợ giúp xã hội, ví dụ, đóng vai trò tư vấn quan trọng, ví dụ trong quá trình xây dựng luật pháp mới.

Các tổ chức phi chính phủ không chỉ khởi xướng thay đổi mà còn đóng vai trò quan trọng như những nhà giáo dục xã hội, ví dụ: hướng dẫn công dân cách cùng nhau hình thành không gian công cộng nơi cộng đồng địa phương sinh sống. Các hoạt động này được thực hiện trong nhiều lĩnh vực khác nhau, sử dụng các ngôn ngữ và kênh giao tiếp khác nhau, ví dụ: các hoạt động dành cho người cao tuổi khác với các hoạt động dành cho thanh thiếu niên và sinh viên. Điều quan trọng là thanh thiếu niên cần nhận thức rằng các NGO có thể là đối tác của họ trong việc giải quyết các vấn đề quan trọng của cộng đồng địa phương và rằng họ có thể tận dụng kiến thức và kinh nghiệm của các NGO vốn tồn tại để hỗ trợ công dân.

Tóm lại, các NGO có thể được mô tả là trung gian trong các quá trình tham gia công dân, vì các tổ chức này có tiềm năng tạo ra không gian đối thoại giữa cư dân và chính quyền địa phương, giúp xác định nhu cầu xã hội và thu thập ý kiến các bên liên quan, sau đó chuyển tiếp đến những người ra quyết định. Họ thường khởi xướng các cuộc họp, tham vấn, hội thảo và các hình thức tham gia xã

hội khác nhằm tìm ra các giải pháp chung thỏa mãn các nhóm bên liên quan khác nhau. Một trong những hoạt động của NGO là hỗ trợ thanh thiếu niên và sinh viên trong việc tiếp thu các năng lực công dân và khuyến khích họ trở nên năng động, ví dụ: thông qua hoạt động tình nguyện.

Tài liệu bổ sung cho phần lý thuyết (mở rộng kiến thức):

1. Tài liệu dự án, bao gồm:
 - Phần 1 – Phương pháp tạo lập và giảng dạy khóa học: Cách tiếp cận tham gia trong phát triển đô thị.
 - Phần 2 – Công cụ huy động công dân và trao quyền cộng đồng.
 - Phần 3 – Hướng dẫn và khuyến nghị chính sách cho chính quyền địa phương/khu vực về: Cách làm việc với công dân.
 - Phụ lục – các nghiên cứu tình huống.
2. Trang web của các tổ chức phi chính phủ châu Âu nổi bật làm việc vì xã hội dân sự:
 - European Civic Forum (ECF): www.civic-forum.eu

Civil Society Europe (CSE): www.civilsocietyeurope.eu

People in Need (PIN): www.peopleinneed.net

European Environmental Bureau (EEB): www.eeb.org

Friends of the Earth Europe: www.foeeurope.org

Greenpeace European Unit: www.greenpeace.org/eu-unit

1. Các bài báo khoa học:
 - Dean, R. (2023). Civic participation in the datafied Society | participatory governance in the digital age: from input to oversight. *International Journal of Communication*, 17, 20.
 - Jiang, L. (2022). Facilitating EFL students' civic participation through digital multimodal composing. *Language, Culture and Curriculum*, 35(1), 102-117.
 - Owusu-Agyeman, Y., & Fourie-Malherbe, M. (2021). Students as partners in the promotion of civic engagement in higher education. *Studies in Higher Education*, 46(6), 1241-1255.

II. Phiên hỏi đáp (15 phút)

Giảng viên tổ chức thảo luận với người tham gia để đảm bảo họ hiểu nội dung được trình bày và khuyến khích họ đặt câu hỏi, chia sẻ ý kiến và kinh nghiệm của mình liên quan đến các ví dụ về sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ trong quá trình tham gia xã hội.

III. Bài tập (60 phút)

Lập bản đồ vấn đề và mối quan hệ, thiết kế các hoạt động hỗ trợ quá trình tham gia công dân

Giới thiệu bài tập (tài liệu hỗ trợ giảng viên, 15 phút)

Lập bản đồ là công cụ được sử dụng trong các quá trình thiết kế, giúp trực quan hóa và phân tích mối quan hệ giữa các thành phần khác nhau của một hệ thống, không gian hoặc quá trình. Lập bản đồ giúp xác định các khu vực tương tác chính, những thách thức tiềm ẩn và cơ hội tối ưu hóa. Công cụ này cho phép tạo sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các thành phần tham gia, nguồn lực, vấn đề hoặc mục tiêu. Trong các quá trình tham gia tại những không gian bị bỏ quên, các bản đồ không

gian sử dụng trong quy hoạch đô thị và tái tạo không gian đóng vai trò quan trọng. Lập bản đồ giúp hiểu được sự phức tạp của các kết nối trong không gian và đưa ra quyết định tốt hơn, thông tin đầy đủ hơn.

Dưới đây là ví dụ về một bản đồ cho vấn đề thiếu không gian công cộng tại thành phố cho các buổi gặp gỡ và hoạt động của thanh niên. Phân tích do nhóm thanh niên thực hiện cho thấy việc bỏ qua nhu cầu của thanh niên trong thiết kế không gian công cộng là do:

- thiếu đối thoại xã hội trong lĩnh vực này và mức độ ưu tiên thấp của chính quyền địa phương đối với nhu cầu của thanh niên,
- quy hoạch không gian chưa hiệu quả trong thành phố.

Nhóm thanh niên đã chọn một NGO địa phương làm đại diện của họ trong lĩnh vực này, giúp họ xác định các nguồn lực hữu ích cho việc giải quyết vấn đề, bao gồm: các khu vực đô thị có sẵn, các tổ chức thanh niên quan tâm tổ chức hoạt động cho thanh niên và các công ty địa phương hỗ trợ sáng kiến xã hội.

Dựa trên kinh nghiệm hợp tác với NGO địa phương, nhóm thanh niên đã chuẩn bị bản đồ các mối quan hệ và hoạt động hỗ trợ quá trình tham gia công dân, giúp thiết lập đối thoại với chính quyền địa phương.

Bảng 1. Bản đồ các mối quan hệ và hoạt động hỗ trợ quá trình tham gia xã hội

Bên liên quan	Vai trò trong vấn đề	Mối quan hệ với các bên liên quan khác	Các hành động có thể thực hiện
1. Thanh niên là cư dân và người sử dụng không gian công cộng	Nhóm bị ảnh hưởng bởi thiếu không gian công cộng	NGO (tham gia các hoạt động, hỗ trợ chuyên môn cho thanh niên)	Huy động sự ủng hộ
		Chính quyền địa phương (quản lý ngân sách và không gian thành phố)	Tham gia các cuộc tham vấn
		Trường học trong thành phố (kích thích thanh niên tham gia hành động)	Quảng bá hoạt động trên mạng xã hội
		Doanh nghiệp địa phương (nhà tài trợ tiềm năng cho hoạt động thanh niên)	Hỗ trợ chính thức cho hoạt động thanh niên
2. NGO địa phương	Đại diện thanh niên, người thúc đẩy tham gia công dân	Cư dân, bao gồm thanh niên (hợp tác và đại diện)	Trình bày trước hội đồng thành phố
		Chính quyền địa phương (đối tác tham vấn)	Thiết kế thay đổi trong việc sử dụng không gian
		Doanh nghiệp địa phương (đối tác trong hoạt động CSR)	Tài trợ cho các hoạt động hướng tới thanh niên
		Trường học trong thành phố (đối tác trong hoạt động thanh niên)	Trình bày trước hội đồng thành phố
3. Chính quyền địa phương	Thực thể quyết định phát triển không gian công cộng và tài trợ các khoản đầu tư liên quan	NGO (đối thoại công dân)	Tham gia các cuộc tham vấn
		Trường học trong thành phố (hoạt động chung)	Sử dụng ngân sách thành phố cho hoạt động thanh niên
		Cư dân, bao gồm thanh niên (đáp ứng nhu cầu cộng đồng địa phương)	Tham gia tích cực trong các cuộc tham vấn và sử dụng kết quả tham vấn
		Doanh nghiệp địa phương (đối tác trong hoạt động CSR)	Hợp tác công-tư trong các hoạt động dành cho thanh niên
4. Trường học trong thành phố	Đối tác trong các hoạt động thúc đẩy giải trí cho học sinh	NGO (đối thoại công dân)	Chuẩn bị thanh niên cho đối thoại với chính quyền địa phương
		Cư dân, bao gồm thanh niên (đáp ứng nhu cầu)	Tăng cường tiếng nói của thanh niên

		câu cộng đồng địa phương)	niên trước chính quyền địa phương
		Chính quyền địa phương (tổ chức tham vấn công khai)	Giáo dục công dân
		Doanh nghiệp địa phương (đối tác trong hoạt động CSR)	Hợp tác công-tư trong các hoạt động dành cho thanh niên
5. Doanh nghiệp địa phương	Đối tác trong các hoạt động quan tâm tới chất lượng cuộc sống của gia đình nhân viên	NGO (đối thoại công dân)	Khuyến khích thanh niên hợp tác với NGO
		Chính quyền địa phương (quản lý không gian công cộng)	Hợp tác trong thực hiện các hoạt động CSR cho thanh niên
		Cư dân, bao gồm thanh niên (nhà tài trợ tiềm năng cho các hoạt động thanh niên)	Hỗ trợ chính thức cho hoạt động thanh niên, ví dụ thông qua CSR
		Trường học trong thành phố (hoạt động chung)	Hợp tác công-tư trong các hoạt động dành cho thanh niên

Nguồn: nghiên cứu riêng

Làm việc nhóm – tạo bản đồ các mối quan hệ và hoạt động hỗ trợ quá trình tham gia công dân (45 phút)

Nhiệm vụ của giảng viên:

1. Thảo luận với người học về bản đồ các mối quan hệ và hoạt động hỗ trợ quá trình tham gia công dân, sử dụng tài liệu có sẵn trong hồ sơ dự án (phần 2 – Công cụ thúc đẩy sự tham gia của công dân và trao quyền cho cộng đồng) và giải thích các quy tắc để tạo bản đồ.
2. Trình bày chi tiết quy trình tạo bản đồ cho người học:
 - o Xác định các bên liên quan trong quá trình;
 - o Mô tả vai trò của họ trong vấn đề;
 - o Thiết lập các mối quan hệ với các bên liên quan khác;
 - o Chọn các hoạt động có thể thực hiện để hỗ trợ quá trình tham gia công dân.
3. Chia người học thành ít nhất 3 nhóm.
4. Tư vấn liên tục về các nhiệm vụ do nhóm thực hiện.

Nhiệm vụ của người học trong từng nhóm:

1. Phân công vai trò trong nhóm.
2. Thảo luận về các vấn đề liên quan đến bài tập.
3. Chuẩn bị bản đồ phù hợp với đặc thù của quá trình.
4. Chuẩn bị trình bày bản đồ cho các nhóm khác, có tính đến phân công vai trò trong nhóm.

Giả định về ba vấn đề xã hội được bản đồ đề cập:

Nhóm A. Đóng một con đường có nhiều trường học để cấm giao thông
 Tại một thành phố, theo quy hoạch phát triển không gian, một khu “giáo dục” được tạo ra, gồm một trường mầm non, một trường tiểu học và vài trường trung học. Tuy nhiên, một con đường đông đúc chạy sát các tòa nhà trường học, đã xảy ra nhiều tai nạn liên quan đến người đi bộ. Các biển báo bổ sung tại các điểm giao cắt và các biện pháp giảm tốc độ giao thông không cải thiện nhiều. Lưu lượng ô tô đông vẫn gây nguy hiểm cho người đi bộ. Trẻ em và thanh thiếu niên đến trường trên con đường này, cùng phụ huynh và người giám hộ, yêu cầu đóng con đường này cho ô tô, nhằm cải thiện đáng kể an toàn công cộng trong khu vực.

Nhóm B. Thành lập hội đồng thành phố thanh niên

Tại một thị trấn ngoại ô nhỏ, các lãnh đạo địa phương đã liên tục thắng cử nhiều năm, tập trung vào các vấn đề quan trọng với cử tri của họ, trong khi bỏ qua các vấn đề của trẻ em và thanh niên chưa có quyền bầu cử. Thanh thiếu niên cảm thấy bị bỏ rơi và cho rằng chính quyền địa phương không hiểu quan điểm của họ về nhiều vấn đề liên quan đến cộng đồng. Họ nhận thấy thị trấn thiếu một người hoặc cơ quan đại diện cho quyền lợi và nhu cầu của họ trước hội đồng thành phố. Theo gương các thị trấn khác, họ quyết định thành lập hội đồng thành phố thanh niên, tin rằng điều này sẽ giúp hình thành những nhà lãnh đạo tương lai hiểu rõ hơn các vấn đề của thế hệ mình.

Nhóm C. Tạo ngân sách tham gia cho thanh thiếu niên

Tại một ngôi làng ngoại vi nhỏ, thiếu các sáng kiến thường nhật dành cho thanh niên hoặc do chính thanh niên lập kế hoạch và thực hiện. Vấn đề chính là phân bổ ngân sách của thị xã, trong đó chi phí lớn nhất là cho hành chính, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công khác, trong khi thiếu các dự án dành riêng cho thanh niên. Thanh thiếu niên đang tìm cách thuyết phục chính quyền địa phương phân bổ ngân sách cho hoạt động hướng tới thanh niên. Sau khi tham khảo các thực hành tốt từ nhiều nước, họ quyết định thuyết phục chính quyền phân bổ ít nhất một khoản nhỏ để tạo ngân sách tham gia dành cho thanh thiếu niên.

IV. Trình bày kết quả của các nhóm thực hiện bài tập (30 phút)

Mỗi nhóm trình bày và giải thích cách họ chuẩn bị bản đồ các mối quan hệ và hoạt động hỗ trợ quá trình tham gia công dân. Sau mỗi phần trình bày, các thành viên khác và giảng viên có thể đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn kết quả công việc của từng nhóm. Giảng viên sẽ đặt thêm câu hỏi để kiểm tra kiến thức mà người học đã tiếp thu trong lớp.

V. Đánh giá công việc nhóm bởi giảng viên (15 phút)

Giảng viên đánh giá phần trình bày của người học dựa trên các tiêu chí:

- Tính đầy đủ của bản đồ trong việc xác định các bên liên quan liên quan đến vấn đề;
- Xác định chính xác các mối quan hệ và hoạt động hỗ trợ quá trình tham gia công dân;
- Sự tham gia của từng thành viên trong nhóm.

Mỗi nhóm nhận phản hồi bằng lời từ giảng viên.

VI. Tổng kết (15 phút)

Các kết luận chính từ lớp học (tài liệu hỗ trợ giảng viên)

Quá trình tham gia xã hội là sự tham gia tích cực của công dân hoặc nhóm bên liên quan vào đời sống xã hội, chính trị và công cộng, cho phép họ có tiếng nói trong các vấn đề địa phương. Điều này được thực hiện thông qua tham gia tích cực vào các cuộc tham vấn, tranh luận, ngân sách tham gia và các sáng kiến khác.

Sự tham gia tích cực tăng niềm tin vào chính quyền, tăng sự sẵn sàng thay đổi, tăng cảm giác trách nhiệm chung với môi trường và phát triển kỹ năng xã hội, quản lý của cư dân.

Các rào cản tham gia xuất phát từ bất bình đẳng xã hội, thiếu giáo dục, phân biệt đối xử và nhận thức xã hội thấp. Do đó, cần đảm bảo quyền tiếp cận thông tin bình đẳng, giáo dục và minh bạch trong quá trình ra quyết định.

Các tổ chức phi chính phủ (NGO) đóng vai trò then chốt trong quá trình tham gia công dân bằng cách:

- Thu hút công dân tham gia các loại tham vấn và sáng kiến công dân;
- Hỗ trợ giải quyết vấn đề xã hội và đại diện cho các nhóm xã hội khác nhau;
- Ảnh hưởng đến chính sách công thông qua các chiến dịch giáo dục, tham gia quyết định, truyền cảm hứng thay đổi pháp luật, v.v.

NGO dạy công dân cách đồng sáng tạo không gian công cộng, điều chỉnh hoạt động theo các nhóm khác nhau (ví dụ: người cao tuổi, thanh thiếu niên). Hỗ trợ thanh niên phát triển năng lực công dân và tham gia tình nguyện là đặc biệt quan trọng.

NGO thường đóng vai trò là trung gian trong các quá trình tham gia công dân, tạo không gian đối thoại giữa cư dân và chính quyền, xác định nhu cầu xã hội và truyền đạt cho người ra quyết định. Họ khởi xướng và hỗ trợ các hình thức tham gia khác nhau, giúp xây dựng cộng đồng địa phương năng động, ý thức cao và có trách nhiệm.

Một trong những công cụ hỗ trợ thiết kế và triển khai quá trình tham gia công dân là **bản đồ hóa (mapping)**. Đây là công cụ trong các quá trình thiết kế giúp hình dung và phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố khác nhau của hệ thống, không gian hoặc quy trình. Nó giúp xác định các mối quan hệ giữa người tham gia, nguồn lực, vấn đề hoặc mục tiêu, đồng thời hỗ trợ hiểu rõ sự phức tạp của các kết nối trong không gian và ra quyết định tốt hơn, chính xác hơn.

Chủ đề:**Tham gia của công dân – cách xác định nhóm đối tượng liên quan trong các quy trình xã hội****Mục tiêu chung của khóa học:**

Trình bày cho người học tầm quan trọng của sự tham gia của công dân trong việc định hình và cải thiện môi trường địa phương; đồng thời phát triển các kỹ năng và thái độ liên quan đến việc xác định các nhóm bên liên quan khác nhau thông qua công cụ bản đồ các bên liên quan (*stakeholder map*) và phân tích nhu cầu của họ.

Nội dung khóa học:

1. Giới thiệu về chủ đề tham gia của công dân (*civic engagement*).
2. Vai trò của tham gia của công dân trong việc định hình và cải thiện môi trường địa phương.
3. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tham gia xã hội trong các quy trình mang tính tham gia.
4. Bản đồ các bên liên quan (*stakeholder map*) như một công cụ hỗ trợ sự tham gia của công dân.
5. Xác định các nhóm bên liên quan dựa trên bản đồ này thông qua việc xác định mối quan hệ và mức độ gắn gũi của họ với vấn đề đang được phân tích.
6. Chẩn đoán nhu cầu của các nhóm bên liên quan trong bối cảnh vấn đề được xem xét.

Tổng thời lượng khóa học:

180 phút, bao gồm:

- **Phần lý thuyết:** 60 phút
- **Phần thực hành:** 120 phút

Kết quả học tập đạt được sau khóa học:

Các lĩnh vực học tập	Kết quả học tập	Phương thức kiểm tra kết quả học tập
Kiến thức	1. Người học có kiến thức cơ bản về tham gia của công dân (<i>civic engagement</i>) và vai trò của nó trong phát triển địa phương.	Thảo luận trong lớp, bao gồm sau phần lý thuyết và trong phần tổng kết.
	2. Người học biết các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sự quan tâm của các bên liên quan đối với việc tham gia vào quá trình công dân.	
	3. Người học biết các nguyên tắc sử dụng bản đồ các bên liên quan (<i>stakeholder map</i>) như một công cụ hỗ trợ sự tham gia của công dân.	
Kỹ năng và thái độ	1. Người học có khả năng xác định các nhóm bên liên quan cơ bản và chỉ ra nhu cầu của họ liên quan đến vấn đề được phân tích	Đánh giá các bài trình bày theo nhóm trong phần bài tập.
	2. Người học có khả năng đánh giá mối quan hệ giữa các nhóm bên liên quan cơ bản trong mối liên hệ với vấn đề đang được phân tích (mức độ gắn gũi).	
	3. Người học có khả năng đánh giá và xây dựng một bản đồ các bên liên quan đơn giản.	

Kế hoạch bài giảng

I. Giới thiệu chủ đề (45 phút)

Chào đón học viên:

- Giới thiệu mục tiêu khóa học và kế hoạch buổi học.
- Trình bày phần mở đầu lý thuyết (có tài liệu hỗ trợ giảng viên).

Giới thiệu lý thuyết

Tham gia của công dân (*civic engagement* hoặc *civic participation*) là sự tham gia tích cực của người dân vào các hoạt động nhằm mang lại lợi ích cho khu dân cư, cộng đồng hoặc môi trường sống của họ.

Sự tham gia của công dân có thể diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, từ hoạt động tình nguyện, tham gia các cuộc tham vấn cộng đồng, đến các sáng kiến công dân nhằm giải quyết những vấn đề cụ thể ở địa phương.

Tham gia của công dân giữ vai trò then chốt trong việc xây dựng một xã hội có hiểu biết, có trách nhiệm với môi trường sống và biết chung tay định hình môi trường đó. Đây không chỉ là cách nâng cao chất lượng cuộc sống, mà còn tăng cường gắn kết xã hội, phát triển tinh thần cộng đồng và thúc đẩy tính minh bạch trong quá trình ra quyết định. Thông qua tham gia công dân, mỗi người trở thành đồng tác giả của sự thay đổi thay vì chỉ là người quan sát thụ động hoặc đối tượng thụ hưởng.

Tham gia công dân là một công cụ mạnh mẽ tạo nên sự thay đổi. Nó củng cố nền tảng dân chủ của xã hội và trao cho người dân khả năng tác động đến những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến họ. Bằng cách tham gia vào các hoạt động mang tính tham gia (*participatory activities*), mỗi người đều có thể trở thành “kiến trúc sư” của môi trường sống và tương lai của cộng đồng mình.

Điều này áp dụng cho mọi nhóm xã hội và mọi lứa tuổi, bao gồm trẻ em, thanh thiếu niên và thanh niên trưởng thành. Chính thể hệ trẻ cần được khuyến khích tham gia đồng thiết kế không gian, quy trình và hoạt động – những yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến tương lai nghề nghiệp, xã hội và cuộc sống cá nhân của họ, cũng như môi trường mà họ sẽ sinh sống trong nhiều năm tới.

Tuy nhiên, việc thúc đẩy sự tham gia xã hội cũng đối mặt với nhiều thách thức xuất phát từ bối cảnh xã hội và thái độ của từng cá nhân. Người dân không phải lúc nào cũng sẵn sàng tham gia; đôi khi thiếu người khởi xướng; hoặc vấn đề mà cộng đồng cần giải quyết lại bị truyền tải sai lệch.

Thúc đẩy sự tham gia của xã hội là lợi ích chung của chính quyền địa phương và các bên liên quan khác như tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp. Sự tham gia đầy đủ của cộng đồng vào các quy trình mang tính tham gia giúp đưa ra các giải pháp tốt hơn, bởi chính người dân mới là đối tượng đóng vai trò quan trọng trong việc đồng kiến tạo các quy trình xã hội, kinh tế và môi trường trong bối cảnh họ đang sinh sống.

Trong quá trình phát triển các hoạt động tham gia công dân, việc xác định những yếu tố phổ biến hạn chế sự tham gia và làm giảm động lực của người dân là rất quan trọng. Sự hiểu biết này giúp lập kế hoạch và triển khai các quy trình mang tính tham gia theo cách thu hút tối đa sự tham gia của cả cộng đồng địa phương.

Các yếu tố này bao gồm (nhưng không giới hạn) các nội dung được đề cập dưới đây.

A. Thiếu quan tâm của người dân đối với các hoạt động tham gia và thiếu nhận thức về tác động của chúng đối với đời sống cộng đồng địa phương

Nhiều người dân chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc họ tham gia vào các quá trình ra quyết định ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh. Việc thiếu kiến thức về các cơ chế có thể giúp họ tác động đến hoạt động địa phương, hoặc thiếu niềm tin rằng tiếng nói của mình có giá trị, dẫn đến sự thụ động. Sự thụ động này thậm chí có thể trở thành “lý do” để các nhóm có ảnh hưởng lớn tại địa phương phớt lờ hoàn toàn ý kiến của cộng đồng trong tương lai.

B. Truyền thông không hiệu quả với các nhóm liên quan

Thiếu các công cụ truyền thông hiệu quả giữa chính quyền, cơ quan công quyền, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và người dân có thể cản trở việc thúc đẩy và phát triển sự tham gia của cộng đồng địa phương.

Người dân cần được thông tin đầy đủ về những hoạt động đòi hỏi ít nhất là ý kiến của họ, và lý tưởng nhất là sự tham gia của họ với vai trò đồng kiến tạo thay đổi. Người dân cần biết quyền tham gia của mình, đồng thời cảm thấy có trách nhiệm tham gia thảo luận về các vấn đề địa phương — điều này đòi hỏi họ ít nhất phải làm quen với các công cụ tham gia cơ bản.

Việc truyền thông không rõ ràng từ phía chính quyền hoặc khó khăn trong việc tiếp cận các nhóm xã hội đa dạng là trở ngại lớn, làm hạn chế sự tham gia của người dân vào các vấn đề địa phương.

C. Sự đa dạng của các nhóm liên quan và nhu cầu khác nhau

Xã hội hiện đại gồm nhiều thế hệ với đặc điểm nhân khẩu học và xã hội khác nhau, cùng với những góc nhìn, kỳ vọng và nhu cầu đa dạng. Những khác biệt này thường khó hài hòa.

Bên cạnh cư dân, mỗi cộng đồng địa phương đều có nhiều nhóm liên quan quan trọng muốn tác động đến các hoạt động khác nhau để bảo vệ lợi ích của họ, chẳng hạn như:

- Tổ chức phi chính phủ (NGOs)
- Doanh nghiệp
- Chính quyền địa phương
- Cơ quan công lập
- Các tổ chức đặc thù khác (hợp tác xã nhà ở, giáo xứ/tổ chức tôn giáo, nhóm tự phát, câu lạc bộ thể thao...)

Sự khác biệt về nhu cầu và quan điểm — dẫn tới xung đột lợi ích giữa cư dân và các nhóm liên quan khác — có thể cản trở hợp tác trong các quá trình tham gia cộng đồng.

D. Động lực tham gia thấp

Việc không nhìn thấy kết quả nhanh chóng từ các hoạt động tham gia, hoặc chưa hiểu rõ các giới hạn trong việc thực hiện yêu cầu của người dân, có thể gây thất vọng và làm họ nản lòng tiếp tục tham gia.

Cộng đồng địa phương thường thiếu niềm tin vào tác động của tiếng nói công dân, dẫn đến giảm động lực và tăng sự thụ động. Do đó, mọi quy trình tham gia “trở thành” đều cần được chuẩn bị bằng **giáo dục công dân hiệu quả**, giúp các bên liên quan hiểu rõ:

- Khả năng tác động thực tế của họ đến từng tình huống;
- Quỹ thời gian cần thiết để những nỗ lực tham gia mang lại kết quả.

Mặt khác, hiểu không đúng về bản chất của vấn đề xã hội có thể khiến người dân kỳ vọng sai lầm rằng họ có thể tác động hoàn toàn đến quá trình ra quyết định. Khi kỳ vọng này không được đáp ứng, sự thất vọng đối với chính quyền địa phương có thể làm giảm sự tham gia vào các hoạt động trong tương lai.

Cần lưu ý rằng một số quy trình ra quyết định mang tính dài hạn và đòi hỏi sự kiên nhẫn — điều mà nhiều bên liên quan khó chấp nhận khi họ kỳ vọng sự thay đổi diễn ra nhanh chóng.

E. Sự khác biệt xã hội và rào cản giao tiếp trong cộng đồng địa phương

Chúng ta đang sống trong một xã hội ngày càng đa dạng, nơi những khác biệt về văn hóa, thế hệ và quan điểm sống ngày càng trở nên rõ ràng, cũng như những khác biệt trong đời sống hàng ngày của công dân, ví dụ như lối sống, năng lực số và việc sử dụng mạng xã hội. Tất cả những khác biệt này, và trong nhiều trường hợp là những quan điểm khác nhau phát sinh từ các vấn đề khác nhau cùng với các rào cản giao tiếp do những khác biệt đó tạo ra, đều ảnh hưởng đến mức độ tham gia của công dân vào các vấn đề địa phương. Các thế hệ lớn tuổi có xu hướng bảo thủ hơn và có thể ít cởi mở với những hình thức tham gia mới, chẳng hạn như việc sử dụng mạng xã hội làm kênh giao tiếp với công dân. Ngược lại, người trẻ có thể ưu tiên các hoạt động trực tuyến, tuy nhiên, điều này vừa mang tính ẩn danh cao hơn vừa hạn chế tiếp xúc trực tiếp. Một rào cản khác có thể phát sinh từ đa văn hóa là sự hiểu biết chưa đầy đủ về ngôn ngữ địa phương, điều này ở một số thành viên trong cộng đồng địa phương (ví dụ như người di cư) có thể cản trở giao tiếp. Sự khác biệt về quan điểm, ví dụ xuất phát từ các thế giới quan khác nhau, thường phản ánh thái độ đối với các vấn đề địa phương, nên luôn được thảo luận với sự tôn trọng quyền của mỗi công dân, điều này cũng đòi hỏi giáo dục về văn hóa tranh luận công cộng phù hợp.

F. Thiếu nguồn lực và thời gian cho các hoạt động tham gia

Nguồn lực tài chính hạn chế của chính quyền địa phương cho các hoạt động tham gia toàn diện, hoặc thiếu thời gian cho các hoạt động này, ví dụ do lịch trình thực hiện dự án hoặc các thời hạn hành chính, thường là những rào cản đáng kể mà cộng đồng địa phương phải đối mặt khi muốn đóng góp ý kiến về các vấn đề quan trọng đối với họ. Để tiến hành các hoạt động tham gia một cách đảm bảo mọi tiếng nói đều được lắng nghe, cần đảm bảo tất cả các bên quan tâm có quyền tiếp cận đầy đủ và bình đẳng với các cuộc thảo luận công khai. Điều này được thể hiện, giữa những yếu tố khác, qua sự đa dạng của các hình thức tham gia (ví dụ: hoạt động trực tuyến và trực tiếp), đảm bảo đủ thời gian cho công dân thực hiện quyền phát biểu, hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia các hoạt động tham gia, ví dụ như loại bỏ các rào cản kiến trúc.

G. Kiến thức hạn chế về các phương pháp và công cụ tham gia của công dân

Không phải tất cả công dân đều quen thuộc đầy đủ với các phương pháp và công cụ tham gia mà họ cần sử dụng để có thể đóng góp ý kiến về các vấn đề xã hội. Các cơ quan chính quyền địa phương, khi mong muốn huy động công dân tham gia vào việc đồng quyết định các dự án quan trọng, sáng

kiến, thay đổi trong pháp luật địa phương, v.v., cần đảm bảo rằng mọi người đều có cơ hội tìm hiểu về các nguyên tắc tham gia xã hội theo cách dễ tiếp cận và dễ hiểu với họ, không nhất thiết phải sử dụng ngôn ngữ chuyên môn hoặc các văn bản chính thức. Điều quan trọng nhất là cư dân cảm thấy mình là những người tham gia đầy đủ trong quá trình đồng quyết định các vấn đề quan trọng với họ, và bất kỳ vấn đề nào họ chưa hiểu đều có thể được làm rõ liên tục với các đại diện chính quyền địa phương đã được chuẩn bị đầy đủ để giao tiếp với cư dân. Một số phương pháp và công cụ tham gia, như tạo nguyên mẫu (prototyping) hoặc kể chuyện (storytelling), có thể quá phức tạp đối với một số nhóm cư dân. Việc chuẩn bị chúng theo cách dễ tiếp cận với cư dân và cung cấp giáo dục công dân trong lĩnh vực này là rất quan trọng.

Mặc dù gặp những thách thức này, việc thúc đẩy sự tham gia xã hội là cần thiết để xây dựng các cộng đồng bền vững và năng động. Chia khóa để vượt qua mọi hạn chế và rào cản trong các quá trình tham gia là giáo dục, giao tiếp và xây dựng niềm tin một cách hệ thống giữa cư dân, các nhóm bên liên quan khác và chính quyền địa phương.

Tài liệu bổ sung cho phần lý thuyết (mở rộng kiến thức):

1. Hồ sơ dự án, bao gồm:

- **Phần 1** – Phương pháp luận xây dựng và giảng dạy khóa học: Phương pháp tiếp cận tham gia trong phát triển đô thị.
- **Phần 2** – Công cụ để thu hút sự tham gia của công dân và tăng cường năng lực cộng đồng.
- **Phần 3** – Hướng dẫn và khuyến nghị chính sách cho chính quyền địa phương/khu vực về: Cách làm việc với công dân.
- **Phụ lục** – Các nghiên cứu điển hình (case studies).

2. Tài liệu có sẵn trực tuyến:

- **Dự án:** Better Reykjavik, Iceland
<https://oecd-opsi.org/innovations/better-reykjavik/>

Dự án: Swachh Bharat Abhiyan, Ấn Độ
<https://swachhbharatmission.ddws.gov.in/>

- **Bài báo khoa học:** Madej, M. (2019). Participatory budgeting in the major cities in Poland – Case study of 2018 editions. *Politics in Central Europe*, 15(2), 257–277.
DOI: 10.2478/pce-2019-0017

II. Phiên hỏi – đáp (15 phút)

Giảng viên tổ chức thảo luận với người tham gia để đảm bảo họ hiểu nội dung đã trình bày, đồng thời khuyến khích họ đặt câu hỏi và chia sẻ ý kiến cũng như kinh nghiệm của bản thân liên quan đến việc tham gia công dân.

III. Bài tập (60 phút)

Sử dụng **bản đồ các bên liên quan (stakeholder map)** như một công cụ hỗ trợ thu hút sự tham gia của công dân.

Giới thiệu về bài tập (tài liệu văn bản hỗ trợ giảng viên, 15 phút)

Bản đồ các bên liên quan (stakeholder map) là một công cụ trực quan giúp xác định và hiểu rõ những người, nhóm hoặc tổ chức bị ảnh hưởng bởi một dự án, ví dụ vì họ có tác động đến dự án hoặc nằm trong phạm vi ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực của dự án. Công cụ này giúp chúng ta hiểu

được cơ cấu xã hội của dự án, xác định các tác nhân chính cùng lợi ích, nhu cầu và các xung đột tiềm ẩn. Để hiểu cách xây dựng sự tham gia của công dân thông qua bản đồ các bên liên quan, cần xác định mức độ quan hệ (gần gũi) giữa từng nhóm bên liên quan với quá trình hoặc tình huống đang được phân tích.

Việc sử dụng bản đồ như một công cụ phân tích các bên liên quan có thể mang lại ít nhất các lợi ích sau cho quá trình tham gia:

A. Hiểu được sự đa dạng của các bên liên quan

Bản đồ cung cấp cái nhìn tổng quan đơn giản về những ai đang hoặc nên tham gia các hoạt động tham gia, từ cư dân và chính quyền địa phương đến các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp. Điều này cho phép tính đến các đặc điểm và nhu cầu cụ thể của từng nhóm trong quá trình ra quyết định.

B. Tạo điều kiện thuận lợi cho giao tiếp

Hiểu biết về các bên liên quan chính giúp lựa chọn các phương pháp và công cụ tham gia phù hợp nhất, đồng thời tính đến khả năng của người tham gia (ví dụ: quyết định tỷ lệ hoạt động trực tiếp hay trực tuyến, các hoạt động truyền thống và các hoạt động trên mạng xã hội, v.v.). Cách tiếp cận này sẽ đảm bảo tính minh bạch và xây dựng niềm tin giữa các bên tham gia trong quá trình.

C. Giải quyết xung đột

Hiểu biết về các bên liên quan tham gia các hoạt động giúp xác định các nguồn tiềm ẩn gây hiểu lầm giữa các nhóm khác nhau và phát triển sớm các chiến lược giảm thiểu, ngăn ngừa các vấn đề leo thang.

D. Thúc đẩy sự tham gia

Việc phát triển bản đồ các bên liên quan giúp có cái nhìn toàn diện về cản ngại và các đặc điểm cụ thể của các nhóm mục tiêu tham gia, chính là điều mà bản đồ cho phép. Nhờ bản đồ, các nhóm khác nhau có thể được tham gia hiệu quả hơn vào các quá trình tham gia bằng cách cung cấp vai trò rõ ràng và lợi ích cụ thể từ việc tham gia dự án.

Làm việc nhóm – thực hành lập bản đồ các bên liên quan (45 phút)

Nhiệm vụ của giảng viên:

1. Trình bày mẫu bản đồ các bên liên quan có sẵn trong hồ sơ dự án (Phần 2 – Công cụ thu hút sự tham gia của công dân và tăng cường năng lực cộng đồng) cho người tham gia và giải thích cách cấu trúc bản đồ.
2. Chia người tham gia thành tối đa ba đội, giao hướng dẫn cho các sáng kiến xã hội cụ thể yêu cầu hiểu rõ các bên liên quan và nhu cầu của họ (Đội A, Đội B và Đội C).
3. Tư vấn liên tục về các nhiệm vụ mà từng đội đang thực hiện.

Nhiệm vụ của người tham gia trong mỗi đội:

1. Xác định tất cả các nhóm bên liên quan bị ảnh hưởng bởi vấn đề đang được phân tích.
2. Xác định mức độ gần gũi (mức độ quan hệ) của từng nhóm bên liên quan với vấn đề đang phân tích và giải thích dựa trên phân tích nhu cầu của các nhóm này.
3. Xây dựng bản đồ các bên liên quan bao gồm tất cả các nhóm đã được xác định.

4. Chuẩn bị trình bày bản đồ các bên liên quan trước các nhóm khác, cân nhắc việc phân công vai trò trong đội.

Giả định về ba sáng kiến xã hội yêu cầu hiểu rõ các bên liên quan và nhu cầu của họ:

Đội A. Tái tạo không gian công cộng

Tại một thành phố ở Ba Lan, có kế hoạch tái tạo một công viên bị bỏ quên để phục hồi sử dụng cho cư dân và cải thiện mỹ quan không gian công cộng. Chính quyền địa phương muốn khai thác tối đa không gian công viên và đề xuất đưa vào nhiều chức năng khác nhau, ví dụ: giải trí, ăn uống, triển lãm, giao lưu, v.v. Các nhóm bên liên quan được xác định ban đầu:

- **Cư dân:** những người sử dụng công viên để giải trí và thư giãn;
- **Chính quyền thành phố:** những người ra quyết định, chịu trách nhiệm tài trợ dự án;
- **Tổ chức môi trường:** các đơn vị tư vấn về tái tạo bền vững. Được biết cư dân đặc biệt quan tâm tới không gian vui chơi và thư giãn cho trẻ em, các tổ chức môi trường quan tâm tới việc bảo tồn cây xanh, và chính quyền quan tâm tới việc chỉnh trang công viên, tạo khu ăn uống và bãi đỗ xe.

Đội B. Tổ chức sự kiện văn hóa

Tại một thị trấn nhỏ ở vùng ngoại vi, dân số giảm nhanh và các mối quan hệ xã hội đang bị mai một. Chính quyền địa phương đề xuất tổ chức sự kiện văn hóa cuối tuần nhằm giới thiệu các nghệ sĩ địa phương. Các nhóm bên liên quan được xác định ban đầu:

- **Chính quyền địa phương:** thị trường và các thành viên hội đồng;
- **Cư dân:** người tham dự sự kiện;
- **Doanh nghiệp địa phương:** nhà tài trợ hoặc nhà cung cấp dịch vụ tiềm năng;
- **Nghệ sĩ địa phương:** nhân vật chính tiềm năng của sự kiện. Ngoài chính quyền địa phương muốn sử dụng sự kiện để gắn kết cộng đồng, những bên quan tâm nhất là các nghệ sĩ địa phương, mong muốn quảng bá tác phẩm và được công nhận nhiều hơn trong cộng đồng. Cư dân mong muốn vui chơi và tận hưởng thời gian với hàng xóm. Doanh nghiệp địa phương mong muốn cơ hội quảng bá, tạo uy tín và nhận diện khi hỗ trợ sự kiện.

Đội C. Phát triển giao thông công cộng

Một tuyến xe buýt mới dự kiến được khai trương tại một quận của thành phố vốn chưa có kết nối giao thông. Công tác xác định lộ trình, vị trí trạm dừng và mua xe buýt đang được tiến hành. Các nhóm bên liên quan được xác định ban đầu:

- **Chính quyền địa phương** phát triển giao thông công cộng;
- **Cư dân quận** đi lại vào trung tâm thành phố vì nhiều mục đích;
- **Doanh nghiệp địa phương** quan tâm tới việc phát triển giao thông công cộng cho nhân viên và khách hàng;
- **Nhóm môi trường:** các nhóm thúc đẩy giải pháp giao thông thân thiện với môi trường. Mọi người đều nhận thấy cần phát triển giao thông công cộng tại quận ngoại vi này, nhưng lợi ích và kỳ vọng của các nhóm bên liên quan khác nhau. Ví dụ: cư dân muốn có nhiều dịch vụ nhất có thể trong ngày, doanh nghiệp muốn các trạm dừng gần cơ sở của họ, nhóm môi

trường mong muốn mua xe buýt không phát thải, và chính quyền phải cân nhắc hạn chế ngân sách, không thể đáp ứng tất cả kỳ vọng.

IV. Trình bày kết quả của các đội thực hiện bài tập (30 phút)

Mỗi đội sẽ trình bày và giải thích cách họ xây dựng bản đồ các bên liên quan cho ví dụ được phân tích, đồng thời giải thích mức độ quan hệ (gần gũi) và nhu cầu của các bên liên quan đã xác định. Sau mỗi phần trình bày, các người tham gia khác và giảng viên có thể đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về kết quả công việc của từng đội. Giảng viên cũng đặt thêm các câu hỏi để kiểm tra kiến thức mà người tham gia đã tiếp thu trong lớp học.

V. Đánh giá công việc nhóm bởi giảng viên khóa học (15 phút)

Giảng viên sẽ đánh giá phần trình bày của các đội dựa trên các tiêu chí sau:

- Tính đầy đủ trong việc trình bày các nhóm bên liên quan liên quan đến vấn đề được phân tích.
- Độ chính xác trong việc xác định mức độ quan hệ giữa từng nhóm bên liên quan với vấn đề phân tích (mức độ gần gũi).
- Xác định đúng nhu cầu của từng nhóm bên liên quan.
- Sự tham gia của các thành viên trong đội.

Mỗi đội sẽ nhận phản hồi bằng lời từ giảng viên.

VI. Tổng kết (15 phút)

Các kết luận chính từ lớp học (tài liệu hỗ trợ giảng viên)

Sự tham gia công dân, hay tham gia dân sự, là việc cư dân tích cực tham gia vào các hoạt động mang lại lợi ích cho cộng đồng của họ. Nó có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau (ví dụ: tình nguyện, tham vấn công khai hoặc các sáng kiến công dân) và là yếu tố then chốt để xây dựng một xã hội có ý thức, cùng sáng tạo môi trường sống, tăng cường các mối quan hệ xã hội và cải thiện chất lượng cuộc sống. Việc tham gia cho phép công dân ảnh hưởng đến các vấn đề địa phương và trở thành những người đồng sáng tạo thay đổi.

Một số thách thức liên quan đến sự tham gia công dân:

1. **Thiếu quan tâm và nhận thức** – công dân thường không nhận thức được tác động của hành động của họ đối với cộng đồng.
2. **Giao tiếp chưa hiệu quả** – vấn đề trong luồng thông tin giữa chính quyền và cư dân cản trở việc tham gia.
3. **Sự đa dạng của các bên liên quan** – xung đột lợi ích giữa các nhóm xã hội và tổ chức có thể cản trở hợp tác.
4. **Động lực thấp** – thiếu kết quả nhanh chóng làm giảm động lực, dẫn đến thất vọng và nản chí.
5. **Khác biệt xã hội và rào cản giao tiếp** – khác biệt về văn hóa, thế hệ và ngôn ngữ có thể cản trở đối thoại xã hội hoặc hạn chế đáng kể hiệu quả của nó.
6. **Thiếu nguồn lực** – thiếu thời gian và nguồn lực tài chính hạn chế các hoạt động tham gia, đây chủ yếu là thách thức đối với chính quyền địa phương.
7. **Hiểu biết hạn chế về công cụ tham gia** – công dân thường không biết cách tham gia hiệu quả vào các quá trình ra quyết định, điều này có thể khiến họ nản lòng.

Mặc dù gặp những khó khăn này, phát triển sự tham gia công dân là rất quan trọng để xây dựng các cộng đồng bền vững. Điều này đòi hỏi giáo dục, giao tiếp hiệu quả và xây dựng niềm tin giữa cư dân và chính quyền địa phương. Một trong những bước đầu tiên trên con đường này là xác định các nhóm mục tiêu của các bên liên quan nên tham gia vào các hoạt động xã hội và xác định mức độ quan hệ (gần gũi) của họ với vấn đề đang được phân tích. **Bản đồ các bên liên quan** có thể được sử dụng cho mục đích này.

Bản đồ các bên liên quan là công cụ trực quan giúp xác định các cá nhân, nhóm hoặc tổ chức tham gia vào một dự án, đồng thời tính đến ảnh hưởng, lợi ích và xung đột tiềm năng của họ. Nó cho phép phân tích mối quan hệ giữa các bên liên quan và quá trình, hỗ trợ xây dựng sự tham gia công dân. Việc sử dụng bản đồ các bên liên quan trong các quá trình xã hội có thể mang lại nhiều lợi ích, bao gồm:

1. **Hiểu được sự đa dạng:** Giúp nhận diện các nhóm tham gia (ví dụ: cư dân, chính quyền địa phương, tổ chức phi chính phủ) và xem xét nhu cầu của họ trong quá trình ra quyết định.
2. **Tạo điều kiện thuận lợi cho giao tiếp:** Giúp lựa chọn các phương pháp tham gia phù hợp (trực tiếp, trực tuyến, truyền thống hoặc qua mạng xã hội), tăng tính minh bạch và xây dựng niềm tin.
3. **Giải quyết xung đột:** Cho phép dự đoán các nguồn gây hiểu lầm và xây dựng chiến lược để giảm thiểu hoặc ngăn ngừa chúng.
4. **Thúc đẩy sự tham gia:** Nhờ cách tiếp cận toàn diện, bản đồ cho phép huy động hiệu quả các nhóm mục tiêu bằng cách cung cấp vai trò rõ ràng và lợi ích cụ thể từ việc tham gia.



« Cơ sở giáo dục đại học cung cấp sự phát triển bền vững ở các thành phố Châu Âu và Châu Á, thời kỳ hậu Covid-19 ». Chia sẻ kinh nghiệm của Đại học Đà Nẵng trong hợp tác giữa Nhà trường - Nhà nước và mục tiêu tổng hợp có thể kết nối và phát triển đại học Châu Âu và Châu Á”
(gọi tắt là Dự án “HEIsCITI”)



CASE STUDY NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG

Tiêu đề: Các hoạt động hỗ trợ và thúc đẩy môi trường hòa nhập của Đại học Đà Nẵng dành cho lưu học sinh Lào và Campuchia trong phát triển các địa phương khu vực biên giới – với sự tham gia của Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum (UD-CK) và Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (UD-UED).

Biên soạn: Nhóm Đại học Đà Nẵng (UD): Bà Hồ Long Ngọc và Bà Lê Thị Hồng Oanh

Mục lục

1. Tiêu đề
2. Chủ đề và bối cảnh của nghiên cứu tình huống
3. Thách thức được giải quyết trong nghiên cứu
4. Các chủ thể và bên liên quan tham gia vào nghiên cứu
5. Phương pháp và công cụ tham gia được sử dụng trong quá trình đồng sáng tạo giải pháp
6. Kết quả ngắn hạn và dài hạn của hoạt động can thiệp
7. Bài học kinh nghiệm và khuyến nghị về khả năng nhân rộng
8. Danh mục tài liệu tham khảo



Các hoạt động hỗ trợ và thúc đẩy môi trường hòa nhập của Đại học Đà Nẵng dành cho lưu học sinh Lào và Campuchia trong phát triển các địa phương khu vực biên giới – với sự tham gia của

Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum (UD-CK) và

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (UD-UED)

1. Chủ đề và bối cảnh của nghiên cứu tình huống

Đại học Đà Nẵng (UD) là đại học vùng trọng điểm của miền Trung và Tây Nguyên, giữ vai trò quan trọng trong đổi mới sáng tạo và phát triển khu vực. Với 13 đơn vị thành viên và trực thuộc – trong đó có Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum (UD-CK) và Trường Đại học Khoa học và Giáo dục (UD-UED) – UD triển khai đa dạng các chương trình đào tạo và hoạt động nghiên cứu.

UD đã thiết lập quan hệ hợp tác quốc tế rộng rãi với hơn 250 đối tác toàn cầu, đồng thời tham gia nhiều dự án quốc tế như Erasmus+, PHER, DIGITAL MOVE và HEIsCITI. UD cũng tự hào là thành viên ngoài châu Âu đầu tiên của Liên minh Đại học châu Âu Ulyseus, và tích cực đóng góp trong các mạng lưới như AUF, AUN và UMAP.

Trong định hướng phát triển bao trùm, UD đặc biệt quan tâm hỗ trợ lưu học sinh Lào – nhất là các em có hoàn cảnh khó khăn hoặc thuộc nhóm dân tộc thiểu số – thông qua các chương trình đào tạo phù hợp. Giai đoạn 2016–2021, UD đã đào tạo hơn 3.000 lưu học sinh Lào. Riêng năm học 2021–2022, UD tiếp nhận 115 lưu học sinh Lào ở nhiều bậc học, trong đó UD-CK và UD-UED là hai đơn vị nòng cốt. UD-CK chiếm hơn 31% tổng số lưu học sinh Lào, tiếp đến là UD-UED với hơn 20%.

Hướng tới mục tiêu trở thành đại học quốc gia và trung tâm nghiên cứu – quốc tế hóa của khu vực, UD tiếp tục coi hợp tác quốc tế và giáo dục hòa nhập là hai trụ cột quan trọng cho sự phát triển bền vững.

2. Thách thức đặt ra trong nghiên cứu

Đại học Đà Nẵng thực hiện hai nghiên cứu tình huống thông qua hai đợt khảo sát tại UD-UED và UD-CK.

Khu vực Tây Nguyên Việt Nam, Nam Lào và Đông Bắc Campuchia còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế – xã hội, hạn chế trong tiếp cận giáo dục đại học và thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao. Đa dạng về dân tộc và điều kiện địa lý xa xôi càng làm tăng rào cản đối với giáo dục hòa nhập và hợp tác xuyên biên giới. Vì vậy, nhu cầu về một cơ sở giáo dục đại học có tính địa phương nhưng gắn kết quốc tế, có khả năng thúc đẩy phát triển bền vững và hợp tác khu vực, trở nên vô cùng cần thiết.

Hai đợt khảo sát tại UD-UED và UD-CK nhằm giải quyết thách thức cốt lõi: đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục đại học chất lượng cho lưu học sinh Lào và Campuchia đến từ các vùng có điều kiện khó khăn. Lưu học sinh từ các tỉnh như Bolykhamxay, Sekong, Champasak, Salavane, Savannakhet, Attapeu (Lào) và Battambang, Stung Treng (Campuchia) còn đối mặt với nhiều rào cản như khác biệt ngôn ngữ, hạn chế tài chính, và thách thức trong hòa nhập văn hóa.

Vấn đề đặt ra là cần tăng cường hiệu quả hợp tác giữa các trường đại học Việt Nam và chính quyền các tỉnh của Lào nhằm đảm bảo môi trường giáo dục hòa nhập, bền vững và chất lượng cao cho các lưu học sinh.

3. Các chủ thể và bên liên quan tham gia

• **Đại học Đà Nẵng (UD):** Đại diện Ban Giám đốc (PGS.TS. Lê Quang Sơn – Phó Giám đốc), Ban Khoa học & Hợp tác quốc tế (Bà Hồ Lộng Ngọc, bà Lê Thị Hồng Oanh) – đơn vị tổ chức và diễn giả.

• **Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN (UD-UED):**

- TS. Phan Đức Tuấn – Phó Hiệu trưởng
- TS. Nguyễn Văn Sáng – Phó Trưởng phòng Khoa học & Hợp tác quốc tế

• **Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum (UD-CK):**

- ThS. Nguyễn Tô Như – Phó Giám đốc, điều phối chương trình tập huấn

• **Lưu học sinh Lào và Campuchia cùng gia đình:** Gần 35 sinh viên đến từ 6 tỉnh của Lào và 2 tỉnh của Campuchia đang học tập tại UD-UED và UD-CK.

• **UBND thành phố Đà Nẵng:** Đơn vị hỗ trợ chính sách học bổng và thúc đẩy hợp tác giáo dục khu vực.

• **Sở Ngoại vụ thành phố Đà Nẵng, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Đà Nẵng.**

- **Sở Giáo dục & Thể thao, Sở Ngoại vụ các tỉnh Nam Lào.**

4. Các phương pháp và công cụ tham gia trong quá trình đồng sáng tạo giải pháp

- Phát triển dựa vào cộng đồng: UD-CK được xây dựng trên cơ sở tham vấn thường xuyên với địa phương và cộng đồng dân tộc.
- Hợp tác xuyên biên giới: Phối hợp định kỳ với các tỉnh của Lào và Campuchia trong tuyển sinh, hỗ trợ và đánh giá phản hồi.
- Học bổng dành cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.
- Chương trình đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội như nông nghiệp, pháp luật, sư phạm, công nghệ.
- Hợp tác thực tập và nghiên cứu ứng dụng với doanh nghiệp, nông trại và cơ quan quản lý địa phương.
- Hoạt động hỗ trợ hòa nhập văn hóa cho lưu học sinh.
- Tổ chức hội thảo, tọa đàm và thảo luận mở trong chuyến khảo sát.
- Chia sẻ kinh nghiệm từ UD-UED và UD-CK, gồm các thực hành tốt và giải pháp hỗ trợ hiệu quả.
- Tăng cường phối hợp đa ngành giữa cán bộ hợp tác quốc tế, lãnh đạo học thuật và sinh viên.
- Lưu học sinh trở thành chủ thể tham gia, trực tiếp chia sẻ trải nghiệm và mong muốn để cùng xây dựng giải pháp.

5. Kết quả ngắn hạn và dài hạn của hoạt động

Kết quả ngắn hạn

- Tăng cường hiểu biết và sự tin cậy giữa UD và các tỉnh Lào/Campuchia.
- Xác định rõ các rào cản như ngôn ngữ, tài chính, hòa nhập văn hóa.

- Củng cố chính sách học bổng và các hoạt động hỗ trợ tại UD-UED.
- Hình thành mạng lưới hợp tác giữa các bên liên quan.
- Tăng cơ hội giáo dục cho sinh viên vùng khó khăn và dân tộc thiểu số.
- Thúc đẩy sự hiểu biết văn hóa qua trao đổi sinh viên.

Kết quả dài hạn

- Nâng cao chất lượng đào tạo lưu học sinh Lào và Campuchia.
- Mở rộng tuyển sinh hòa nhập và đa dạng hóa ngành đào tạo.
- Xây dựng mô hình UD-UED và UD-CK như điển hình về giáo dục đại học xuyên biên giới tại Việt Nam.
- Nâng cao vai trò của hệ thống UD trong đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển khu vực tiểu vùng Mekong.
- Tăng cường quan hệ hữu nghị ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia thông qua ngoại giao giáo dục.
- Góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh biên giới.
- Định vị UD-CK thành trung tâm phát triển nhân lực và nghiên cứu ứng dụng của khu vực.
- Tăng cường năng lực địa phương về phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo.

6. Bài học kinh nghiệm và khuyến nghị về khả năng nhân rộng

Bài học kinh nghiệm

- Các cơ sở giáo dục gắn với địa phương có thể trở thành nền tảng vững chắc cho hợp tác quốc tế.
- Chính sách bao trùm và hỗ trợ tài chính là yếu tố then chốt thu hút sinh viên diện khó khăn.

- Chương trình đào tạo phải phù hợp với đặc thù phát triển kinh tế – xã hội địa phương.
- Gắn kết sinh viên trong hoạt động cộng đồng mang lại tác động thiết thực.
- Hợp tác xuyên biên giới cần sự cam kết thể chế và hỗ trợ chính trị từ địa phương.
- Tham vấn trực tiếp sinh viên giúp nhận diện đúng nhu cầu thực tế.
- Mô hình giáo dục quốc tế thành công phải chú trọng đồng thời yếu tố học thuật, văn hóa và kinh tế.

Khuyến nghị

- Nhân rộng mô hình UD-CK tại các khu vực biên giới còn khó khăn để thúc đẩy hội nhập khu vực.
- Khuyến khích các chương trình học bổng song phương và đa phương phục vụ phát triển khu vực biên giới.
- Thúc đẩy mô hình phát triển đại học đa bên: gắn kết nhà trường – chính quyền – doanh nghiệp – cộng đồng.
- Tăng cường đào tạo liên văn hóa cho giảng viên và sinh viên.
- Xây dựng khung chiến lược giáo dục hòa nhập dành cho sinh viên quốc tế đến từ các nước láng giềng.
- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong huy động nguồn lực và hỗ trợ chính sách.
- Tổ chức thường xuyên các hoạt động mang tính tham gia như hội thảo, khảo sát, tọa đàm.
- Đảm bảo cung cấp đầy đủ hỗ trợ về ngôn ngữ, tài chính và đời sống để nâng cao trải nghiệm học tập của sinh viên quốc tế./.

« Cơ sở giáo dục đại học cung cấp sự phát triển bền vững ở các thành phố Châu Âu và Châu Á, thời kỳ hậu Covid-19 ». Chia sẻ kinh nghiệm của Đại học Đà Nẵng trong hợp tác giữa Nhà trường - Nhà nước và mục tiêu tổng hợp có thể kết nối và phát triển đại học Châu Âu và Châu Á”

(gọi tắt là Dự án “HEISCITI”)



**Co-funded by
the European Union**

MÔ TẢ THỰC HÀNH TỐT NHẤT: RIJEKA, CROATIA

Được chuẩn bị bởi: Cơ quan Phát triển Rijeka Porin, Croatia, 2024

1. Chủ đề của nghiên cứu tình huống

Nghiên cứu tình huống tập trung vào các quy trình tham gia đối mới trong quản trị và phát triển đô thị của thành phố Rijeka, nổi bật qua ba sáng kiến chính:

- **“Uključi se”/“Get involved” (Hãy tham gia):** Việc thúc đẩy sự tham gia tích cực của cư dân trong cộng đồng là một trong những yếu tố cốt lõi của chương trình *Rijeka 2020 – Thủ đô Văn hóa Châu Âu*.

- **Hội đồng Công dân (Citizen Council):** Một nền tảng cho phép người dân tham gia tích cực vào các quy trình ra quyết định liên quan đến các vấn đề đô thị và quản trị thành phố. Nền tảng này bắt nguồn từ hành trình trở thành Thủ đô Văn hóa Châu Âu của Rijeka, nơi ý tưởng được hình thành thông qua sáng kiến “Get Involved”.

- **Tái thiết đô thị khu Export Drvo:** Một dự án tập trung vào việc hồi sinh khu vực Export Drvo – một không gian hậu công nghiệp – thông qua các hội thảo tham vấn cộng đồng được tổ chức trong khuôn khổ dự án ReValue của EU.

- **Phòng thí nghiệm Đô thị (Urban Laboratory – dự án CEKOM):** Một trung tâm hợp tác được thành lập trong khuôn khổ dự án CEKOM, nhằm thúc đẩy đổi mới và đồng sáng tạo giữa người dân, chuyên gia và chính quyền để giải quyết thách thức đô thị và phát triển các giải pháp bền vững.

Những sáng kiến này thể hiện cam kết của Rijeka trong việc lồng ghép ý kiến người dân vào quy hoạch đô thị, hướng tới một thành phố bao trùm hơn và bền vững hơn.

2. Thách thức được giải quyết trong nghiên cứu tình huống

Thách thức cốt lõi mà các sáng kiến này hướng tới là tích hợp sự tham gia của người dân vào quy hoạch và phát triển đô thị. Trước đây, nhiều thành phố áp dụng mô hình phát triển đô thị từ trên xuống, thường bỏ qua nhu cầu và góc nhìn của cư dân – những người sống và làm việc trong chính không gian đó. Rijeka phải đối mặt với thách thức chuyển đổi các khu vực hậu công nghiệp, như Export Drvo, theo cách vừa tôn trọng di sản lịch sử của thành phố, vừa đáp ứng nhu cầu đô thị đương đại.

Thách thức còn bao gồm việc vượt qua tâm lý hoài nghi và thiếu tin tưởng của công chúng, khi người dân có thể cảm thấy tiếng nói của họ không được coi trọng trong quy trình quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đề cập đến thách thức trong việc thu hẹp khoảng cách giữa tri thức chuyên môn và tri thức bản địa, nhằm đảm bảo các hoạt động và dự án phát triển đô thị thông qua quy trình tham gia được thiết kế vừa có cơ sở kỹ thuật, vừa phản ánh nhu cầu xã hội.

Thách thức trọng tâm là làm thế nào để tích hợp hiệu quả sự tham gia của người dân vào các khía cạnh khác nhau của quy hoạch và quản trị đô thị. Mỗi sáng kiến giải quyết một mảng của thách thức chung này:

- **“Uključi se”/“Get involved”:** Phát triển sự tham gia chủ động của cư dân là yếu tố quan trọng của Rijeka 2020 – Thủ đô Văn hóa Châu Âu. Trong đó, các chương trình thuộc trụ cột 27 *Khu Phố* và các chương trình tham gia (Sáng kiến Công dân, Làn sóng Xanh, và Hội đồng Công dân) là bộ phận then chốt của chương trình Rijeka 2020, nhằm thu hút người dân, tương tự như chương trình “Tình nguyện trong Văn hóa”. Văn hóa tình nguyện trong lĩnh vực văn hóa được xác định là cần được tăng cường tại Rijeka. Các hoạt động được triển khai nhằm thu hút tình nguyện viên và nâng cao nhận thức về vai trò của họ trong lĩnh vực văn hóa.

- **Hội đồng Công dân:** Giải quyết nhu cầu về sự tham gia liên tục của công dân trong quản trị đô thị, bảo đảm người dân có một kênh chính thức để tác động tới các quyết định.

- **Các hội thảo ReValue:** Tập trung vào việc đưa người dân tham gia trực tiếp vào quá trình tái thiết đô thị, đặc biệt trong chuyển đổi các địa điểm có giá trị lịch sử và văn hóa như Export Drvo.

- **Phòng thí nghiệm Đô thị:** Hướng tới việc tạo ra không gian để đồng sáng tạo và thử nghiệm các giải pháp đô thị mới cùng sự tham gia tích cực của người dân, nhằm đảm bảo các đổi mới thực sự gắn với nhu cầu cộng đồng.

3. Các giai đoạn chính trong đồng sáng tạo giải pháp và các bên liên quan

Mỗi sáng kiến có một quy trình riêng trong việc đồng sáng tạo giải pháp, với sự tham gia của nhiều nhóm chủ thể khác nhau:

“Uključi se”/“Get involved”



Hình 1. Tình nguyện viên Rijeka 2020

• Mục tiêu

- o **Thiết kế và triển khai hệ thống tình nguyện :** Phát triển hệ thống tình nguyện toàn diện để hỗ trợ các hoạt động văn hóa tại Rijeka, đặc biệt là trong bối cảnh của dự án RIJEKA 2020.

- o **Nâng cao nhận thức của các tổ chức văn hóa :** Nâng cao nhận thức của các tổ chức văn hóa về lợi ích và tầm quan trọng của việc tình nguyện tham gia vào các sáng kiến văn hóa.

- o **Hòa nhập tình nguyện viên mới :** Tạo điều kiện cho tình nguyện viên mới hòa nhập vào các dự án văn hóa, đảm bảo họ được bố trí phù hợp với các hoạt động và vai trò phù hợp.

- o **Phát triển tình nguyện viên hiện tại :** Cung cấp các chương trình đào tạo và phát triển liên tục cho các tình nguyện viên đang hoạt động, nâng cao kỹ năng và sự tham gia của họ vào các dự án văn hóa.

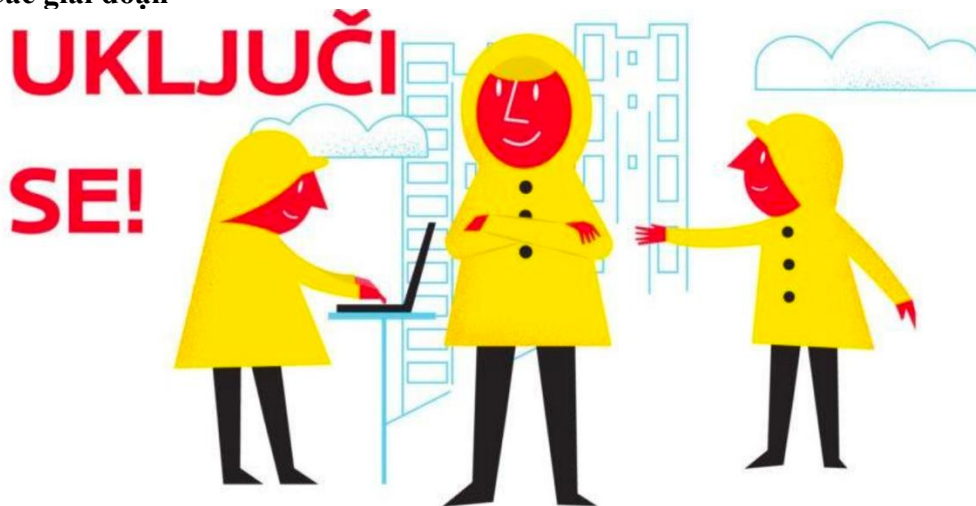
• Các diễn viên tham gia



Hình 2 Tình nguyện viên Rijeka 2020

- o **Trung tâm tình nguyện SMART** : Đóng vai trò quan trọng trong việc thiết kế và triển khai hệ thống tình nguyện, cung cấp chuyên môn và phối hợp cho các hoạt động tình nguyện.
- o **Trung tâm văn hóa Croatia Sušak** : Hợp tác thực hiện chương trình tình nguyện, đặc biệt là tổ chức và chủ trì các sự kiện văn hóa có sự tham gia của các tình nguyện viên.
- o **Công ty RIJEKA 2020** : Tham gia tích cực vào việc nâng cao nhận thức và đào tạo các tổ chức văn hóa và nhân viên của họ, đảm bảo phù hợp với các mục tiêu rộng hơn của RIJEKA 2020.
- o **Các tổ chức văn hóa từ Rijeka** : Tham gia các buổi đào tạo và nâng cao nhận thức, chuẩn bị để tích hợp hiệu quả các tình nguyện viên vào các hoạt động của họ.
- o **Tình nguyện viên** : Cả tình nguyện viên mới và hiện tại đều đóng vai trò trung tâm trong sáng kiến này, tham gia vào các chương trình phát triển và đóng góp vào các dự án văn hóa.

• Các giai đoạn



Hình 3. Poster “Uključi se”

- o **Lập kế hoạch và Thiết kế** : Tham vấn ban đầu giữa Trung tâm tình nguyện SMART, Trung tâm văn hóa Croatia Sušak và RIJEKA 2020 để thiết kế hệ thống tình nguyện, phát triển kế hoạch chi tiết cho các vai trò tình nguyện, đào tạo và quy trình hội nhập.

o **Nâng cao nhận thức và nâng cao nhận thức** : Thực hiện 11 buổi đào tạo nâng cao nhận thức vào năm 2018 và 2019, nhắm vào các tổ chức văn hóa và nhân viên RIJEKA 2020, tập trung vào lợi ích của việc tham gia tình nguyện và các chiến lược để tích hợp hiệu quả tình nguyện viên vào các dự án văn hóa.

o **Tuyển dụng và hội nhập tình nguyện viên** : Phát động các chiến dịch và hoạt động để tuyển dụng tình nguyện viên mới cho các dự án văn hóa, phát triển và triển khai các quy trình để hội nhập tình nguyện viên mới vào các hoạt động đang diễn ra, đảm bảo quá trình chuyển đổi suôn sẻ vào vai trò của họ.

o **Phát triển tình nguyện viên** : Cung cấp các chương trình phát triển có mục tiêu cho các tình nguyện viên tích cực, nâng cao kỹ năng của họ và tăng cường sự tham gia của họ vào các sáng kiến văn hóa, Cơ chế hỗ trợ và phản hồi liên tục để đảm bảo các tình nguyện viên cảm thấy được coi trọng và hiệu quả trong vai trò của họ.



Hình 4 Hội nghị Công dân Rijeka 2020

o **Triển khai và giám sát** : Triển khai liên tục hệ thống tình nguyện trong các dự án văn hóa, với việc giám sát và điều chỉnh liên tục dựa trên phản hồi từ các tình nguyện viên và tổ chức văn hóa, đánh giá thường xuyên hiệu quả của chương trình tình nguyện, đảm bảo chương trình đạt được các mục tiêu đã đề ra khi bắt đầu sáng kiến.

Hội đồng công dân:

o **Mục tiêu** : Tạo ra một cơ cấu chính thức nơi người dân có thể tham gia trực tiếp với chính quyền thành phố về các vấn đề quản lý đô thị.

o **Các bên liên quan** : Người dân Rijeka, chính quyền thành phố, thành viên hội đồng thành phố và các nhà lãnh đạo cộng đồng địa phương.

o **Các giai đoạn** : Thành lập hội đồng, tổ chức các cuộc họp công khai thường xuyên và lồng ghép ý kiến đóng góp của người dân vào các quyết định của thành phố.

Hội thảo Đánh giá lại việc tái tạo Drvo xuất khẩu:

o **Mục tiêu** : Thu hút người dân tham gia vào quá trình tái thiết khu vực Export Drvo, đảm bảo dự án phản ánh nhu cầu của cộng đồng và bảo tồn di sản văn hóa của khu vực.

o **Các bên liên quan** : Người dân địa phương, nhóm dự án ReValue, các nhà quy hoạch đô thị, chuyên gia di sản văn hóa và Hội đồng thành phố Rijeka. o **Các giai đoạn** : Tham vấn công khai ban đầu, hội thảo có sự tham gia, hợp tác

quá trình thiết kế và hoàn thiện kế hoạch tái thiết.

Phòng thí nghiệm đô thị (Dự án CEKOM):

o **Mục tiêu** : Thiết lập một môi trường hợp tác nơi các giải pháp đô thị sáng tạo có thể được phát triển với sự đóng góp ý kiến từ người dân và các chuyên gia.

o **Các bên liên quan** : Nhóm dự án CEKOM, người dân, doanh nghiệp địa phương, các tổ chức học thuật và các chuyên gia phát triển đô thị.

o **Các giai đoạn** : Thiết lập phòng thí nghiệm, thu hút các bên liên quan, tiến hành các dự án thí điểm và lặp lại các giải pháp dựa trên phản hồi.

4. Các giải pháp đã triển khai

Các giải pháp được thực hiện là một giải pháp toàn diện, **có sự tham gia của nhiều bên liên quan** **khôn khổ** tích hợp ý kiến đóng góp của người dân vào quá trình tái tạo và quản lý đô thị.

Khung này bao gồm:

- **“Uključiti se”/”Tham gia”**: Chiến dịch “Tham gia” năm 2018 và 2019 khuyến khích người dân Rijeka tích cực tham gia dự án Rijeka 2020, đề xuất ý tưởng tại các cuộc đấu thầu Sáng kiến Dân sự và Làn sóng Xanh, trở thành thành viên Hội đồng Công dân hoặc tình nguyện viên. Các hoạt động của chiến dịch bao gồm các chuyến tham quan khu phố và thúc đẩy sự tham gia của người dân, tạo điều kiện cho tương tác trực tiếp và cung cấp thông tin về các cơ hội tham gia. Ngoài ra, như một phần của chiến dịch, một chương trình thông tin

Tờ rơi đã được phân phát đến 65.000 địa chỉ tại thành phố Rijeka cùng với hóa đơn tiện ích hàng tháng. Năm 2018, 80 đề xuất dự án đã được nộp hồ sơ dự thầu, trong khi 94 đơn đăng ký tham gia Hội đồng Công dân đã được nộp. Kết quả là 22 dự án đã được phê duyệt cho năm 2019. Trong lần đấu thầu thứ hai, cho năm 2020, 61 đơn đăng ký tham gia Hội đồng Công dân và 61 đề xuất dự án đã được nhận, trong đó 12 dự án đã được chọn. Cơ cấu của Hội đồng Công dân phản ánh cơ cấu dân số của Rijeka theo độ tuổi và giới tính. Các thành viên của Hội đồng Công dân,

60 người trong số họ được chọn thông qua hình thức bốc thăm; sau đó, họ đã đánh giá các dự án được nộp cho Sáng kiến Dân sự và Làn sóng Xanh. Trước khi đánh giá dự án, tất cả các thành viên đều được đào tạo về phương pháp luận, giá trị dự án và vai trò của việc ra quyết định có sự tham gia, cũng như tầm quan trọng của việc củng cố cộng đồng địa phương. Sáng kiến này chính là nguồn cảm hứng cho hoạt động của Hội đồng Công dân.

- **Hội đồng Công dân** : Rijeka cũng đã thành lập một cơ quan không chính thức được gọi là Hội đồng Công dân, bao gồm những công dân được lựa chọn ngẫu nhiên. Hội đồng này có nhiệm vụ đưa ra các khuyến nghị về cách cải thiện hệ thống tự quản địa phương và tăng cường sự tham gia của người dân. Hội đồng đại diện cho một mô hình thu nhỏ của cộng đồng dân cư đa dạng của thành phố, với các thành viên đến từ nhiều độ tuổi, giới tính và khu vực cư trú khác nhau. Hội đồng này đã hợp tác chặt chẽ với Hội đồng Thành phố để đảm bảo tiếng nói của người dân được lắng nghe trong quá trình ra quyết định.



Hình 5 Hội đồng Công dân Rijeka, 2023.

- **Ngân sách Tham gia** : Thành phố đã triển khai mô hình ngân sách tham gia, cho phép người dân trực tiếp tham gia vào quá trình lập ngân sách. Điều này bao gồm đề xuất các biện pháp can thiệp nhỏ của thành phố, tham gia Chương trình Đối tác Địa phương và tham gia các trò chơi giáo dục trực tuyến về ngân sách . Các cơ chế này trao quyền cho người dân tác động trực tiếp đến cách phân bổ và chi tiêu ngân sách của thành phố.

- **Minh bạch và Dữ liệu Mở** : Rijeka được công nhận là thành phố minh bạch và tiên tiến nhất về mặt kỹ thuật số tại Croatia. Chính quyền thành phố nhân mạnh giao tiếp cởi mở với người dân và quản lý theo hướng tham gia. Các công cụ như Cổng Dữ liệu Mở cung cấp một nền tảng hợp tác giữa giới học thuật, doanh nghiệp và chính quyền địa phương. Ngoài ra, các sáng kiến như mục "Nói lên tiếng nói" trên công thông tin điện tử của Rijeka cho phép người dân chủ động đóng góp vào chất lượng cuộc sống của họ thành phố.

- **Tái thiết Đô thị Export Drvo** : Khu đất từng là một khu công nghiệp chưa được khai thác hết tiềm năng đã được chuyển đổi thành một không gian văn hóa và cộng đồng sôi động. Thiết kế và phát triển không gian này được hình thành dựa trên những ý tưởng và phản hồi thu thập được từ các hội thảo tham gia do dự án ReValue tổ chức. Dự án tái thiết này hướng đến việc bảo tồn di sản công nghiệp của khu đất, đồng thời bổ sung các chức năng văn hóa và xã hội mới đáp ứng nhu cầu hiện đại.

- **Phòng Thí nghiệm Đô thị (Dự án CEKOM)** : Phòng Thí nghiệm Đô thị hoạt động như một nơi thử nghiệm các chính sách và thực tiễn đô thị mới, đặc biệt chú trọng đến quản trị có sự tham gia. Phòng thí nghiệm cho phép liên tục tinh chỉnh các giải pháp đô thị dựa trên phản hồi trực tiếp từ người dân và chuyên gia. Phòng thí nghiệm cũng đóng vai trò là mô hình cho các thành phố khác đang tìm cách triển khai các khuôn khổ có sự tham gia tương tự.

5. Kết quả can thiệp ngắn hạn và dài hạn

Kết quả ngắn hạn :

- **“Ukljući se”/“Tham gia”** : Về ngắn hạn, chiến dịch đã tăng cường hiệu quả sự tham gia của người dân vào dự án Rijeka 2020. Năm 2018, chiến dịch đã nhận được 80 đề xuất dự án và 94 đơn đăng ký tham gia Hội đồng Công dân. Đến năm 2019, sự tham gia này đã dẫn đến việc phê duyệt 22 dự án. Năm tiếp theo, 2020, chiến dịch tiếp tục thúc đẩy sự tham gia, với 61 đơn đăng ký tham gia Hội đồng Công dân và 61 đề xuất dự án, cuối cùng đã chọn được 12 dự án để triển khai. Chiến dịch cũng tập trung vào các quy trình đào tạo và đánh giá trực tiếp, với Các thành viên Hội đồng Công dân được đào tạo chuyên sâu về ra quyết định có sự tham gia. Khóa đào tạo này rất quan trọng để họ đánh giá hiệu quả các dự án được nộp, đảm bảo cộng đồng có được những đóng góp đa dạng và hiểu biết. Ngoài ra, các hoạt động tiếp cận cộng đồng của chiến dịch, chẳng hạn như các chuyến tham quan khu phố và phát tờ rơi thông tin đến 65.000 địa chỉ, đã nâng cao đáng kể nhận thức về các cơ hội tham gia, dẫn đến sự tham gia tích cực hơn của cộng đồng. Tổng cộng 5.440 người dân đã tham gia 118 sự kiện được tổ chức thông qua chiến dịch, thể hiện mối liên hệ ban đầu chặt chẽ giữa cộng đồng và dự án Rijeka 2020.

- **Hội đồng công dân** : Tăng cường tính minh bạch trong quản trị và tăng cường niềm tin của người dân vào các thủ tục của thành phố ses.

- **Hội thảo ReValue** : Thu thập thành công nhiều ý kiến đóng góp đa dạng của cộng đồng cho dự án Export Drvo, từ đó đưa ra một thiết kế được công chúng ủng hộ rộng rãi.

- **Phòng thí nghiệm đô thị** : Các dự án thí điểm ban đầu đã chứng minh tiềm năng của phòng thí nghiệm như một không gian đổi mới, thu hút sự quan tâm của nhiều bên liên quan.

Kết quả dài hạn :

- **“Ukljući se”/“Tham gia”**: Về lâu dài, chiến dịch đã đóng vai trò then chốt trong việc củng cố các sáng kiến dân sự tại Rijeka. Nó cho phép các nhóm công dân không chính thức nộp đơn xin hỗ trợ tài chính, mở rộng sự tham gia ra ngoài các hiệp hội đã đăng ký chính thức và thiết lập một tiền lệ mới cho các dự án tham gia trong tương lai. Sự thay đổi này đã có tác động lâu dài đến cách tiếp cận của thành phố đối với sự tham gia của công dân và các cơ chế tài trợ. Những tác động văn hóa và xã hội của chiến dịch là rất sâu sắc. Các dự án được tài trợ thông qua các Sáng kiến Dân sự và các gói thầu Làn sóng Xanh đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển văn hóa và xã hội của thành phố. Chúng đã tạo ra những không gian giá trị cho giáo dục, giải trí và sáng tạo, đồng thời khuyến khích người dân chủ động định hình môi trường sống của mình. Điều này đã có

ảnh hưởng lâu dài đến chất lượng và động lực của cuộc sống hàng ngày ở nhiều khu phố khác nhau.

Hơn nữa, chiến dịch đã đặt nền móng cho sự tham gia bền vững của công dân. Mô hình tham gia được thiết lập thông qua Hội đồng Công dân và các sáng kiến rộng hơn của chiến dịch đã thúc đẩy sự tham gia và ảnh hưởng liên tục của công chúng vào chính quyền địa phương và các dự án cộng đồng. Tác động lâu dài bao gồm việc thành lập Hội đồng Công dân, phản ánh thành công của chiến dịch trong việc lồng ghép sự tham gia của công dân vào các hoạt động quản trị của thành phố. Ngoài ra, Làn Sóng Xanh

Các sáng kiến đã mang lại những cải thiện bền vững về môi trường và đô thị. Việc tạo ra các ốc đảo đô thị và nâng cao nhận thức về môi trường đã góp phần vào các mục tiêu phát triển bền vững lâu dài của Rijeka, cải thiện không gian công cộng và xây dựng một thành phố xanh hơn.

- **Hội đồng công dân** : Một nền văn hóa bền vững về sự tham gia của công dân vào công tác quản lý, trong đó hội đồng tiếp tục ảnh hưởng đến các quyết định quan trọng của thành phố.

- **Hội thảo ReValue** : Một địa điểm Export Drvo được tái tạo đóng vai trò là mô hình phát triển đô thị do cộng đồng thúc đẩy, kết hợp di sản văn hóa với chức năng đương đại.



Hình 6. Xuất khẩu Drvo Hall

- **Phòng thí nghiệm đô thị** : Phòng thí nghiệm này đã khẳng định mình là một thành phần quan trọng trong chiến lược phát triển đô thị của Rijeka, liên tục tạo ra các giải pháp sáng tạo giúp nâng cao tính bền vững và khả năng sinh sống của thành phố.

6. Mô tả về thực hành tốt sẽ được nhân rộng dựa trên trường hợp này

- **Hội đồng công dân**: Các thành phố khác có thể sao chép mô hình này để đảm bảo rằng ý kiến đóng góp của công dân vẫn là một phần cốt lõi của quản trị đô thị, thúc đẩy tính minh bạch và tính bao trùm.

- **Hội thảo ReValue**: Phương pháp tiếp cận tham gia được sử dụng trong dự án tái thiết Export Drvo có thể được dùng làm khuôn mẫu cho các thành phố khác đang thực hiện các dự án cải tạo đô thị, đặc biệt là những thành phố có giá trị văn hóa hoặc lịch sử quan trọng. Các hội thảo ReValue sử dụng phương pháp của Hội thảo Mô hình Tác động: một phương pháp trò chơi hóa, với các công cụ giúp người tham gia lập bản đồ nguồn lực, nhu cầu và hạn chế của họ. cũng như các cơ hội cho những lĩnh vực thay đổi khác nhau. Vì đây là một công cụ rất hữu ích, nhóm SmartRi đã yêu cầu ReVaule chia sẻ phương pháp này với heiSciti. Các tập tin chứa tài liệu và quy trình cho "trò chơi domino mô hình tác động" đã được chia sẻ với nhóm heiSciti trên một ổ đĩa trực tuyến.

<https://drive.google.com/drive/folders/1tzT4oC5zyT384vu6YoiZzk8AzvoIuggC?usp=sharing>
Sự hợp tác sẽ hữu ích cho cả hai dự án để phát triển hơn nữa các hoạt động tham gia khác nhau

phương pháp.

• **Phòng thí nghiệm đô thị (Dự án CEKOM):** Khái niệm về phòng thí nghiệm đô thị có thể được các thành phố khác áp dụng để tạo ra không gian nơi các giải pháp đô thị mới có thể được đồng sáng tạo, thử nghiệm và tinh chỉnh với sự hợp tác của người dân, đảm bảo rằng những đổi mới này dựa trên nhu cầu thực tế của cộng đồng.



Hình 7 Thiết bị đa chức năng CEKOM - một phần của Phòng thí nghiệm đô thị



« Các cơ sở giáo dục đại học thúc đẩy sự phát triển bền vững ở các thành phố Châu Âu và Châu Á,
thời kỳ hậu Covid-19 ».

Chia sẻ kinh nghiệm của Đại học Đà Nẵng trong hợp tác giữa Nhà trường - Nhà nước và mục tiêu
tổng thể cho việc kết nối và phát triển đại học Châu Âu và Châu Á”
(gọi tắt là Dự án “HEIsCITI”)



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHUYÊN THỰC TẾ BÀI TRÌNH BÀY BÁO CÁO

Đối tác chủ trì: LAMA Impresa Sociale Soc. Coop.

Các đối tác tham gia:

WSB, MRU, SMART RI (có mặt tại chỗ),

Stuttgart Media University, Đại học Đà Nẵng (Tham gia từ xa)

Địa điểm: Florence, Londa và San Godenzo (tỉnh Florence)

Ngày tháng: 3 - 5 Tháng bảy 2024

Mô tả thực hành tốt được trình bày trong chuyên thăm thực tế

1. Các đề tài của cái trường hợp học

Luân đôn và san godenzo là hai người tuscan các thành phố xác định vị trí trong cái apennine núi. hai thành phố có thể dễ dàng tiếp cận từ thành phố florence gần đó là truy cập điểm đến một quan trọng tiếng ý quốc gia công viên, cụ thể là cái “công viên quốc xã delle rừng casentinesi , monte falterona e campigna ”, một nơi giàu đa dạng sinh học và là nguồn cung cấp năng lượng quan trọng dịch vụ hệ sinh thái vì tất cả các lãnh thổ.

Hai thành phố chia sẻ mong muốn bắt đầu một quá trình chuyển đổi nhằm mục đích giải quyết các vấn đề như suy giảm dân số và già hóa dân số. vì lý do này, lama đã tham gia để cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho một nghiên cứu và phân tích có hệ thống về các vấn đề chính đôn bầy lãnh thổ có thể thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. nghiên cứu này dẫn đến cái thiết kế của một tổ hợp và nhiều lớp lãnh thổ phát triển chiến lược, gọi điện “ montagna fiorentina ”, sau đó được tài trợ bởi kế tiếp thể hệ chương trình eu .

Liên quan sâu sắc đến chiến lược tái tạo lãnh thổ là quá trình tham gia được gọi là “ montagna prossima ”. cái này quá trình đã đưa cho cái cơ hội đến mở cái tái sinh chiến lược đến cái sự tham gia trực tiếp và tham vấn của người dân ở hai thành phố. các hoạt động của montagna quá trình tham gia prossima nhằm mục đích tạo điều kiện cho mọi người tham gia vào quá trình chuyển đổi lãnh thổ, đồng thời trình bày chiến lược mới và thông báo cho người dân về các cơ hội tham gia; trên hết, mọi người được mời tham gia các sự kiện mở cuộc thảo luận và đồng thiết kế, vì thu thập cơ bản chỉ định đến lái cái thực tế thực hiện cái các can thiệp bao gồm trong cái chiến lược.

Từ tháng một đến tháng sáu 2023, nhiều có sự tham gia sáng kiến đã từng được tổ chức : công cộng sự kiện thuyết trình, bàn tròn chuyên đề, điểm thông tin tạm thời di động, đồng thiết kế các hội thảo dành riêng cho thanh thiếu niên và phụ nữ, và các sự kiện cuối cùng trình bày quá trình kết quả. mỗi cuộc họp này đều chứng tỏ là thời điểm quan trọng để thể hiện những quan điểm khác nhau giọng nói và quan điểm đến phương đông cái thực tế thực hiện của cái lãnh thổ tái sinh các biện pháp can thiệp.

2. Thách thức được giải quyết trong nghiên cứu điển hình

Các sơ đồ thử thách vì cái này kiểu của sáng kiến là cái đó tham gia trong một hợp tác quá trình yêu cầu có ý nghĩa thời gian và cố gắng từ những thứ kia có liên quan. Vì thế, của nó chủ yếu ĐẾN rõ ràng định nghĩa cái khách quan và cái tiềm năng lợi ích cho những người tham gia, từ cái rất bắt đầu.

Ngoài ra, cái thực hiện của cái Montagna Fiorentina dự án có là rất nhiều được nuôi dưỡng bởi những đóng góp và đầu vào của Montagna Quá trình tham gia Prossima . Nó là thiết yếu ĐẾN có hiệu quả giao tiếp cái này đến địa phương cộng đồng Vì thế họ nhận ra cái đó của họ

những nỗ lực đã rất cần thiết cho việc tái tạo khu vực của họ. Hơn nữa, điều quan trọng là hiện tại hữu hình kết quả cái đó điểm nổi bật cái mục tiêu đạt được, tăng cường sự hài lòng và tăng cường cái cảm thấy rằng cái nỗ lực đầu tư đã từng là đáng giá.

Một thách thức khác mà chúng tôi gặp phải là đảm bảo sự tham gia của tất cả các cá nhân và nhóm, vì có nguy cơ loại trừ một số người khỏi quá trình tham gia, do đó bỏ lỡ cơ hội để họ tác động đến các quyết định về tái tạo lãnh thổ. Theo nghĩa này, nó là điều quan trọng hàng đầu là xác định những cá nhân và bên liên quan chủ chốt, những người tham gia và duy trì tích cực khắp cái trọn quá trình. Những cái này cá nhân là chủ yếu ĐẾN cái quá trình tham gia và nên được công nhận là đồng minh chủ chốt trong việc truyền bá thông điệp và khuyến khích rộng hơn sự tham gia.

3. Các giai đoạn chính trong việc đồng sáng tạo giải pháp và các bên tham gia

Các chủ yếu các giai đoạn của cái có sự tham gia quá trình “ Montagna Prossima ” đã từng cái tiếp theo:

GIAI ĐOẠN 1) LẬP BẢN ĐỒ

Các đầu tiên giai đoạn của cái có sự tham gia con đường có liên quan lập bản đồ tất cả cái diễn viên và các tổ chức hoạt động trong khu vực. phương pháp được áp dụng để thực hiện hoạt động lập bản đồ là “quả cầu tuyết lấy mẫu”, cái mà đã bật đạt được một ban đầu nhóm của những người tham gia, sau đó mở rộng bởi vì hôn ước các hoạt động. các khách quan của cái này giai đoạn đã từng là đến đỉnh hôn công dân và các tổ chức , để bắt đầu chia sẻ thông tin liên quan đến quá trình chuyển đổi đang diễn ra, và đến khuyến khích mọi người đến lấy tích cực phần trong cái quá trình tham gia.

GIAI ĐOẠN 2) CAM KẾT THAM GIA

Tất cả đã lập bản đồ các môn học đã từng sau đó có liên quan trong nhiều các sáng kiến:

- công cộng sự kiện trình bày cái lãnh thổ tái sinh chiến lược và tất cả cái sự tham gia hội, trong cả hai hai các thành phố;
- bài thuyết trình sự kiện tận tụy đến giới trẻ dưới 35;
- phỏng vấn với tích cực các bên liên quan (các tổ chức hoặc không chính thức các nhóm, vì lợi nhuận và phi lợi nhuận doanh nghiệp) trên cái hai lãnh thổ.



GIAI ĐOẠN 3) LẮNG NGHE VÀ TRANH LUẬN

Giai đoạn thứ ba tập trung vào việc lắng nghe, tranh luận và thu thập nhu cầu và ý kiến đóng góp. Các hoạt động bao gồm:

- 2 sự kiện với chủ đề bàn tròn vì thảo luận cái chủ đề của DU LỊCH, VĂN HOÁ, CÔNG VIỆC, ĐỊA PHƯƠNG DANH TÍNH, VÀ MÔI TRƯỜNG;
- 6 trạm thời các trạm bộ hướng lên trong khác biệt địa điểm trong cái hai các thành phố vì cho thông tin và tụ tập đầu vào từ công dân đến tạo ra một cộng đồng bản đồ;
- 1 trực tuyến giao tiếp kênh vì thông tin Và đề xuất bộ sưu tập.



GIAI ĐOẠN 4) ĐỒNG THIẾT KẾ

Các thứ tư giai đoạn đã từng là tiến hành đồng thiết kế hội thảo với phụ nữ Và trẻ mọi người (dưới 35), hai phạm trù cơ bản cho sự tái tạo xã hội, kinh tế và văn hóa của hai các thành phố của Luân Đôn Và San Godenzo . Các đồng thiết kế hội thảo nhắm tới đến làm những cái này mục tiêu nhóm thực tế nhân vật chính của cái lãnh thổ của phát triển, cho họ kỹ năng Và ủng hộ để tương tượng ra những đề xuất mới cho việc tái tạo lãnh thổ của họ. Để khuyến khích phụ nữ sự tham gia, Một miễn phí trông trẻ dịch vụ cũng đã được được cung cấp trong lúc các cuộc họp.



GIAI ĐOẠN 5) BÀI THUYẾT TRÌNH

Để chia sẻ những tiến bộ và kết quả, hai loại hoạt động phổ biến đã được thực hiện: việc xuất bản các báo cáo tổng hợp và tổ chức hai sự kiện công cộng cuối cùng, một trong Luân Đôn Và một trong San Godenzo .

Ngoài ra, các hoạt động truyền thông thường xuyên (trực tuyến và ngoại tuyến) đã được triển khai trong trọn khoảng thời gian của cái có sự tham gia con đường Và sang tất cả cái hoạt động giao lưu.



4. Giải pháp đã được triển khai

Kết luận của Montagna Quá trình tham gia của Prossima đã trùng với thời điểm bắt đầu của cái lãnh thổ chiến lược “ Montagna Fiorentina” thực hiện, cái mà do đó được hưởng lợi từ những đóng góp thu thập được trong quá trình tham gia. Cụ thể, đây là một số đầu vào từ cái có sự tham gia quá trình cái đó đã từng là cơ bản vì cái chiến lược can thiệp:

Nhận dạng trực quan và trang web: Phương pháp tiếp cận có sự tham gia cũng đã được áp dụng vào thiết kế của bản sắc trực quan và các chức năng chính có trong nền tảng web của “ Montagna Fiorentina”. <https://montagnafiorentina.com/>. Người dân được yêu cầu vẽ ý tưởng của họ về núi, đại diện cho các giá trị và biểu tượng cảm xúc từ những trải nghiệm cá nhân của họ và là một phần của văn hóa địa phương. Những yếu tố trực quan này đã được kết hợp vào quá trình sáng tạo bản sắc trực quan của Montagna Fiorentina và được giới thiệu trong tất cả các tài liệu hình ảnh phối hợp, do đó tăng cường cái của cộng đồng giác quan của thuộc về Và sự liên quan đến cái dự án.



Trải nghiệm du lịch: Để tăng sức hấp dẫn của lãnh thổ trong khi thúc đẩy di sản văn hóa của khu vực, sản xuất kinh tế địa phương và tài nguyên thiên nhiên, sự tham gia quá trình này đại diện cho cơ hội để lập bản đồ và kết nối các tác nhân địa phương (lợi nhuận và phi lợi nhuận) các tổ chức) có khả năng cung cấp cho cư dân và du khách những trải nghiệm sâu sắc tại địa phương thuộc văn hóa di sản Và sự hưởng thụ của đặc trưng các sản phẩm Và truyền thống, cùng nhau với địa phương cộng đồng. Quá trình này dẫn đến việc tạo ra một danh mục các trải nghiệm du lịch đã là phổ biến cả hai ngoại tuyến và trực tuyến (trong cái tận tụy phần của cái [Montagna Fiorentina trang web](#)).

Đồng thiết kế các dự án theo dõi: các đồng thiết kế quá trình có liên quan trẻ mọi người và phụ nữ từ cái hai các thành phố, và được tạo ra một loạt của ý tưởng và đầu vào vì cái florentine núi can thiệp. chúng tôi mô tả ở đây cách hai trong số những ý tưởng này đã được thực hiện ở trong cái chiến lược mới:

Dự án đầu tiên nhằm đáp ứng nhu cầu phát sinh trong quá trình tham gia: thiếu cơ sở lưu trú cho du khách. dự án đã lập bản đồ và kết nối những mọi người có trống phòng hoặc căn hộ đến là đã sử dụng bằng du khách chỗ ở đến cung cấp một đồng phục và lan rộng dịch vụ.

Dự án khác là công trình do một nhóm thanh niên thực hiện với mục đích tạo ra một không gian ngoài trời. vì cái tổng hợp và xã hội mạng sống của trẻ mọi người, cái mà có thể mà còn chủ nhà sáng kiến và sự kiện được tổ chức bởi họ. không gian ngoài trời sau đó được xây dựng nhờ sự hợp tác với sinh viên và giáo viên từ iuav trường đại học của venice.



5. Kết quả can thiệp ngắn hạn và dài hạn

Trong tổng quan các điều khoản, cái sự tham gia trong cái sáng kiến của montagna prossima và cái đóng góp vào việc xác định các yếu tố chính của chiến lược tái thiết lãnh thổ được tăng cường một giác quan của sự công nhận và quyền sở hữu xung quanh cái dự án trong khi xây dựng một mạng lưới giác quan của cộng đồng .

Một trong những tác động ngắn hạn quan trọng nhất do dự án tạo ra là việc tạo ra mạng lưới và sự hợp tác mới giữa các tác nhân địa phương. Tác động này được kích thích thông qua sự tham gia của cộng đồng địa phương vào nhiều sáng kiến tham gia được tổ chức trong montagna quá trình tham gia prossima . những sự kiện này không chỉ thu hút người dân và được thông báo họ về cái sự biến đổi quá trình đang tiến hành nhưng mà còn được kích thích đối thoại và mạng lưới giữa các bên liên quan tại địa phương và củng cố mối quan hệ giữa những người tham gia và cái thành phố sự quản lý.

Thật vậy, quá trình tham gia đã cho phép củng cố cuộc đối thoại hiện có giữa cộng đồng địa phương và chính quyền công . chính quyền thành phố cả hai luân đôn và san godenzo đã lắng nghe đến cái các tổ chức hiện tại đến học hỏi về của họ nhu cầu và các đề xuất phát triển cho lãnh thổ và cũng được đưa ra để thảo luận, cung cấp hữu ích thông tin và, trong cái trường hợp của cái đồng thiết kế đường đi, mà còn cung cấp kỹ thuật ủng hộ đến làm cái ý tưởng cái đó nổi lên cả hai khả thi và bền vững.

Về lâu dài, một trong những mục tiêu chính của Montagna Quá trình tham gia Prossimalà để kích hoạt cộng đồng địa phương, về mặt nhận thức và tham gia vào quá trình chuẩn bị cho một quá trình rộng hơn được thiết kế để có tính liên tục lâu dài. Theo nghĩa này, trong số những tác động về mặt thời hạn được mong đợi bởi dự án Nó là quan trọng ĐẾN đề cập đến:

- chống lại cái nhân khẩu học dòng chảy ra và khuyến khích mọi người đến ở lại và đầu tư trong cái khu vực của tiềm năng;
- tăng trong kỹ năng, và vì vậy thuê người làm những cơ hội , với cụ thể thẩm quyền giải quyết cho phụ nữ và trẻ mọi người lấy phần trong các khóa học đồng thiết kế;
- sự gia tăng trong sự tham gia văn hóa , nhờ vào việc tạo ra những cơ hội mới cho thúc đẩy cái khu vực, trên một thuộc văn hóa, nghệ thuật và môi trường mức độ;
- tăng trong du khách thực hành hỗ trợ và tôn trọng cái lãnh thổ và của nó cộng đồng , cảm ơn đến cái hôn ước của địa phương diễn viên trong cái khuyến mãi và thực hiện trải nghiệm du lịch tăng cường cái địa phương di sản.

6. Mô tả thực hành tốt có thể nhân rộng dựa trên trường hợp này

Các montagna prossima có sự tham gia quá trình là đã nói đất trên một đối mới đa cấp phương pháp luận , cái mà tập trung trên hấp dẫn và lắng nghe đến của người dân nhu cầu, địa chỉ lãnh thổ vấn đề và tiềm năng, nuôi dưỡng đồng đẳng trao đổi, hợp tác xã học hỏi và một cách tiếp cận hợp tác trong việc thiết kế các biện pháp can thiệp tái tạo cục bộ, trên các đòn bẩy của văn hóa và môi trường. những đặc điểm đối mới này không bị ràng buộc về thời gian và không gian, do đó làm cái phương pháp tiếp cận phương pháp luận có khả năng có thể sao chép được.

Do đó, cách tiếp cận của quá trình và cấu trúc chung của quá trình có thể được nhận nuôi (và (đã điều chỉnh) trong khác địa điểm với tương tự đặc trưng (nông thôn hoặc vùng ven đô bối cảnh, các đô thị nhỏ), thực hiện các quá trình chuyển đổi và tái tạo. đó là quan trọng, tuy nhiên đến gạch chân cái đó mỗi bối cảnh quà tặng cụ thể những thách thức và những cơ hội cần được xác định trong một phân tích bối cảnh sơ bộ kỹ lưỡng, cần thiết đến sự suy sụp cái có sự tham gia các hoạt động trong địa điểm cụ thể đúng quy định.

Cuối cùng, chuyên gia số liệu tạo điều kiện thuận lợi công dân sự tham gia và nuôi dưỡng đối thoại với công cộng quản lý phải liên tục kích thích và hỗ trợ quá trình tham gia. trong này theo nghĩa này, các trường đại học có thể đóng vai trò then chốt trong việc này, với tư cách là đối tác chính trong việc thiết kế, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi những cái này các quá trình đến đảm bảo sự thành công của họ.